

Tác Giả và Tác Phẩm

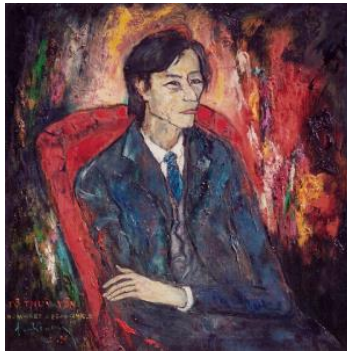
Tô Thùy Yên (II)

Tiểu sử

Mất tại Houston, Hoa Kỳ ngày 21-5-2019

Tác phẩm

Thấp tạ (2005).



tranh Đình Cường

Mục Lục

Chênh vênh siêu hình hiện thực...– Trần Hữu Thục - 2
Tô Thùy Yên, thơ như người bị bức tử - Nguyễn Mạnh Trinh - 24
Tô Thùy Yên: thơ, như một... - Bùi Vĩnh Phúc - 29
Hãy biểu dương cùng tận – Phan Nhật Nam - 66
Một mình cầm cự thi ca...- Lê Thị Huệ - 74
Tô Thùy Yên – Viên Linh - 78
Đôi lời về nhà thơ Tô Thùy Yên - Chân Phương - 97

Phụ đính I

Chùm thơ Tô Thùy Yên

(tr 99)

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Thơ Tô Thùy Yên:
Chênh vênh siêu hình - Hiện thực
Trần Hữu Thục

Gặp lại nhau, nhìn sững chẳng ra

*Em thay đổi quá, tựa sơn hà
Thơ làm không kịp theo dâu biển
Mắt dầu khô mà nhớ lại hoa
(Tô Thùy Yên)*

Tô Thùy Yên (TTY)¹ làm thơ từ hồi còn rất nhỏ. Bài thơ đầu tiên đưa đăng báo được in ở tạp chí Đồi Mới do nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh chủ trương, vào lúc ông 16 tuổi. Theo ông, bài thơ đó, "chắc chắn không phải là một bài thơ hay và ngày nay tôi chẳng còn nhớ nó như thế nào nữa"². Năm 1956, một bài thơ khác in ở trên Sáng Tạo – tạp chí mở ra một thời kỳ mới của văn học nghệ thuật Việt Nam: Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu. Đó là một bài thơ mà những ai yêu mến văn học nghệ thuật không thể quên. Nó là dấu mốc của một chuyển biến sâu xa trong nền văn học miền Nam mà cũng là trong nền văn học VN. Gần 40 năm sau, tập thơ đầu tay mới ra đời: Thơ Tuyển Tô Thùy Yên, xuất bản ở Hải Ngoại năm 1995, lúc nhà thơ đã... 56 tuổi đầu. Thêm chín năm nữa, tháng 8/2004, tập thơ thứ hai ra đời: Thấp Tạ. Bìa trước của tập thơ mới này ghi:

*thức cho xong bài thơ
mai sớm ra đi
cài hờ lên cửa tặng*

Đây là bài thơ ngắn nhất của tác giả (trong lịch sử thi ca, chắc cũng không có mấy bài thơ ngắn hơn), Tặng phẩm. Lời thơ nghe như có ý nói rằng "Thấp tạ" là tập thơ cuối cùng trong đời ông? Mong rằng tôi hiểu sai.

Cảm giác đầu tiên của tôi khi đọc thơ TTY là ngạc nhiên vì một số điểm có vẻ như "tương phản" trong thơ ông.

- Bài thơ (được xem) như đầu tay, "Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu" làm lúc còn là một thiếu niên - không phải là một bài thơ tình học trò với những rạo rức yêu đương, mộng tưởng, nhớ nhung vớ vẩn - mà lại là một bài thơ đằm triết lý; không phải là một thứ triết lý vớ vẩn, mà là chứa chất một cái nhìn rất bao quát, được tiếp tục được triển khai qua nhiều bài thơ về sau này, dưới những cách diễn đạt khác nhau về hữu hạn/vô hạn. Suốt mười lăm câu, tuyệt không có một từ ngữ triết lý nào, cũng không ám chỉ một ý niệm triết lý nào. Toàn bài là một bức tranh sinh động, rất đẹp, rất hoành tráng và chấm dứt bằng một bi kịch đầy ấn tượng: tàu chạy mất và con ngựa thì gục ngã. Một gục ngã êm đềm, thắm mỹ! Một ẩn dụ triết lý tuyệt vời!

- Thơ TTY rất nhiều khái niệm hoặc hình tượng triết lý – lời thơ đôi khi bí hiểm, khó hiểu – thì đồng thời lại không thiếu những hình ảnh hiện thực, có thể nói còn hiện thực hơn cả những nhà thơ hiện thực nhất.

- Thơ Tô Thùy Yên rất hiện đại, rất cách tân, trong lúc lại không thiếu gì những bài, những đoạn, những câu thơ rất cổ điển, rất tiền chiến, rất thơ mới. Bên cạnh "Tôi chạy cắm đầu trên sợi kính hoàng/Giăng qua đôi bờ vực lạnh hư vô", chẳng hạn, ta lại đọc thấy "Có gã hề cuồng ra giữa chợ/Hát ngao những đoạn sấm truyền xưa/Bao giờ gió thổi cơn nồm lớn/Mình chửa giông thuyền ra cổ đò" (Mùa Hạ) phảng phất không khí cổ điển hoặc "Bao giờ cho đến bao giờ nữa/Em gánh vui về hạp chợ đông/Lòng ngát như hoa còn kịp buổi/Áo chưa người giữ để xin buông" nghe như thơ tiền chiến. Lại có đoạn rất Kiều: "Đêm nằm, lệ chảy mòn tay/Nghe chừng đá nát vàng phai đến điều/Mịt mùng gió lửa liu hiu/Bóng nào khóc, bóng nào kêu, nã nùng" (Hái rau)

Về điểm này, Nguyễn Hưng Quốc nhận xét "Có thể dễ dàng tìm thấy trong thơ Tô Thùy Yên vô số những dấu vết của truyền thống bên cạnh vô số những điểm cách tân độc đáo: cả hai hài hòa với nhau làm cho thơ ông, ở những bài thành công nhất, có cái hoàn hảo của những tác phẩm cổ điển"³.

Lúc đầu đời, loại thơ xuôi của ông đầy những cách tân, cả về cấu trúc lẫn cách sử dụng từ ngữ và hình ảnh. Hãy đọc thử:

"Vội thân thể lân tinh, em sáng lên trong bóng tối, hạt kim cương rạn ngời trong mỏ than đêm, anh trông thấy em không nhằm lẫn được. Vội thịt da gỗ quý, giọt mật tinh khô nằm giữa đài hoa thơm nức, em dâng hương anh, gĩa du mục lạc loài trong nhớp nhúa. Em là chiếc thuyền đời thương cổ chở đến anh hoa trái tốt tươi ngọt ngào của miền đất anh đã biết qua thần thoại" (Lễ Tấn Phong Tình Yêu)

Dù cách diễn tả rất mới, rất tới, nhưng bài thơ suôn sẻ, tinh tứ như thể có cái gì như làm dáng và sáo, thậm chí ngoa ngôn. Tôi đồng ý với một nhận định của Bùi Vĩnh Phúc khi cho rằng, qua "Lễ tấn phong tình yêu", "Ngôn ngữ và hình ảnh trong thơ Tô Thùy Yên đã có những nét khác lạ so với hình ảnh và ngôn ngữ của những người thơ cùng thời. Nhưng cho dù có thể đi nữa, hình ảnh thơ của Tô Thùy Yên trong giai đoạn này vẫn còn tính chất nạm bạc, đặc biệt nếu ta đọc toàn bài. (...) Đọc kỹ, chúng ta thấy TTY đã có nỗ lực làm mới hình ảnh, làm mới cách nhìn trong thơ mình. Trong nỗ lực đó, ông viết được những câu thơ có vóc dáng lạ. Nhưng dù sao, như đã nói, đó vẫn là một sự dát vàng cẩn bạc của TTY trong giai đoạn này. (...) Hình ảnh và ngôn ngữ thơ vẫn chưa hoàn toàn đạt được sự ung dung tự tại"⁴.

Một vài bài khác, cũng làm trong giai đoạn này, chứa một hơi thơ khác hẳn bài trên, ít nhiều nhiễm không khí triết lý:

Tôi châm điều thuốc nữa
Đốt tàn thêm tháng năm
Chiếc bắc xa dần bến
Đời xa dần tuổi xanh
(Đêm Qua Bắc Vàm Cống)

TTY cảm nhận đau thương, cảm nhận cô đơn, nhưng không phải cái đau thương, hay cô đơn xuất phát từ bất hạnh cá nhân – mà là thứ cô đơn, đau thương có tính nhân quần. Và có tính khái niệm. Mấy câu sau này lại càng có vẻ "khái niệm" hơn nữa:

Có đọc thuộc thánh thư
Linh hồn tôi vẫn vậy
Tôi vẫn không thể lạ
Dù đứng trước hư vô
Đầu tôi cứng và trơn
Thượng Đế làm sao ngự
Tôi đành trốn chủ nợ
Định mệnh đời linh hồn
(Thân Phận Của Thi Sĩ)

Hai bài thơ có những trích đoạn trên cũng như một vài bài thơ khác như "Thi sĩ", "Tội nghiệp", ta thấy ông đưa vào các thuật ngữ triết lý. Từ ngữ và ý thơ mang tính cách khai phá, rõ ràng phần nào chịu ảnh hưởng của trào lưu hiện sinh đang từng bước chinh phục không khí văn học miền Nam thời đó. Nhưng giờ đọc lại, tôi thấy chúng - hay thì có hay, tất nhiên - nhưng vẫn có vẻ gượng gạo. Cái chất TTY đặc thù chưa thấy xuất hiện. Phải đến những bài như "Đấng tử", "Mòn gót chân sương nắng tháng năm" hay "Bất tận nỗi đời hung hãn đó", vân vân, ta mới thấy định hình một Tô Thùy Yên thực sự, một TTY như ta biết hiện nay.

Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sầu
Bay tản khắp vô cùng trống trải
Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau
(Đấng tử)

Hơi thơ mềm mại, ý thơ lãng đãng, mộng lung y như chẳng nói lên điều gì rõ rệt, khác hẳn với mấy đoạn thơ trên. Đọc thử một đoạn trong một bài thơ khác:

Tàu đi, những chấn động hung hãn

Sắt thép kinh hoàng va đập nhau

Ta tưởng chừng như thời đại động

Xô đi âm ỉ một cơn đau

(Tàu đêm)

Nghe ghê! hung hãn, kinh hoàng, va đập, thời đại động, âm ỉ. Đoạn thơ này cũng cho ta cảm giác ngoa ngôn vì từ dùng rất kêu, nhưng ngôn ngữ chắc, khỏe, vừa để diễn tả chuyến tàu chở tù thời kỳ đó (tàu thì cũ, đường sắt thì quá cổ lỗ sĩ, vừa mới phục hồi) vừa diễn tả tâm trạng hoang mang, dao động, tuyệt vọng của những người tù đang trên đường bị đi đày biệt xứ. Cả hai đoạn trích trên khác hẳn nhau về hơi thơ, ý thơ, thi ảnh, khác nhau cả về cấu trúc lẫn ngôn ngữ, nhưng lại có một điểm giống nhau: lạ. Ấy, Tô Thùy Yên! Tôi sẽ cố gắng trình bày cái "lạ" đó qua suốt bài này. Trong khả năng cho phép.

Chữ nghĩa TTY

TTY làm nhiều thể loại thơ: thơ năm chữ, thơ bảy chữ, thơ xuôi, thơ tự do, thơ lục bát, thơ phá thể. Ngắn có (bài "Tặng phẩm" chỉ có 14 chữ), dài và rất dài có (bài "Mùa hạn" thơ bảy chữ, gồm đến 188 câu, 1326 chữ). Như đã nhận xét từ đầu bài, chữ nghĩa TTY pha trộn giữa truyền thống và cách tân. Bên cạnh những từ và cụm từ hiện đại như hư vô, ý thức, Thượng Đế, sự can trường của hiện hữu, thám hiểm tương lai... ông tận dụng các từ ngữ với ý nghĩa rất cổ điển như: vạn cổ, bí lục, thiên thụ, phù du, quan san, kinh thiên, dương thế, gậy trúc, tào khê, trăm họ, thánh đế, sấm truyền; các đặc ngữ dân gian: chớp bể mưa nguồn, hạc vàng thương nhớ, chờ anh như biển vẫn chờ sông, vàng đá nhấn quan san, ngựa đá đã qua sông, nước non ngàn dặm, núi lở sông bồi, đá nát vàng phai, chút phận long đong, bóng xế đường dài...

Đồng thời, ông sáng tạo nhiều và nhiều cụm từ rất lạ: ngổ ngang câm, bất an già, khoảng cách đặc, án tử hình treo, lãng quên xanh, nổi sầu vô dạng, u hoài mốc, gió hao đuối, rợp hải hà, rớt nắng, nắm níu, nhớ hư hoặc, một phía mê tưởng, lưu cữu gió, vũng vướng mắc, ráo gió, úng máu, thiu hồn, muối muện, đuối kiệt, ngát tạnh khuya, réo đuối... Ở điểm này, ta có thể so sánh TTY với Trịnh Công Sơn. Cả hai đều là những người "đề" ra nhiều từ mới hoặc sử dụng từ cũ với một ý nghĩa mới. Ở TCS, ta có nào là tuổi đá buồn, vết lằn trầm, lời buồn thánh, nắng khuya, hạ trắng, bồn gió hoang... nào là dài tay em mấy, cồn đá... Nhưng ta ghi nhận một khác biệt: chữ nghĩa TCS dường như thoát thai từ trực giác, còn chữ nghĩa TTY thì là một dụng công đầy ý thức (như sẽ đề cập ở đoạn sau); một điểm khác, TCS do vướng trong việc phổ nhạc nên tương đối bị giới hạn trong lúc TTY tự do hơn nhiều, nhất là khi ông không còn xem trọng chuyện vần điệu trong thơ.

Có một nỗ lực rất lớn của TTY trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt sự vật ngoại giới và tâm cảnh của mình. Ông tìm cách bóc tất cả những lớp vỏ bọc quanh hiện thực bằng cách huy động đủ loại từ ngữ, phối trí chúng trong một cấu trúc theo kiểu riêng của ông. Dường như ông muốn đi đến tận cùng bản thân chúng để tìm thấy cái gì còn ẩn dấu đằng sau hoặc nằm bên trong sự vật. Từ cũ dùng đúng nơi đúng chỗ. Từ mới gây ra ấn tượng mạnh. Đồng thời tận dụng các đặc ngữ, quán ngữ vừa để làm "mềm" câu thơ hoặc làm dịu đi những cách diễn đạt quá mới vừa là một cách điều hòa tinh tế nhằm tạo hiệu quả cao nhất nơi người đọc. Thơ ông không quá tối tăm, khó hiểu, nhưng để hiểu được, đòi hỏi người đọc phải vận dụng tri thức, kiến thức và óc quan sát tinh nhạy. Đọc thơ TTY không thể chỉ đọc bằng trực giác vì chúng không gây nên xúc động lập tức

nói người đọc. Chúng đã không cho những thi ảnh trơn tru, thuận tai, gọi hình, gọi tình; đã thế, lại đưa ta vào một không khí đầy trầm tư mặc tưởng, đôi lúc khá ngọt ngào. Ông có lối diễn đạt sự vật, cảnh vật chung quanh rất sống động bằng cách sử dụng những tính từ, động từ một cách khá bất ngờ. Xin dẫn ra đây một số:

- Động vật: chim "giục già" hay "hót hã kêu van", con ngựa "cuồng bão táp", chó "tru thăm thăm", diều "xê luống sàu", con quạ "kêu ran", con còng "ấn nhẩn bò".
- Thực vật: cây "nứt nở vỡ", "bật gốc" hoặc "sưng vết chặt lồi"; rong thì như những "tàng buồn"; hàng cây dương thì "bất an già"; rễ cây "bung" hay "gượng"; cỏ tranh "khom mồi"; tàu chuối "reo ngát ngát"; cây xương rồng "gắng gượng".
- Sự vật: con rạch "đen nồng", chiếu chăn "bức bối"; con đường "đuối sáng" hay "rọc điếng"; hàng rào chà cản nước "nỗ lực lao đao"; nước ao "lền đặc"; gènh đá "nhọn rách toí"; bãi biển "trơ trên"; tàu chạy "khoan xoáy" hay "rú"; máu "bung".
- Những hiện tượng tự nhiên: gió "khốc liệt" hay gió "sủi soạn"; thủy triều "sôi"; mùa hè "cọ xát" hay "xô xát reo vang" hay "nhức rát"; biển "nhẩn nại", "tang chế"; nắng "nứt ran ran", mặt trời "rã"; khuya "rụng rời"; đêm "tối lèn".
- Những ý niệm, trạng thái hay cơ cấu: lịch sử khi thì "ngắt lả", khi thì "thịnh nộ", khi thì "mài tê thiết"; tử thơ thì "xiêu tán"; kỷ niệm "buông", "rú", "chìm"; (cái) bất-khả-tư-nghì "đá chồm"

Có những câu, mới đọc, ta tưởng nhà thơ đang nói đến một điều "bất khả tư nghì"⁶ nào đó. Không. Ông tả chân, rất tả chân. Chẳng hạn:

- rên hoa: tim đèn dầu thấp lâu ngày, phía trên cháy thành than xòe ra như một bông hoa nở.
- Mái ngói nghiêng triền trái rụng lả. Một cách đảo ngữ khá thú vị. Nó khiến cho một chi tiết thực dường như biến thành hư. Đó chỉ là tiếng trái cây rụng và âm thầm lả trên mái nhà nghiêng. Để ý, nhà thơ dùng những động từ kế tiếp nhau để diễn tả chuyển động: rụng, lả.

Thủ pháp này được ông dùng rất nhiều để gom ý, cô đọng ý và tạo cảm giác lạ:

- Thả/trôi hồn một tấu khúc chùng quen
- Dềnh/giạt về những quá khứ bỗng ngoi nổi
- Thả, trôi, dềnh, giật, ngoi, nổi đều là những động từ.

Một câu khác:

- Kỷ niệm buông tay rú - ngắt- chìm
 - Buông, rú, ngắt, chìm là những động từ.
 - Cũng một thủ pháp như thế, nhưng là tính từ, là danh từ hay là một kết hợp giữa các loại từ:
 - Phòng biệt giam tối mốc thấp hẹp (tính từ)
 - Tốc độ cao gài cố định mặc (cố định, mặc kệ cho nó chạy)
 - Trời sao có hồi cũng đuối kiệt (đuối sức, kiệt lực)
 - Và trong những khoảnh đèn khoét đọng lè quạnh (khoét ra, đọng lại, lè loi, quạnh quẽ)
- Từ Hán-Việt cũng được sử dụng trong một vài trường hợp bất ngờ:
- Hàng tre cổ chịu đầu lưu cứu gió (tre trĩu ngọn xuống để lưu cứu - cố giữ - gió lại)
 - Ta ngồi bên đồng lửa man rợ - Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế - Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi
 - Hừng đông hùng vĩ và thanh thân

Nói chung, chữ nghĩa ông rất chọn lọc, nghe lạ tai mà chính xác, khiến câu thơ mang ngay một vóc dáng khác thường, tăng cường thêm ý nghĩa cho chính nó:

- Mưa lâu trời mốc, buồn hôi xưa (Qua sông)
- Rêu mốc mờ thêm những đã mờ (Huế oán)
- Trăng thiếp, sao meâ, sông ráo gió

Buồn lan sóng nổi, tản không tan (Nhớ có lần, trên bến bắc khuya, nghe một ông lão đàn hát)

Kết cấu tinh xảo:

- Thăm thăm trưa, thời gian chết xanh (Vườn hạ)
- Quán chật xanh lên rừng lính ướt (Qua sông)
- Nghi ngút khuya thiên cổ dặm mù (Thao thức)

Ngoài ra, ta nhận thấy TTY khoái sử dụng từ trắc ở chữ thứ năm trong câu thơ bảy chữ khiến câu thơ có một nhịp điệu riêng biệt, hình thành một phong cách khá đặc thù của thơ TTY:

- Bốn trăm hải lý nhờ không tới
- Mùa gió xoay chiều, giờ khốc liệt
- Sông hồ nề đá giếng vô vọng

Loại câu trên nằm lai rai ở nhiều bài. Có bài, như "Đêm quan ngoại", kỹ thuật đó được sử dụng hầu như toàn bài, đại loại như: Tạt vào, giữ phôi bóng đêm bám/Gối đầu lên một chỗ không lý/Giờ này đã khuya khoắt thiên cổ... Ta biết, những từ thứ năm trong những câu thơ cước vận trắc, nếu gieo vần bằng, thì đọc lên nghe trơn tru, thuận mồm hơn. Dùng các từ trắc ở đây khiến câu thơ nghe như có cái gì chẹn, nghẹn lại, gây nên cảm giác bế tắc, lúng búng. Quả thật vậy, đọc chúng, ta thấy ngay tác giả muốn diễn tả những cảm giác day dứt, bất an.

Những bài thơ làm thời gian sau này (trong Thập Tạ), TTY đều sử dụng nhiều từ và cụm từ trắc để diễn tả tâm tình đặc biệt của mình: những nỗi niềm khuất tất, trạng thái ngơ ngẩn cuối đời khi "quỹ thời gian" đang mỗi ngày mỗi cạn (như Soi mệnh, Ty khách, Nỗi lần mình giờ). Chẳng hạn:

Giác mộc đề cứng nghẹn dầy la
Gà nửa khuya gáy xộ trắng muộn
Sòng phẳng án khổ hình vất đá lấy máu viết
Viết, viết như chép phạt những điều thừa
Về một kỳ tích tối cổ mãi hư bại.
(Soi mệnh)

Đoạn thơ trên mà so với những câu, cũng của ông, như: "Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì/Nước rào, trăng rạt, ta thì môi mê/Chày khuya, nước ủ trăng ê/Uổng công, bãi ấy đi về một ta..." (Đi Về) thì quả là khác nhau một trời một vực. Nói chung, chúng không khó hiểu lắm nhưng lại rất khó đọc. Chữ nghĩa ngổn ngang. Hơi thơ u uất. Vẫn là những ám ảnh siêu hình về thời gian, vô hạn, biến dịch. Ở đây, tôi ghi nhận một khác biệt. Thuở đầu đời, nhà thơ nghênh ngang đối đầu với/và có vẻ "thường thức" cái hữu hạn của con người, ném hữu hạn trước vô hạn như một thách đố, thậm chí không giấu nỗi hân hoan:

- Giá ta được lên cao, lên cao

Để ngắm nhìn một lần thấu suốt Định Mệnh ta

Trước ngày từ biệt nó

(...) Ta cố gắng làm người. Con người vô ích sáng choang như món hàng đeo lên Hư

Vô đen ngời bóng lộn (Bất tận nỗi đời hung hãn đó)

Hay:

Hoàng hôn xô bóng ta trên cát

Ta lớn lao và ta cô đơn

Vào lúc sau này, tuổi xế bóng, cái nhìn có khác, nghe ra rất ngậm ngùi:

Quá một hạn tuổi nào,

Sống nửa hầu như để giữ sống

Qua ngày một trí nhớ lâm chung.

Đâu rồi gã trẻ người bạt mạng lao đầu
Vào những bất khả tư nghì đá chồm
(Soi mệnh)

Tính siêu hình

Nhà thơ TTY không đến với sự vật như những kẻ thân thiện để ngắm nghía, chia sẻ, thông cảm, tìm hứng hay tìm cái đẹp, mà là để nghi hoặc, liên miên tra vấn và như thể tìm cách đẩy chúng vào cuộc chơi. Dường như ông hóa thân vào sự vật, đánh thức chúng dậy. Trong thơ TTY, dấu vết cảm hứng khá mờ nhạt, đúng như nhận định của Nguyễn Hưng Quốc, theo đó, TTY "trước hết là một nhà thơ trí thức (...) có thể thấy một đặc điểm lớn trong phong cách TTY: ông bắt đầu sự nghiệp làm thơ một cách đầy tự giác. Ông không cậy vào cảm hứng, vào năng khiếu, như hầu hết những nhà làm thơ khác"⁷. Ông vận dụng cả ý thức, lẫn kiến thức và óc quan sát tinh tế để làm thơ. Nếu chú ý, ta sẽ thấy ông luôn luôn chủ động kiểm chế chữ nghĩa, không bị chi phối bởi thói quen và ngẫu hứng⁸. Rõ ràng là ông làm thơ không chỉ để diễn tả những xúc động cá nhân trước thiên nhiên, trước thân phận hay những cánh đời ngang trái. Ông triển khai giọng thơ xa hơn, sâu hơn⁹, tiến vào lãnh vực vô thể, tức là lãnh vực của thế giới ý niệm. Do vậy, tính chất siêu hình bàng bạc trong hầu hết những bài thơ của ông¹⁰. Trả lời cho câu hỏi "Triết học và thi ca là những phạm trù khác nhau. Nhưng có nhiều người làm thơ triết học. Theo anh, có biên giới nào giữa thi ca và triết học không" của Nguyễn Mạnh Trinh, TTY hỏi lại "Có thật có một loại thơ gọi là thơ triết học sao?"¹¹. Rõ ràng là nhà thơ không mấy mặn mà với khái niệm về một loại thơ riêng biệt gọi là thơ triết lý, tất nhiên trong đó có thơ ông. Thơ là thơ. Nhưng là một người đọc yêu mến thơ ông, tôi thích gọi thơ TTY là thơ triết lý. Ta có thơ tình, thơ chiến đấu, thơ thiền, thì nếu thêm từ thơ triết lý, đâu có sao. Cũng chỉ là một cách gọi. Tạm gọi. Cho có cái cớ đi trọn bài này. Rồi thôi.

Mà không phải thơ triết lý sao được. Này nhé:

Nên ta phó mặc cho trời đất

Trời đất vô ngôn lại bất nhân

Nên ta lẳng lẳng đi đi khuất

Trong lãng quên xanh hút thời gian

Cái gì vậy? Yêu? Nhớ? Mong chờ? Nuối tiếc? Thiền? Không có cái nào là đúng hết. Chỉ còn một cách: đó là thơ... triết lý! Còn gì nữa đây:

Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn

Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê?

Đến ngã ba, đành theo một lối

Tiếc ngần không cùng theo lối kia

(Đặng tử)

Dạ, một diễn tả "rất thơ" về song quan luận (dilemma), thuộc lãnh vực luận lý học.

Rõ là thơ triết thì khác với triết lý. Các triết gia dùng khái niệm để diễn đạt tư tưởng triết học, đi tìm chân lý, và khi tìm ra cái gọi là chân lý rồi, họ yên tâm núp trong pháo đài của mình. Tưởng thế là xong! Nhà thơ không hề đi tìm chân lý, nên suốt đời lang thang, là một "gã hề cuồng", không nơi ẩn nấp: không có gì gọi là hoàn tất trong cuộc đời này. Mọi thứ đều dang dở, bất toàn. Bởi thế, nếu đọc triết cho ta cảm giác an toàn vì mọi câu hỏi dường như đều đã có lời giải, thì đọc thơ bao giờ cũng cho ta cảm giác chênh vênh, bất định. TTY gọi triết gia hay những nhà tư tưởng lớn là "các vương tôn miền trí tuệ/Mưu đồ đo đạc cả Vô Biên". Còn nhà thơ thì:

Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ

Gốc cây to đến mấy người ôm

Nghĩ tới bao điều thăm lạng lớn

Trí ta không đủ lực đo lường
Vi khác với các triết gia, tâm thức của một nhà thơ:
Câu hỏi vạn niên, lời đáp nhất thời
Chữ nghĩa rối bời gai góc loạn
Con đường suy tưởng thật lang thang
Ngày một xa thêm chân lý lớn
(Chim bay biển Bắc)

Đoạn này "thơ hóa" một trong những vấn nạn lớn của triết học cổ kim: có thể tìm thấy chân lý bằng chữ nghĩa và suy tưởng không? Nhà thơ dứt khoát: càng chữ nghĩa, càng suy tưởng, nghĩa là càng tìm cách đạt đến chân lý thì người ta càng xa chân lý. Vả lại, làm gì mà có chân lý cơ chứ! Nói TTY làm thơ triết lý có nghĩa là nhà thơ "thơ hóa" các suy tư thuần lý, thêm da thêm thịt cho chúng, ban cho chúng đời sống. Cũng là một cách phá vỡ các ảo tưởng duy lý. Hay mượn một hình ảnh "đắt giá" của TTY: Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ/Chấm giữa nền nhung một vết nâu trong bài thơ đầu đời "Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu". Có lẽ không có mô tả nỗ lực thất bại của con người nào nên thơ bằng hình ảnh tuyệt đẹp của con ngựa TTY. Thơ TTY, hiểu theo một cách nào đó, là sự khai thác hình ảnh này qua hàng hàng lớp lớp chữ nghĩa sau này, theo tôi. Những đề tài triết lý trong thơ TTY không có gì mới lạ. Vẫn là những ý niệm và hình ảnh quen thuộc ta thường tìm thấy trong triết lý Đông Phương cũng như Tây Phương (thường gọi là các phạm trù) qua mấy ngàn năm nhân loại suy tưởng: tuyệt đối, hữu hạn, vô hạn, vũ trụ, biến dịch, vô thường, thời gian, không gian, lịch sử... Hầu hết những đề tài đó được nhà thơ nhấn mạnh trong một số bài bằng cách viết chữ hoa như Chân Lý, Thiêng Liêng, Cõi Tạm, Hữu Hạn, Vô Biên, Tương Lai, Định Mệnh, Hư Vô, Nhân Thế, Vĩnh Cửu, Lịch Sử. Chẳng hạn như:

- Có thể mai kia Thời Đại Lớn
Sáng rền trên cõi sống tinh anh
(Mòn gót chân sương nắng tháng năm)

- Dưới nét phác nụ cười thâm mê man của Định Mệnh
Để ngày ngày ta đến điều trần lặng lẽ trước Vô Cùng
Về một Hữu Hạn tuyệt vời đang phóng dụng
(Bất tận nổi đời hung hãn đó)

Những ý niệm triết lý được nhà thơ trở đi trở lại nhiều lần bằng những cách diễn đạt khác nhau: khi thì là những suy tưởng trông rất thuần túy, khi thì là những ẩn dụ, biểu tượng, khi thì là những hình ảnh từ ngoại giới: người, sự vật, sinh vật. Đề tài thời gian có lẽ là đề tài lớn nhất và bao trùm nhất trong cõi thơ của ông, được triển khai rộng rãi trong nhiều bài thơ khác nhau. Bài thơ đầu tiên "Cánh đồng con ngựa chuyến tàu" là một diễn tả sống động về tính bất trắc của thời gian và sự bất lực của con người. Tàu tượng trưng cho thời gian vô hạn, con ngựa tượng trưng cho kiếp người hữu hạn. Hãy xem sự rượt đuổi quyết liệt biểu lộ cho một quyết tâm của ý chí:

Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu
Càng rượt, thời gian càng chạy gia tốc:
Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau (...) Tàu chạy mau, càng mau, càng mau

Con ngựa vẫn mê mãi rượt tàu, rượt tàu để cuối cùng:
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ/Chấm giữa nền nhung một vết nâu.

Thật hào hùng và bi tráng! Một kết thúc buồn, đẹp và rất thơ. Y như một hoạt cảnh. Sau này, trong "Thấp tạ", ông diễn tả sự rượt đuổi đó một cách khác, ngắn gọn hơn (nhưng lại buồn thảm hơn):

Cố gắng

Cố gắng theo cho kịp

Cái bóng mình như có đi nhanh hơn

(Nhanh hơn)

Trong nhiều bài về sau, ông không cần dùng đến ẩn dụ mà gọi đích danh hoặc hình tượng hóa thời gian qua hình ảnh của một sự vật, một chủ thể. Đó là một cái dốc dài: Trên dốc thời gian, hòn đá tuột/Lăn dài kinh động cả hư vô; là một chiếc xe: Thời gian gia tốc, thảm thê thay; là một nhân vật khuất lấp nào đó: Ta gọi thời gian sau cánh cửa/Nổi mừng ràn rụa mắt ai sâu; là một ngăn kéo hay một kho chứa: Ta về như bóng ma hồn tui/Lục lại thời gian kiếm chính mình; là sợi dây: Thời gian đứt quãng dài vô định/ Như sợi dây điều bằng mắt nhắm; vô hình vô dáng: Biển Bắc mịt mù con nhận lạc/Thời gian mất trí trắng vô âm. Hầu hết những gì liên hệ đến thời gian xuất phát từ những ý niệm về một cái gì trôi chảy mãi, vô cùng vô tận: Trăm năm rồi lại trăm năm khác; Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ; U minh ngày tháng bóng lao đao. Âm ảnh về thời gian, trong bản chất, chính là âm ảnh về quá khứ. Quá khứ bao giờ cũng cho ta cảm giác đó là một cái gì thuộc về nguồn gốc, là bản chất của cuộc tồn sinh. Một ảo tưởng của con người: dường như càng xưa, càng cổ, càng đi về thời đại hồng hoang, nguyên thủy thì lại càng gần với "lý sơ nguyên", gần với sự Sáng Tạo vũ trụ. Khổ thay, trước quá khứ, con người hoàn toàn bất lực. Quá khứ, cũng như người chết, là mệnh mang, khó hiểu. Đó là "những người thuở trước". Là người, như anh như tôi. Hỉ nộ ái ố ai bị lạc dục. "Giương cung bắn", "đi tìm mộng", "say vô hạn", "tham chung đỉnh", "diễm tuyệt dung nhan thảo mộc sâu"... Bây giờ họ đi đâu, về đâu?:

Những người thuở trước bây giờ lạc

Trong dã sử nào như bóng mây

(Và rồi tất cả sẽ người ngoại)

Trong "Mòn gót chân sương nắng tháng năm", nhà thơ diễn tả cảm thức triết lý về nỗ lực của con người trên đường đi tìm chân lý vĩnh cửu bằng cách thực hiện một chuyến hành trình siêu hình về quá khứ, phá vỡ bức trường thành dằng dặc vô hình của thời gian:

Ta gắng về sâu lòng quá vãng

Truy tầm mê mải lý sơ nguyên

Hỡi ôi, dọc dọc thấy cam cứng

Mặt trợn trừng chưa dứt ngạc nhiên

(Mòn gót chân sương nắng tháng năm)

Tìm gì? Tìm cái "lý sơ nguyên", tức là cái khởi đầu, cái chân lý. Tìm thấy gì? Tuyệt không có gì. Tất cả đều "cam cứng". Cam. Cứng. Một khép chặt miên viễn. Ngạc nhiên, đau đớn, thất vọng:

Ta lại trôi lên dương thế rộng

Ngày ngày ra bãi vắng vời trông

Bóng chim, tấm cá, cảnh trôi dạt...

Bất luận điều chi giữa mịt mùng

(Mòn gót...)

Dương thế không thiếu chi người như thuở trước, cũng "giương cung", cũng "đi tìm mộng", cũng "say vô hạn", "tham chung đỉnh", tóm lại, cũng chừng ấy chuyện. Với nhà

thơ, đó là một "dương thế rộng" nghĩa là lảm chuyện, loay hoay, tưởng chừng như bận bịu cho một mục đích cao cả nào đó. Thực ra, chẳng có gì. Cho nên ông chỉ biết ra bãi vắng vờ trông. Cũng chỉ là để vờ trông! Bài thơ là một điển đạt tuyệt vời về khát vọng tinh thần của con người từ xưa đến nay, luôn luôn muốn vượt thời gian, đi tìm bản thể của mình. Hình ảnh con người trần trụi ngày ngày ra bãi vắng mà vờ trông vào cõi mịt mùng, quả là bức tranh sinh động tượng trưng cho nỗi đau siêu hình muôn thuở của những "con vật biết suy tư"

Một trong những hình tượng và cũng là khái niệm thời gian được TTY sử dụng nhiều - hàng chục lần trong nhiều bài khác nhau - là "thiên thu" hay "nghìn thu" hay "thiên cổ": Thiên thu lóe tắt vệt phù du/Phát phơ chéo áo đường thiên cổ/Nghi ngút khuya thiên cổ dậm mù/Tiếng kêu đá lở long thiên cổ/Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế/Chôn rùng thiêng im tiếng nghìn thu/Ngọn đèn như nổi đọi thiên thu/Chung thân, thiên cổ bị cầm giữ/Giờ này đã khuya khoát thiên cổ. Cả ba từ - khi thì dùng như danh từ, khi thì như tính từ hay trạng từ - đều chỉ một cái gì xa xưa, lâu lắc, không đo lường được. Tóm lại, vô hạn, vô cùng.

Ấm ảnh thời gian tất yếu đưa đến ám ảnh về lịch sử. Khác với thời gian là một khái niệm mông lung, lịch sử - đối với nhà thơ - trông có vẻ cụ thể hơn, có da có thịt hơn. Nó tác động trực tiếp đến bản thân, đến cuộc sống hiện đương. Có lẽ để nhấn mạnh điều này, tác giả nhiều lần viết hoa hai chữ "Lịch Sử" trong thơ. Lịch sử tựa hồ như một nhân vật, hay ít ra cũng tựa như một thẩm quyền: Từ tội mừng ơn lịch sử tha; Đã trăm năm lịch sử làm thình; Những âm thanh lịch sử thịnh nộ.

Là một thẩm quyền, lịch sử biểu lộ thái độ khác nhau tùy theo hoàn cảnh, khi thì "dường như rất vội vã", khi thì "mài mê thiết", khi thì "ngời đi nhiều tiếng động", "đổi phiên người gác ngục" và có lúc kiệt lực "ngất lả", lại có lúc:

Như tên phù thủy già điên loạn
Lịch sử lên cơn dữ bất thường
(Mùa hạn)

Ở đây, lịch sử gắn liền với chế độ chính trị của mỗi thời, tác động cụ thể lên thân phận từng người, trong đó có bản thân tác giả. Đây là một trong những cảnh lịch sử "lên cơn dữ":

Đám chủ mới, y trang xúng xính,
Súng nghênh ngang, tiếng hét phàm phu
Xua trăm họ sá chi thân mạng
Lăn địa cầu ra khỏi lối xưa
(Mùa hạn)

Lăn địa cầu ra khỏi lối xưa! Một mô tả cực kỳ hình tượng về tham vọng của chế độ Cộng sản.

Thời gian và lịch sử bao hàm tính chất biến dịch. Thơ TTY, ở một nghĩa nào đó, là cảm thức sâu sắc về lẽ biến dịch, về sự tuần hoàn, về ý nghĩa "không ai tắm hai lần trong cùng một dòng sông":

- Đồi hoài công đứt nổi miền man (Mòn gót)
 - Dòng sông u hiển trôi vô lượng (Hề, ta)
 - Các mùa chuyển động trong trời trống
- Di điều qua sông xẻ luống sâu.. (Tưởng tượng)

- Bồi tất cả vô thường

Nên tất cả miền viễn (Soi mệnh)

- Đồi qua lớp lớp tàn hư huyền/Giọt lệ sương thắm khóc biến thiên
- (Ta về)

Thời gian - biến dịch đưa đến cảm thức về vô hạn/hữu hạn:

Vũ trụ miên man chuyển động đều
Mà trong vô hạn có chi đâu
(Đặng tử)

Vô hạn - hữu hạn là nghịch lý lớn nhất đối với ý thức con người:

Làm sao ta biết được
Niềm vô lượng không gian cuốn hút
Cõi trăm năm tiếp tiếp miệt mài,
Cuộc phiêu lưu tinh thần bi liệt...
Núi lộ trình rối chẳng phẳng ra.
(...) Loài sinh vật loay hoay quên khuấy nỗi kinh hoàng bé mọn
Trong vô tận quang niên và vô tận thời gian
(Bất tận nỗi đời hung hãn đó)

Một điển đạt tuyệt vời khác về nỗ lực vô vọng của con người qua thời gian và không gian! Vẫn biết là phiêu lưu vô ích, là lặp lại cái cảm thức tồn tại từ khi con người biết tư duy, nhưng cái quái đản là con người vẫn không ngừng suy tư về nó. Vận dụng tối đa chữ nghĩa để phiêu lưu vào chính cái cõi phiêu lưu. Biết là "trí ta không đủ lực đo lường" mà vẫn "nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn", vẫn "mưu đồ đo đạc cả Vô Biên". Quả là một cuộc "phiêu lưu tinh thần bi liệt"!

Thời gian vô hạn, không gian lại càng vô hạn. TTY gọi đó là cõi "vô cùng tận", là cõi "ngoài muôn dặm": Mỗi chìm đắm lửa ngoài muôn dặm. Không gian là những đám mây vô sử; vũ trụ thì cứ thế, miên man chuyển động đều; là Bóng chim tăm cá cảnh trôi giạt/Bất luận điều chi giữa mịt mùng, con người trong vũ trụ chỉ dạo men bờ sóng tuyệt mù. Một trong những hình ảnh về không gian vô tận là hình ảnh con đường. Nó không có cùng đích: Con đường đi mãi mà không tận và không có khởi đầu:

Ôi những con đường đến tận đâu
Một lần gặp gỡ ngã tư nào
Mà trong vô hạn chia lìa miết
Có cuốn theo mình bụi của nhau
Là cái gì cách ngăn, chia lìa:
- Em nhỏ, làm chi chim biển Bắc
Để anh làm mãi bãi Đông mù

Không-thời là một kết hợp có tính biện chứng, khiến cho cái vô hạn càng thêm vô hạn:

- Biển Bắc mịt mù con nhận lạc (không)

Thời gian mất trí trắng vô âm (thời)

- Trăm năm, rồi lại trăm năm khác

Tên đóa hoa này, người nhớ chẳng?

Con ngựa bắt kham cuồng bão táp

Cõi hồng trần lồi nổi kinh tâm

Con người chỉ là một hạt lệ trong cuộc biến thiên vô hạn:

Đời qua, lớp lớp tàn hư huyễn

Hạt lệ sương thâm khóc biến thiên

Tính hiện thực

Siêu hình, như ta đã biết, thuộc về lãnh vực của ý niệm, của những hình tượng, biểu tượng. Chúng vô hình vô dáng. Hiện thực, ngược lại, là thế giới hữu hình chung quanh chúng ta, có thể tiếp nhận bằng giác quan. Khi nói thơ TTY là thơ triết lý thì không có nghĩa rằng thơ ông thuần là những suy tưởng cao xa, khó hiểu và "siêu" hình. Trong thơ ông, hiện thực cũng xuất hiện đầy dẫy, dồi dào. Ông để lòng mình phơi mở, đưa tầm nhìn ra khắp ngoại giới, từ trăng sao, các hiện tượng tự nhiên cho đến những sự vật

nhỏ nhoi, tầm thường như mầm cỏ, gốc cây, hàng cây đứng bóng, con sâu, vết chặt hay san hô, vân vân.

- Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rục
- Con chim chèo bẻo hót lạnh chanh
- Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ
- Gốc cây to đến mấy người ôm
- Ngày. Ngày nắng chói chang như giữa
- Ánh sáng vang lừng điệu múa điên
- Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc
- Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
- Hàng cây đứng bóng ôm tròn gốc
- Đất ẩm vương hương, cỏ trở màu
- San hô mọc tua thêm cành nhánh
- Cây cối càng sừng vết chặt lồi
- Cây rách sâu thân chất giọt lòng

Hiện thực là những sự vật cụ thể xuất phát từ trong kinh nghiệm tiếp cận sâu xa với ngoại giới của chính tác giả. Không phải là thứ kinh nghiệm đầy sáo ngôn của mùa thu thì "lá vàng", mùa xuân thì "hoa bướm" mà là những kinh nghiệm đầy ẩn tượng. "Trường Sa hành", chẳng hạn, là một thí dụ. Đó là kinh nghiệm sâu xa về sự cô độc khi sống ở một hoang đảo. Hoang đảo thì hiu quạnh, hiu quạnh lớn đến nỗi vắng cả hồn ma quỷ. Đó là nơi gió khốc liệt miên man thổi, ban ngày thì nắng chói chang như giữa khiến phồng khắp châu thân, buổi chiều mặt trời chiếu xuống biển raõ ra theo sóng khiến biển rưng rưng trong lúc trên trời đầy những chim đen thẳng thốt quần; quanh đảo, đám cây gầy ven bãi sụp thì rễ bung, dưới nước thì những cụm rong óng ả trông như những tầng buồn. Đêm, ngồi bên đồng lửa man rợ, hong tóc râu chờ chín miếng mồi. Những cánh ấy, vật ấy có một tác động ghê gớm lên tâm trạng những người lính thú xa nhà. Họ nhớ nhà, nhưng xa quá nhớ không tới, đành khóc cười như tự bạo hành, khòm lưng nhẩn nhục; họ buồn đến nỗi tóc bị nung từng sợi đỏ và kêu dòn như tiếng nứt hoa niên. Tâm trạng của những kẻ bị đẩy ra làm lính thú ở hoang đảo vô cùng bức xúc, ngột ngột:

Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc
Con chim động giấc gào cô đơn.
Khoảng cách đặc, một sáng tạo chữ nghĩa rất tô-thù-yên!

"Góa phụ" là một kinh nghiệm đầy ẩn tượng khác. Ở đây, thực cảnh và tâm trạng người góa phụ đan quyện lẫn nhau. Nó diễn tả một khoảng trống không cùng giữa cái chết và cái sống, giữa thực tế phũ phàng và nỗi khát khao vô cùng tận của người phụ nữ vừa mất chồng trong lúc tuổi còn hoa niên. Nhà thơ ví cái chết như cánh cửa đóng tự ngàn năm bật âm, và nàng tìm kiếm vô vọng như tìm ở cõi gió vì cát loạn muôn trùng đã xóa cả dấu chôn trên mộ. Đêm đầu tiên người góa phụ ở nhà một mình sau khi chôn chồng cho ta một hình ảnh bi thiết. Tâm và cảnh đan xen lẫn nhau tạo nên một nỗi đau mênh mông, sâu thẳm. Người góa phụ ngẩn ngơ đứng trước bàn thờ, thức cho đến lúc trắng lu, khuya mỗi nén nhang tàn với ngọn đèn hư ảo thấp trắng mái tóc. Ở xa, có tiếng chó tru thẳm thẳm, tru đến trời đất phải sững sờ, ngây ngất. Tất cả lặng im, đến nghe cả tiếng trái cây rụng rồi âm thầm lăn trên mái ngói.

Em độc thoại lời kinh ánh xanh
Trăng lu, khuya mồi, nén nhang tàn
Chó tru thẳm thẳm ngày thiên địa
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lăn

(...) Ngọn đèn hư ảo chong linh vị
Thấp trắng thời gian mái tóc em
Hiện thực đến thế thì thôi! Còn nàng thì:
Tim đập đuổi ngoài thân nổi lạnh/Hồn xa con đóm lạc sâu đêm

Hãy lưu ý cách dùng chữ nghĩa tinh xảo: cõi gió, lạc sâu đêm (không phải sâu đêm),
đuổi ngoài thân, ngây thiên địa.

Trong bài thơ tình "Trưa nay, ta còn đi bên nhau", TTY mô tả thành phố dưới cái nắng
buổi trưa gay gắt, nơi hai người đi với nhau lần cuối trước khi chia tay mãi mãi:

- Thành phố lũng hoa mê
Duỗi phơi xa những triền mái lóa.
Gió luông tuông.
Anh nghe rõ nắng lao xao trên giàn hoa giấy rộ.
Trưa đứng sững giữa lòng đường
Cây cùng thu vén bóng.

Chữ nghĩa dùng cực kỳ ấn tượng: lũng hoa mê, duỗi phơi xa, triền mái lóa, gió luông
tuông, trưa đứng sững. Một kết hợp ngôn ngữ tân kỳ và chính xác. Dưới tác động của
cách dùng chữ cùng cấu trúc câu, cảnh vật hiện ra vừa thân quen lại vừa mới lạ. Đồng
thời nó cho ta cái cảm giác lạ lùng y như thể ông đang dùng ẩn dụ. Cũng buổi trưa,
nhưng trong bài "Vườn hạ", ông diễn tả một cách khác, cũng không kém ấn tượng:
Thăm thăm trưa, thời gian chết xanh.

Gì vậy? Nhà thơ chơi chữ? Không đâu! Đây là một buổi trưa ở vùng thôn dã. Có sống ở
miền quê những buổi trưa hè nắng gắt, trời đứng bóng, nhìn lên bầu trời xanh, trông xa
thăm thẳm, mọi vật một mỗi nằm yên y như thời gian ngừng trôi, ta mới hiểu hết ý nghĩa
của cái gọi là "thăm thăm trưa" và thời gian "chết xanh". Hãy đọc một đoạn thơ khác,
cũng với một cách diễn tả tân kỳ:

Biển tù hãm dẫy, vô phương thoát
Quảng bờ những xác sóng mưu toan
Để đổi lấy một hạn kỳ tạm ngụ
(Hành giả âu sầu)

Có lẽ chưa ai nhìn biển và sóng bằng cái nhìn khác lạ như thế. Tiếng Hán -Việt (tù hãm,
mưu toan, hạn kỳ tạm ngụ) chen với tiếng Việt rờn (dẫy, thoát, quảng, xác sóng) nghe
rất lạ tai. Nhưng nào có gì sai! Thú thật, tôi khoái. Rõ ràng là chữ nghĩa có thể làm thay
đổi thực cảnh. Đúng hơn, nó làm ta thay đổi cách nhìn về thực cảnh. Người ta thường
nhìn biển như là một cái gì mênh mông, to rộng, sâu thẳm (biển cả, biển tình...), nhà
thơ nhìn biển như một vũng ao tù nhỏ bé, hạn hẹp nhất những con sóng khiến phải
quảng chúng lên bờ như một "mưu toan". Cách nhìn mới mẻ đó cho thấy lòng nhà thơ
luôn luôn bức bối trước cái hữu hạn của hiện thực. Nó "lạ hóa" (defamiliarize)¹² hiện
thực. Có thể xem "lạ hóa" là một trong những chức năng đặc thù của văn chương, nhất
là trong thơ. Và đặc biệt, thơ Tô Thùy Yên. Nhà thơ "lạ hóa" cảnh vật chung quanh
chúng ta, "lạ hóa" luôn cả những ý tưởng siêu hình vốn đã được bao nhiêu nhà tư
tưởng và triết gia bào đi bào lại đến mòn nhẵn cả ý nghĩa. Cao hứng, tôi xin trích dẫn
thêm một đoạn thơ nữa, để xem TTY "lạ hóa" hiện thực đến mức nào. Đây là cảnh một
bãi rừng hoang:

Dưới lũng, trên triền, nắng xếp nhỏ
Nước rờn sâu, sông lảng lảng xa
(...) Mông quanh bãi phơi, vũng vương mắc
Con cò lạng ngẩng lảng hơi thu
Xác cây gục hồn mang cảnh rể

Rừng đứng quanh đây, rừng tận đâu?
(...) Chiều bóc, bóc dần những rớt nắng
Loi ngoi nắm nú lũng triền xa
(Chim kêu bãi quạnh)

Ấy: nắng xếp nhỏ, vũng vượng mắc, chiều bóc, bóc dần, loi ngoi nắm nú. Nghe thú vị có thua gì đọc một đoạn thơ tình! Còn nhiều, nhiều nữa. Cứ mỗi lần đọc lại thơ TTY, tôi lại khám phá ra một cái lạ khác. Tại sao? Có lẽ là vì chúng... lạ! Cũng có lẽ là vì nhà thơ quan sát kỹ, chế biến kỹ các chất liệu tiếp nhận và không dễ dãi với chính mình. Trên đây là nói về tả vật, tả cảnh, tả người, những hiện thực bình thường. Sau đây, ta sẽ bàn về những tình thế (situations), về các biến cố (events). Cũng như mọi người thuộc lứa tuổi từ 50 trở lên, TTY sống qua 4 biến cố lớn: chiến tranh, chế độ Cộng Sản, những tháng ngày tù tội và đời sống lưu vong. Cuộc biến dâu đó (thơ TT nhắc nhiều lần về biển dâu, bằng nhiều cách diễn tả khác nhau) kéo hẳn nhà thơ ra khỏi không khí siêu hình thuần túy mà ông đắm chìm trong những tháng ngày tuổi trẻ khi đất nước đang tạm hưởng thái bình. Cũng là lẽ thường. Làm sao có thể đắm đuối trong cõi siêu hình khi thực cảnh chung quanh ta đảo lộn, ảnh hưởng đến từng bữa ăn, giấc ngủ, đến chuyện sinh tử của cả đời người. Từ chỗ đang rong chơi trên mây, con người bỗng rớt hẳn xuống đất, đụng chạm với muôn ngàn thực tế phũ phàng. Hàng ngày, hàng giờ. Dù có để tâm hồn mình bay bổng đến đâu, con người cũng bị buộc phải đối diện với hiện thực, đối phó với nó và giải quyết những vấn đề do nó gây ra. Nỗi đau, nỗi cô đơn siêu hình biến thành nỗi đau hiện thực. Hiện thực bây giờ không còn là thứ hiện thực đứng đưng mà có tính cách cưỡng bức. Cưỡng bức cuộc sống và cưỡng bức ý thức. Sau này, ta không hề thấy ông làm những bài thơ thuần suy tưởng như "Đặng tử" hay "Mòn gót chân sương nắng tháng năm". Tất nhiên, không khí siêu hình vẫn lảng vảng đâu đó, nhưng hiện thực chế ngự hẳn thơ TTY.

* Nói về cuộc chiến đã qua trên đất nước, TTY tóm tắt:

Nhớ xưa thiên địa làm ly tán
Anh em nhà không ngó mặt nhau
Người chạy về thành, kẻ nhảy núi
Đốc đời cho một cuộc chiêm bao

Trong tập "Thơ tuyển", ông chọn đưa vào ba bài thơ chiến tranh, là "Qua sông", "Anh hùng tận" và "Chiều trên Phá Tam Giang". Bài "Chiều trên Phá Tam Giang" tuy cũng nói về chiến tranh, nhưng đề tài được mở ra trên một hướng rộng lớn hơn, sẽ được đề cập vào phần cuối. Hai bài kia giới hạn trong việc mô tả chiến tranh. Khác với hầu hết thơ của ông, trong hai bài này, các ý tưởng siêu hình hầu như biến mất. Ta không thấy những suy tưởng lang man về thời gian, trăm năm, cõi thiên thu, hữu hạn, vô hạn mà là "chật ních" những hình ảnh đặc thù của cuộc chiến. "Qua sông" vẽ nên một bức tranh thê thảm của chiến trường, "Anh hùng tận" cho ta một khung cảnh khác đậm đặc không khí Nam bộ (thấp thoáng hình ảnh anh hùng Lương Sơn Bạc) trong lúc "Chiều trên Phá Tam Giang" có tính chính luận, mang đậm nét miền Trung (và miền Bắc).

"Qua sông" tả lại cảnh chuyển quân tiếp viện qua một con sông vào một ngày mưa buồn. Người đông, đồ thiếu, trời lại mưa, lính tập trung bên bờ hút thuốc, chuyện vãn. Mỗi người góp một chuyện dựng nên một bức tranh chấp vá sinh động về cuộc chiến mà từng người đã và sẽ phải tích cực (nhưng miễn cưỡng) dự phần. Đây là khung cảnh chiến trường nơi mà đồng đội của họ hy sinh:

Tiếp tế khó - đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mười viên
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên

Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh (Qua sông)13
Xác nào may mắn lấy được thì:
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt
Niềm thiên thu đằm cổ xe tang
Quê xa không tiện đường đưa tiễn
Nghĩa tận sơ sài đám lạnh tanh
(Qua sông)

Họ say sưa kể chuyện về cái chết của đồng đội trong lúc mừng tượng bóng mình trong số đó, nên khi theo đơn vị qua sông đến nơi trấn nhậm (cũng là chiến trường):

Xuống đò, đò đã bỏ quên...

Một sông nước lớn trào lên mắt người.

"Anh hùng tận" dựng một khung cảnh hoàn toàn khác: một buổi dừng quân. TTY mô tả một cách chi ly một buổi dừng quân điển hình trên sông nước miền Tây Nam Bộ:

Dựng súng trường, cối nỏ sắt
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt
Mỗi chảng bao nhiêu, rượu rất nhiều
Đây ngã ba sông, làng sát nước
Xuồng ba lá đậu kế chân bàn
Trời mới tạnh mưa còn thấp ướt
Lục bình mây mỗi chuyến lang thang
(Anh hùng tận)

Những người lính nhậu nhẹt tung bừng, vui vẻ y như bất cứ một buổi nhậu bình thường nào:

Tiếng hò mời dzô, dzô tử mở

Muối thủy triều chừng cũng dạt ra

(...) Ta chắt cho nhau giọt rượu sót

Tưởng đời sót chút thiếu niên đây

Nhưng chính cái bình thường đó lại để chuẩn bị và chờ đợi những gì không bình thường nhất của chiến tranh:

Giờ cất quân, đưa tay bắt

Ước cõi âm còn gặp để say

Bên kia cái bắt tay, chỉ còn một điều khả dĩ: cái chết. Một ước mơ lạ lùng, phi lý mà lại không kém phần hiện thực: tiếp tục cuộc nhậu ở chốn tuyền đài. Khôi hài và bi tráng đến thế thì thôi!

Gẫm lại về chiến tranh, nhà thơ tự hỏi:

Sao để xô vào một chương hồi lịch sử hỗn mang?

Đáng xé vớt?

Sao chịu bịt mù hồn, chơi sinh tử quái đản

Nam quân, Bắc quân trời sai tru diệt nhau?

Tàn trận, ngòi sáng hoàng giữa bãi xác bạn thù

Khóc loạn trí

Chính nghĩa nào thay được mạng người đây?

(Hành giả âu sầu)

* Sau năm 1975, khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, với một chính sách chuyên chế khắc nghiệt, đất nước trải qua những tháng năm dài bi thiết. Nhất là đối với những

người thuộc phe thất trận. Họ gánh chịu hết mọi thứ oan khiên của cuộc sống. Đói, nghèo, áp bức, tù tội, trả thù, giết chóc. Kẻ lên voi, người xuống chó, người ở tù, kẻ tìm đường vượt biên. Đã thế, lại còn thiên tai dịch bệnh liên tiếp đổ xuống. Cả một miền Nam chùng như tan vỡ. Hiện thực đó được TTY ghi nhận một cách sắc nét qua nhiều bài thơ, trong đó có bài rất dài: "Mùa hạn". Thơ đề cập từ khung cảnh chung đến riêng, từ nỗi đau của toàn thể dân tộc đến nỗi đau riêng của từng cá nhân. Dù thỉnh thoảng tác giả chen vào một số ẩn dụ, hoặc hình ảnh cổ điển, nói chung, toàn bài là một bức tranh vô cùng hiện thực, qua cái nhìn của một người thuộc phe thất trận.

Sông hồ nẻ đá, giếng vô vọng
Muông thú điên làm lũ bỏ đàn
Dân làng lũ lượt kéo lên rú
Lùng sục đào khoai củ đã khan
Côn trùng kiệt sức lia hang ổ
Lên chết thiêu trên mặt đất hừng
(...) Người mẹ trẻ buồn đôi mắt trũng
Thân gầy nhom, tóc cháy, da cằn...
Địu con, một dúm thịt nhăn nhúm
Ra ruộng khô tìm mót cái ăn
Thân phận người thắng, kẻ thua:
Kẻ mới tới bày tòa giữa chợ
Giải người ra, sỉ mạ ba đời
Cho đeo bằng, dong đi khắp phố
Bắn bỏ bên đường, cấm nhận thầy
Chĩa súng đuổi người ra khỏi đất
Đày đi biên biệt miệt thiên thu
Đuổi cả người chết ra khỏi mộ
Cày nghĩa trang, trả vói thâm thù
(Nổi đời)

Trả vói thâm thù! Chữ "vói" hay quá, như trùm cả đoạn thơ.

* Là kẻ thua, tác giả - một thiếu tá trong quân đội VNCH - phải đi ở tù. Chuyến tàu chở tù đi đày ra miền Bắc, trong đó có tác giả, được mô tả một cách sắc nét qua bài "Tàu đêm". Khác hẳn với khái niệm và hình tượng của những chuyến tàu mà ta có từ xưa đến nay, "Tàu đêm" không có cái nhẹ nhàng của những tiễn đưa, không có cái buồn lãnh đãng của những chia xa và gặp gỡ, không có cái băng khuâng, nao nức gọi nên từ tiếng còi tàu. Cũng như "Mùa hạn", đó là một bức tranh sống động về khung cảnh hòa trong tâm trạng vô cùng đặc biệt của những kẻ bị đi đày, hoàn toàn không biết sinh mệnh sẽ về đâu:

Tàu đi. Lúc đó, đêm vừa mới
(...) Tàu rú. Sao ời, hãy thức dậy

Vâng, tàu rú. Tàu chạy như một cơn giông lửa, như một cơn điên đảo, nó khoan xoáy sâu đêm thép với tiếng nghiêng ghé người thác lửa sa. Còn trong tàu là gì?

- Toa nằm lúc nhúc hồn oan khóc
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai
- Ngồi đây giữa những phân cùng bụi
Trong chuyển dời xung sát bạo tàn
Ta trở thành than thành súc vật
Tiếng người e cũng đã quên ngang
Khách đi tàu là:
...gã tù lưu xứ

Xí xóa đời ta với đất trời
Trong hoàn cảnh đó, cảm giác của tác giả là:
Ta nghe rên nhói thân tàn rạc
Các thối xương lia đụng chỏi nhau
(...) Dường như ta chột khóc đau đớn
Lệ nóng cường toan cháy ruột gan
Trong trại tù (cải tạo):
Buổi trời đất bất minh
Người chưa đủ sáng thành người
Những đời nông khai hoang dẫm tháng trước
Qua mùa đông, đã nổi chật mồ tù.
Chiều bầm máu thảm thiết/Bãi ao tối nghịt rùng nhân dạng trần truồng (Hành giả âu sàu)
Tất cả những nhọc nhằn, đau đớn của thân phận tù đầy được tác giả trút hết trong bài thơ lục bát "Hái rau", nghe không khác gì truyện Kiều:
Núi vây, trời hẹp, ngày mau
Liều đau đến điếng, nguôi đau ít nhiều
Hái nhanh cho kịp trời chiều
Ấy mê, ấy tỉnh, cỏ nhiều hơn rau
(...) Cám ơn rau của đất trời
Hầm hiu chưa cả được đời đặt tên
Và dẫu vô cùng đau xót, uất hận, tác giả cũng nhiều lúc lắng lòng mình lại, phơi mở với tương lai bằng một ước mơ thuần hậu:
Ta nhật từng trang sách rách toang
Đưa ngu đã xé vứt ra đường
Ta gom từng hạt cây luân lạc
Mong mỗi gầy lên một địa đàng (Mùa hạn)
* Nhưng rốt cuộc, mơ ước cũng chỉ là mơ ước. Ra khỏi tù, lại phải bỏ nước ra đi:
Khuya đó, anh lên đường
Tù bỏ căn nhà
Tù bỏ quê hương...
(...) Anh đếm từng ngày còn ở lại quê hương
Tìm bóp thất
(...) Anh ra đi/Bứt ruột mà đi (Giã biệt)
Lưu vong. Tâm hồn lại thêm một lần tan nát. Sống như cái sống của một người xa lạ.
Nước Mỹ này quá rộng và quá buồn
Anh không còn muốn tự định liệu
Tốc độ cao gài cổ định mặc
Đường trường lái băng đêm
(...) Ghé lại một trạm xăng, một hàng fast food hay một rest area
Đây là đâu?/Đây cũng là đâu đó vậy
Dấp nước đầu, cổ, mặt. Tỉnh tỉnh lại với đời...
Và trong những khoảnh đèn khoét đong lẻ quạnh
Nhìn chút đỉnh những con người
(...) Chạy rề qua những cổng toll way
Ném dùm đồng tiền vào rổ đợi
Nghe lẩn nhanh chuỗi âm thanh mơ hồ va bặt hoang mang (...)
...nhìn về mặt người thu tiền uể oải
Hờ hững tiếng cám ơn
Chừng nổi đời quá nhạt nhẽo
(Đường trường đêm)

Khác với hơi thơ da diết trong "Ta về", toàn bài "Đường trường đêm" là một cố gắng diễn tả cái nhặt nhẹo khi sống ở Hoa Kỳ một cách rất nhặt nhẹo, qua hình ảnh và tâm trạng cũng... nhặt nhẹo khi lái xe trên xa lộ ban đêm.

Trên đây, với đầu óc phân tích, tôi đã cố xẻ thơ của TTY thành những phần khác nhau. Y như thể chúng vốn dĩ như thế. Và phải như thế. Thực ra, một bài thơ – hay ngay cả một câu thơ – là một cái gì hoàn chỉnh tự nó. Dù hay dù dở, nó là một chỉnh thể. Không siêu hình. Cũng chẳng hiện thực. Nói cho đúng, không khí thơ TTY thấm đẫm những khắc khoải siêu hình trong khi vẫn không tách khỏi thế giới tục lụy của hiện thực cuộc sống. Nhà thơ đứng dạng chân giữa hai thế giới (có vẻ như) khác biệt hay như thể đối nghịch nhau. Khi ông nhìn, ông nghe, ông chứng kiến sự vật chung quanh, thì đồng thời tâm hồn ông cũng bay bổng tới một thế giới khác siêu vượt lên trên hiện thực. Thế giới quanh ông hiện diện như những dấu hỏi muôn thuở. Ông tìm thấy trong mỗi một hiện tượng, mỗi sự vật đều chứa mang khắc khoải của chính mình. Nói như Nguyễn Hưng Quốc, "Hình ảnh của Tô Thùy Yên hiện ra trong thơ bao giờ cũng là hình ảnh một người đầy ưu tư, đầy khắc khoải. Có thể nói thơ Tô Thùy Yên là một chuỗi đòi thoại lặng lẽ và triền miên giữa ông và lịch sử, giữa ông và thiên nhiên"¹⁴. Mọi xuất hiện của một hiện tượng hay sự vật đều không tự nhiên, không dừng đứng mà trái lại đều biểu hiện cho những "thái độ". Mô tả những rễ cây, ông viết:

Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh

Rễ bung là một hiện tượng, còn gượng ngầm chứa một thái độ: chống chọi với định mệnh, chống chọi để tồn sinh.

Mô tả cây xương rồng:

Ngưỡng mộ cây xương rồng gượng gượng

Thân trần đứng lẻ giữa đồng trơn

Cây xương rồng là một hiện hữu, một nỗ lực. Nó kiêu hãnh y như nỗi kiêu hãnh nghịch lý của con người:

Ta lớn lao và ta cô đơn.

Hay:

Những cánh hoa trên đồng chói lọi

Cũng xui phù thế ngậm ngùi thân.

Những cánh hoa chói lọi mà cũng "ngậm ngùi". Chính cái chói lọi ấy lại chứa đựng nỗi ngậm ngùi! Khi nhìn biển ở vùng hải phận:

Anh sống làm quen cùng cái chết

Liếm lấy mặn mà trên đau thương

Chìm mãi xuống em và mất tích

Như mặt trời rã trong nước loang

Cảnh vật, sự vật hóa thân thành người. Như thế, càng tiếp cận với hiện thực chừng nào, thì nỗi xao xuyến siêu hình càng tràn trề trong ông. Nhà thơ nhìn, nhà thơ ngó thấy và rồi nhà thơ suy gẫm về những điều trông... xa lắc, có vẻ như chẳng dính líu gì đến thực cảnh:

- Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn

Nghĩ tới đời rạn rụa thâm ân

- Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới

Những người đã chết, chết như rơm

- Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ

Gốc cây to đến mấy người ôm

Nghĩ tới bao điều thẳm lặng lớn

Trí ta không đủ lực đo lường.
- Trăng, bạn hiền xưa giờ tái ngộ
Ta thức đêm nay chơi với trăng
Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi
Quanh mờ ta, trăng phải lang thang
- Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ
Từng cây như nổi bất an già
Ta ngó thấy rào chà cản nước
Từng hàng như nổi lực lao đao

Trong những bài thơ thuần triết lý thuở đầu như "Đãng tử", "Mòn gót chân sương nắng tháng năm", "Hè, ta trở lại gian nhà cỏ", vân vân, TTY dùng các hình ảnh hiện thực để triển khai những ý niệm siêu hình: Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu, gió sửa soạn, gió thật xưa, mây vô sử, mây già nua, Thuận tay ta ngắt một cành sậy, làm cây sáo thổi cạn hồn sầu/Các "vương tôn miền trí tuệ" (triết gia)/Con chim thoát xác thành cơn mộng, bay liệng dài trên trí nhớ không, vân vân. Nói một cách khác, chim chóc, mây, mưa, ngày tháng...chỉ là những ẩn dụ. Ông mượn tạm chúng để mô tả cái thế giới nằm bên ngoài thực tại, thế giới của những ý niệm.

Sau này, ông rời bỏ hẳn thế giới ý niệm để tìm về hiện thực, dùng kinh nghiệm tiếp cận hiện thực để phóng rọi đến thế giới siêu hình. Bởi thế, ta không ngạc nhiên, trong bất cứ hoàn cảnh nào (khi bình thường cũng như khi chiến tranh, khi bị đi tù, khi tuyệt vọng, khi hy vọng, khi cô đơn, khi đi với người tình, khi trở về sau những ngày ở tù), nhà thơ cũng nhảy phóc từ thế giới bình thường đến thế giới siêu hình. Ông đưa hai thế giới đó tiếp cận nhau. Có lẽ đó là đặc điểm nổi trội trong thế giới thi ca TTY. Một sự tiếp cận như thế rất ít chỗ cho cảm hứng, rất ít chỗ cho "bảy bước làm thơ". Bước nhảy phóc đó, thực ra, chính là sự nối dài của một ý thức đậm đà chất thơ. Đọc thơ TTY, ta vừa cảm thấy ông đưa ta đi sâu vào thế giới ý niệm cùng những liên tưởng, lại vừa cảm thấy đắm mình trong thế giới thơ chứ không phải thế giới của luận lý.

Xuyên suốt cõi thơ TTY, ta luôn luôn bắt gặp một con người loay hoay nhìn sự vật, cảnh vật chung quanh cũng như lặn sâu tận cùng tâm thức con người (thao thức, băn khoăn, ước mơ, phần hận, mộng tưởng...) bằng một cái nhìn kinh ngạc về bản chất của chúng. Thân xác ông ở đó (nhìn, nghe, cảm) nhưng tâm thức như bay vút mênh mang trong cõi trần thế mênh mông và chập chùng trong thời gian hư ảo. Ông đi sâu vào quá vắng để chẳng tìm thấy gì; rồi ngày ngày ra bãi vắng vời trông chỉ để thấy bất cứ điều chi cũng mất hút giữa mịt mùng; ông nhìn ngọn cỏ lòng lại mê mẩn, nhớ tới đời ràn rụa thâm ân; ông ngắm gốc cây mà đầu thì nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn; đi với người yêu, em nhón chân lên hôn, ông lại thấy đang ở giữa cõi thực hư và bàng hoàng vì hai người chẳng khác gì hai hạt cát/Từng rời xa trôi dạt những thiên thu; ông già biệt quê hương ra đi (thay vì chỉ mong thoát khỏi chế độ CS) thì lại cầu sao cho thoát được bộ da đó của mình/Đánh lạc hướng truy tầm của định mệnh; giữa chiến trường, ông thấp thỏm nhớ người yêu ở Sài Gòn (không nhớ như bình thường) mà yêu tuổi hai mươi, thấy tình yêu như vận hội tàn đời vì nó là bằng chứng huy hoàng của thất bại (Chiều trên Phá Tam Giang); ông thích đi tới (không phải để tới đích nào đó) mà tới rồi đi, miết miết.../Lòng không cùng, chón tới biết là đâu (Ánh tàn dư); đất nước tao loạn, nhiễu nhương, cũng như mọi người, ông đợi, một nỗi đợi: Ta đợi nghe chừng thiên cổ mỗi/Hàng hàng thân trụ đứng hư hao; được thả từ về trại tù, (thay vì hân hoan, sung sướng vì được gặp lại gia đình) ông cảm thấy "như bóng ma hồn tử/Lục lại thời gian kiếm chính mình (Ta về); chú ý đến chi tiết rất vụn vặt như ngân nước đục khoen lem cỏ sậy, ông thắc mắc: Lưu mà chỉ chỉ dấu phù hư?; nhìn sóng biển, ông chỉ thấy sóng thì khóc mà biển thì tang cheá vì hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi; về thăm lại vườn xưa,

nằm nghe tiếng thủy triều rút xuống bậc bậc sàu, tiếng mõ chùa thì khô khốc khốc để rồi gẫm ra tất cả chỉ là u minh ngày tháng bóng lao đao; trên chuyến chở tù đi đày biệt xứ, khi nghe con tàu ru như một cơn điên đảo, khoan xoáy sâu đêm thếp, ông lại tưởng chừng nghe thời đại động và lịch sử dường như rất vội vã khiến cho thời đại đang đi từng mảng lớn; nhìn hòn đá, nhà thơ cho là đá giú mộng trong lòng và thắc mắc Đá rõ điều ta muốn rõ không?

Hơi thơ ông chênh vênh, mấp mé ở bờ thực-hư: Trong từng cái thực, ông luôn luôn tìm thấy vô số những điều hư, trong từng sự kiện, ông luôn luôn tìm thấy bóng dáng của thân phận, của số mệnh, mỗi hữu hạn, ông tìm thấy cái vô cùng. Mỗi một hiện hữu y như thể đều phản ảnh một thế giới ảo nào đó mà ông không thể nào hình dung rõ ràng:

- Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm

Lược sử ta trong bí lục nào

Vấn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn

Thiên thu lóe tắt vệt phù du (Đặng tử)

- Ta mò đoán nghĩa dòng hư tự

Mòn nét trong thiên địa ngập ngừng

(Và rồi tất cả sẽ người ngoại)

Tính chất pha trộn đó hầu như trải đều trong tất cả các bài thơ của ông. Ở đâu, ta cũng thấy ông nỗ lực tối đa vận dụng ngôn ngữ để vừa giữ tính chất suy tưởng mà vẫn không làm đánh mất chất thơ và không xa rời hiện thực. Chúng lang bang, khơi mở, tự tại. Đặc biệt ở một vài bài, tôi nhận thấy thơ TTY có một cấu trúc hoàn chỉnh, mang tính luận đề, trong đó nhà thơ đặt vấn đề. Với thế giới. Với chính mình. Cũng là để đặt vấn đề thôi.

Chẳng hạn như trong bài "Hung hãn nổi đời bất tận đó", nhà thơ đặt vấn đề về nền văn minh. Nếu "Ta về" cho ta cái ngậm ngùi thê thiết, "Tàu đêm" cho ta cảm giác nặng nề, bức xúc, "Mòn gót chân sương nắng tháng năm" cho ta những suy tưởng triết lý mênh mang thì bài thơ này chứa đựng cái sôi nổi, thống thiết của một cuồng nộ siêu hình.

Chữ rượt đuổi, xô đẩy chữ, câu rượt đuổi câu, trượt từ hiện thực đến siêu hình với vô số hình ảnh, ý niệm và biểu tượng đan xen nhau. Đó là một tiếng kêu thống thiết về hậu quả tàn phá của nền văn minh, về ảo vọng của con người muốn thiết kế thiên nhiên theo dự tính chủ quan của mình. Con người đã tàn phá rừng cây xanh để trồng cao su với những con đường thẳng lối ngay hàng:

Ồi những rặng cao su thẳng lối ngay hàng

Ngang dọc cắt nhau ùa về vô cực điểm

(...) những con đường phân định mỗi lô cây

Những con đường đất máu

Những con đường, nườm nượp những con đường

và xây những khu chung cư:

Ta đã nhìn thấy nơi cửa rừng bằng sơ đồ thiết kế

Hứa biến khu vực này thành một kiểu mẫu chung cư

Như bản tuyên cáo bi hùng của Tượng Lai đồng dục:

Nơi đây loài người sẽ tiến bộ, sẽ đi lên

Cứ như thế, vì tiến bộ và văn minh, hết khu rừng này đến khu rừng khác sẽ biến mất.

Nhà thơ tưởng tượng rồi ra tất cả những ngôi thiên viện thâm u sẽ được biến thành những căn nhà điện sáng trưng cùng với "toàn bộ giáo lý sắc không" sẽ được viết lại; những ngôi mộ đá lâu đời sẽ được sắp xếp thành "một nghĩa trang tân thời", không còn cây xanh, không còn thiên nhiên nguyên thủy:

Chúng ta sẽ gia giáo hóa thiên nhiên/ Chúng ta sẽ đồng loạt hóa Định Mệnh

Đó là một cố gắng vô vọng, vì con người chỉ là vết lóe của Thiên Thu/Con số không bao trùm vũ trụ. Hấn khổ đọa chung thân vì đã ngông cuồng, liều lĩnh muốn vô hạn hóa hạnh phúc vốn là cái bất định. Bài thơ được kết thúc bằng cách lập lại một lời than thống thiết đưa vào từ đầu bài

Ồi những rặng cây mang án tử hình treo!

Có thể xem nhà thơ là một thành viên tích cực của Đảng Xanh (Green Party)15 chẳng? Những lời tiên tri của nhà thơ đều đã trở thành hiện thực hết. Cứ nhìn những tòa cao ốc, những con xa lộ dài vô tận, những ngôi chùa, ngôi đền thờ hiện đại, đèn điện sáng choang, những nghia trang tân thời, những...vân vân trên khắp thế giới, thì biết. Bao nhiêu rặng cây không còn được mang án tử hình treo nữa. Chúng đều đã lên ghế điện hết cả từ hồi nào hồi nao! Riêng tôi, mỗi lần nhìn một ngôi chùa đẹp để mới mọc lên với đầy đủ những tiện nghi văn minh cần thiết, mắt nhìn rất thích nhưng lòng cứ thấy...ngậm ngùi, nghĩ tới những rặng cây đã bị kết án tử hình oan uổng! Và nhìn những khu rừng xanh, là thấy chúng đang mang án tử hình treo.

Một bài khác, "Chiều trên Phá Tam Giang", đặt vấn đề về chiến tranh, tình yêu và thân phận con người trong dòng trôi nghiệt ngã của lịch sử. Từ một trận chiến, nhà thơ liên tưởng đến bản chất của chiến tranh. "Nghĩ cho cùng", tác giả tự hỏi, những nỗ lực chiến đấu của cả hai phe, dù nhân danh gì đi nữa, cùng gom góp lại/Mặt đất này đổi khác được bao nhiêu?, và rồi tự trả lời: cả hai cùng cam phận quay cuồng và cùng mắc đường Lịch Sử. Nó khiến cho tình yêu trở thành yêu nuôi tuổi hai mươi, thứ tuổi mà những giấc mộng đua đòi rồi ra sẽ rơi rụng dọc đường lên dốc tuổi. Nó khiến cho những con người tham gia trong bộ máy chiến tranh phải lỡ độ đường/Trên mịt mù nghi hoặc và tuổi thanh xuân thì mất tích. Buồn, đau, giận mà thực ra tất cả chỉ là:

[Gió muôn năm thổi lẽ tuần hoàn](#)

[Cho cỏ cây thay đời đổi kiếp](#)

[Một trò ảo hóa, trong đó con người rút cục, chỉ là một "gã hề cuồng":](#)

[Như gã hề cuồng mưu sinh giữa chốn đông người](#)

[Vớ từng ấy tấn tuồng bản tiện](#)

[Rút ra từ lịch sử u mê](#)

Bài thơ kết thúc một cách rất tồhùyyên:

[Chiều trên Phá Tam Giang](#)

[Có gã hề cuồng buông tiếng cười lạnh rợn](#)

[Khiến bầy ác thú mà lịch sử sanh cầm cũng chợt hãi hùng](#)

[Dón dác ngó.](#)

Dón dác ngó. Có lẽ chưa có bài thơ nào kết thúc một cách lạ lùng như thế: ba từ trắc, rất nôm na, rất không thơ tí nào! Nghe hụt hẫng. Thì thế, chiến tranh và lịch sử làm sao mà thơ cho được! Chiến tranh là bước hụt hẫng của con người. Bước vào chỗ vô nghĩa. "Thức giấc trong phòng biệt giam" đặt vấn đề con người trong lịch sử qua hình ảnh một tù nhân (là chính tác giả) trong một nhà tù biệt giam:

[Phòng biệt giam tối mốc thấp hẹp](#)

[\(Ta ở đây. Hơn bảy tháng rồi\)](#)

[Cánh cửa sắt nặng nề sừng sững.](#)

[Sáu diện tích xi măng khuôn áp hãm đê.](#)

Trong sự cô lập, người tù TTY:

[Ước lượng thời gian](#)

[Như mò tìm một khe hở bất ngờ](#)

[Trên trường thành dằng dặc những thiên thu.](#)

[Ông suy gẫm về bản chất của lịch sử:](#)

Lịch sử dường như đã ngắt lả
Sau những liên hồi vật vã điên cuồng
(...) Lịch Sử đổi phiên người gác ngục
Lúc giày đinh, lúc dệp râu.

Nhìn những dòng chữ ghi lại trong xà lim viết bằng chữ, bằng than và hình như bằng cả máu của bao nhiêu người tù đi trước, ông đầy suy gẫm đi xa hơn nữa, đó là:

...những nỗ lực tuyệt cùng lưu hậu bản thân
Đang khóc liệt đương đầu những bất trắc dập xóa
Như những mưu toan vô vọng ra khỏi chính mình
Trốn chạy dầy vò
Của những người ở trước.

Một diễn đạt cực kỳ bi thiết về thân phận của tù nhân, ám áp hiện thực mà rất sâu, rất xa trong cõi suy tưởng thâm trầm. Nhìn từ bên ngoài, hình ảnh tù nhân, nhất là những tù nhân bị biệt giam hay tử hình hay chung thân hay không có án, là hình ảnh của thân xác tiều tụy, mặt mày lờ đờ thiếu đói, tuyệt vọng, bi thương. Nhưng bên trong mỗi người là một thế giới sôi động, sôi động ngày đêm, là những "nỗ lực tuyệt cùng", là "khóc liệt đương đầu", là những "mưu toan". Một cuộc chiến đấu liên lỉ. Để làm gì? Để tồn tại. Ít ra là tồn tại với chính mình. Nhà thơ, từ đó, liên tưởng tới bao người đi trước, trong đó có bà con dòng họ mình, đã từng ở tù như thế. Ở tù, rất cuộc, cũng là bước tiếp nối. Một tiếp nối nghiệt ngã. Anh ta:

Đi tới đi lui
Trăm lượt nghìn lần
Như một hồn ma cổ đại
Trong hầm mộ muôn đời
Rồi nằm xuống:
Dỗ mình hãy cố ngủ
Tập quen dần với giấc thiên thu.

Lại thiên thu, một khái niệm về thời gian bất định.

Cả ba đều là những bài thơ xuôi - đầy hiện thực và nặng những suy gẫm siêu hình - là một cách diễn đạt khác rút ra từ những "Đấng tử", "Tưởng tượng ta về nơi bản trạch", hay nói khác đi, hiện thực hóa "Đấng tử", "Tưởng tượng ta về nơi bản trạch", vân vân. Với một giọng thơ hết sức đặc thù, khi thì xôn xao, sôi động với thứ ngôn ngữ (có vẻ) rất chính luận, khi thì lắng xuống thâm trầm, khi lại nhuốm đầy vẻ "u mặc", trũng giỡn, trào lộng - theo tôi - là biểu hiệu cao nhất của tài năng TTY.16

Chữ nghĩa và tri thức đã tổng hợp nên Tô Thùy Yên. Với cách sử dụng chữ nghĩa độc đáo, tân kỳ và sáng tạo¹⁷, TTY đã mở ra nhiều cánh cửa của hiện thực. Cũng con sông đó, cũng biển đó, cũng trời đất đó, nói chung là cũng những sự vật đó, TTY đã cho ta thấy nhiều hình dáng khác của chúng, lạ lùng và thú vị. Đồng thời ông mở ra nhiều cánh cửa từ những ý niệm triết học vốn đã bị đào xới mòn nhẵn nghe đến chán chường qua hàng ngàn năm nhân loại suy tưởng. Ai mà chẳng biết vô hạn, hữu hạn, biến dịch, tuyệt đối, chân lý ... TTY cũng lập lại chúng, nhưng lập lại một cách khác, choàng lên chúng những khuôn mặt mới, dịu dàng và thơ trẻ hơn. Kiến thức ông chín và sâu, được tiêu hóa dàng dàng để hóa thành những thi-triết ảnh tươi mượi, sống động. Nhiệm chất thơ, nên thay vì để ra những luận chứng siêu hình ngọt ngào đưa đến những tranh cãi hoài hoài không dứt - kéo dài cả mấy ngàn năm và vẫn còn tiếp tục - thì chúng mang lại cho ta những tuyệt vọng ngọt ngào của cuộc nhân sinh, khiến cho nỗi tuyệt vọng đôi khi cũng lấp lánh, tinh anh như niềm hy vọng.

Phải chăng, đó cũng chính là cùng đích của nghệ thuật?

Chú thích:

1. Để cho gọn, trừ trường hợp đặc biệt cần nhấn mạnh một điều gì đó, tôi sẽ dùng chữ tắt "TTY" thay thế cho "Tô Thùy Yên" trong toàn bài viết này.
2. Nguyễn Mạnh Trinh, *Phòng vấn Tô Thùy Yên*, tạp chí *Hợp Lưu* số 24, tháng 8&9/1995, tr. 162. Đây là một bài phỏng vấn rất hay, qua đó, NMT và TTY đã trao đổi rất nhiều điều về thơ: quan niệm của TTY về thơ, cách làm thơ, yếu tố vần điệu, chữ nghĩa, kiến thức... Bài phỏng vấn cũng đưa ra nhiều thông tin về tạp chí *Sáng Tạo* mà TTY là một trong những thành viên trong ban chủ trương. Theo tôi, những ai muốn tìm hiểu về thơ TTY, không thể không đọc thêm bài phỏng vấn này.
3. Nguyễn Hưng Quốc, "Thơ, V.V... Và V.V...", nxb Văn Nghệ (California) 1996, tr. 192
4. Bùi Vĩnh Phúc, "Lý luận và Phê Bình - Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995", phần "Tô Thùy Yên: Thơ, như một vinh dự làm than của kiếp người", nxb Văn Nghệ (California) 1996, tr. 395-396
5. Về cách phối trí từ ngữ, tức là chọn lựa và kết hợp, tác giả Bùi Vĩnh Phúc phân tích khá kỹ. Xem Bùi Vĩnh Phúc, sách và bài đã dẫn, tr. 378,379,380
6. Ngôn ngữ Phật Giáo, có nghĩa là: điều-không-thể-nghĩ-bàn
7. Nguyễn Hưng Quốc, sđd, tr. 192
8. Để hiểu rõ hơn quan điểm của TTY về vấn đề cảm hứng, xin trích lại đây ý kiến của ông phát biểu trong bài phỏng vấn "Làm thơ, cũng như làm bất cứ thể loại nghệ thuật nào khác đương nhiên đòi hỏi trước tiên phải có cảm hứng... (...) Tuy nhiên, nghĩ cho cùng, cảm hứng đó do đâu mà phát sinh, nếu chẳng phải từ những nung nấu trường kỳ đến mức đã trở thành những ám ảnh một đời của tác giả. Bản thân tôi không tin là có thể có những cảm hứng ngẫu sinh. Dĩ nhiên bài thơ thành hình không chỉ thuần với cái cảm hứng đầu tiên khai ngộ đó. Từ cái cảm hứng đầu tiên khai ngộ đó đến cuối bài thơ được hoàn thành, với tôi, luôn luôn là một con đường xa xôi, nhọc nhằn lắm khi tuyệt vọng ê chề vì lực bất tòng tâm", dẫn theo "Phòng vấn Tô Thùy Yên", Nguyễn Mạnh Trinh, bđd, tr. 164
9. Có lần TTY nói với tôi: người sáng tác, theo tôi, phải có cái vision (tầm nhìn) lớn
10. Hai từ triết lý và siêu hình dùng trong bài này có thể làm cho một số người đọc phân vân. Xin được giải thích như sau: Triết lý, tiếng Anh là philosophy, nguyên gốc từ tiếng Hy Lạp (philo và sofia), có nghĩa là "yêu sự khôn ngoan" (love of wisdom). Sau này, từ triết lý được sử dụng rộng rãi để chỉ sự theo đuổi các nghiên cứu có tính chất lý thuyết về những vấn đề liên quan đến cuộc nhân sinh như cái sống, cái chết, bản chất của sự vật, vấn đề chân lý, vấn đề khoa học, hiện sinh và từ đó phát sinh ra nhiều phạm trù khác nhau như: thời gian, không gian, các giá trị, vấn đề tuyệt đối, vân vân. Siêu hình học, metaphysics, nguyên gốc tiếng Hy Lạp là "ta meta ta physika", có nghĩa là "những tác phẩm xuất hiện sau các tác phẩm viết về vật lý (physics) của triết gia Aristotle. Như thế, meta-physics chỉ có nghĩa đơn thuần là "sau-physics". Nhưng về sau, các học giả phương Tây sử dụng nó với ý nghĩa mở rộng, có nghĩa là nghiên cứu những vấn đề siêu vật lý (trans-physical), tức là vượt lên trên những gì quan sát được. Trong trường ốc, người ta thường phân loại triết lý ra thành tâm lý học, luận lý học, đạo đức học, siêu hình học, vân vân. Như thế, siêu hình học là một bộ môn của triết lý. Trong bài này, do phạm vi giới hạn của đề tài, tôi sử dụng cả hai từ triết lý và siêu hình lẫn lộn nhau, đều ám chỉ một số ý niệm (cũng như niềm tin) căn bản về bản chất của sự vật như vấn đề tồn tại, hiện sinh, không gian, thời gian, lịch sử, chân lý..., tóm lại, là những gì không thể kiểm chứng được bằng thực nghiệm. Do đó, chúng khác biệt hay đối lập với hiện thực là những gì xảy ra trong thực tế, có thể nhận biết được bằng các giác quan. Tuy nhiên, từ siêu hình dùng ở đây không liên quan gì đến phong trào siêu thực (surrealism), là một lý thuyết sáng tác nghệ thuật dựa trên vô thức, do André Breton (Pháp) sáng lập vào đầu thế kỷ thứ 20.

11. Nguyễn Mạnh Trinh, *Hợp Lưu số 24, bài đã dẫn, tr. 167*
12. *Dẫn lại theo Nguyễn Hưng Quốc, sđd, tr. 85*
13. Nguyễn Hưng Quốc phân tích bài "Qua sông" một cách khá thú vị. Xem NHQ, sđd, tr. 143-147
14. Nguyễn Hưng Quốc, sđd, tr. 192
15. *Một phong trào chủ trương bảo vệ môi trường thiên nhiên, chống lại các dự tính làm ô nhiễm môi trường, xuất phát từ các nước kỹ nghệ phương Tây, hiện nay có mặt trên hầu hết các nước trên thế giới*
16. Thường người ta chỉ nhớ "Qua sông", "Mùa hạn", và đặc biệt "Ta về". Ngay cả bài "Chiều trên Phá Tam Giang", người ta cũng thích nhớ vài đoạn, mà không lưu ý đến bài thơ như một tổng thể. Trần Thiện Thanh phổ nhạc, chỉ đưa vào một đoạn nói về tình yêu, biến bài thơ thành một bài tình ca. Đáng tiếc! Nhưng cũng đành chịu thôi, vì không thể phổ một bài thơ dài và đa dạng như vậy trong một bản nhạc giới hạn. Vả lại, dường như những gì khác cũng không mấy phù hợp với sở thích của nhà nhạc sĩ này chăng? Riêng tôi, tôi thú vị nghe nhà thơ quá cố Cao Đông Khánh và nữ nghệ sĩ Phan Dục diễn ngâm bài thơ này (trong nhiều bài khác, cũng của TTY, băng Cassette "Thơ Tô Thùy Yên", Cao Đông Khánh và Phan Dục diễn đọc, diễn ngâm) Đặc biệt, giọng Cao Đông Khánh rất thích hợp với không khí và tư tưởng của "Chiều trên Phá Tam Giang". Nhất là đoạn kết thúc, nghe rất đã, khi anh chấm dứt ba chữ: dón dác ngó. Rất dón dác!
17. TTY phát biểu: "Tôi cũng tâm niệm lời hứa của Đỗ Phủ: Ngữ bất kinh nhân, tử bất an. Nói không làm người sợ, chết không yên. Dường như chẳng bao giờ tôi ngừng nghĩ kiếm tìm cho dù có khổ công đến đâu một chữ đắc, cái chữ độc nhất mà không một chữ nào khác cho là tương đương hòng thay thế được. Nói cách khác, tôi chỉ chịu đi qua một câu thơ, một đoạn thơ khi nào tôi hoàn toàn kiệt quệ khả năng thể hiện hay hơn, gần hơn, sống hơn điều tôi ao ước thể hiện. (...) Câu thơ hay nhất mà thi sĩ nào cũng mong mỗi làm được có lẽ là câu thơ gần gũi nhất với lối nói thông thường mà mới thoạt nghe ai cũng nhận ra ngay là thơ, không giải thích được, không diễn dịch được", Nguyễn Mạnh Trinh, bài đã dẫn, tr. 165 – 166

Tô Thùy Yên, thơ như người bị bức tử Nguyễn Mạnh Trinh

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc /như người bị bức tử canh khuya? Xé toang từng mảnh đời tê điếng/ Mà gửi cùng mây đỏ thăm thê/... Trong buổi chiều gió giạt loạn cuồng của những cơn bão kéo tới, tôi đọc những câu thơ ấy mà nghe dường như có điện giạt trong châu thân. Thơ như u uất của đất trời. Thơ như lòng người đang cơn phần nộ. Bây giờ, cả dân tộc Việt Nam đang đau đớn với sự hiếp đáp của đế quốc phương bắc mà những người lãnh đạo lại hèn nhát yếu mềm cam chịu... Thơ như lời tiên tri, như những vết hằn trên đá từ năm tháng.

Trường Sa Hành. Bài thơ viết vào tháng 3 năm 1974 của Tô Thùy Yên sau trận hải chiến Hoàng Sa hơn một tháng. Lúc ấy, thời cuộc như lò nung hơi chờ bùng vỡ. Ở trong thì nội chiến, ở ngoài thì ngoại xâm. Thế mà, những chiến sĩ vẫn giữ gìn từng tấc đất của tổ quốc. Tô Thùy Yên trong một chuyến công tác ra quần đảo Trường Sa đã làm những câu thơ như tiên đoán một định mệnh tàn khốc:

"Sóng thiên cổ khóc biển tang chế
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ

Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời
Mùa gió xoay chiều gió khóc liệt
Bãi Đông lờ mắt bãi Tây bồi
Đám cây bật gốc chờ tan xác
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?"

Thơ như nỗi ngậm ngùi. Thơ như nỗi niềm u uất của những người đi tìm kiếm những điều xa xôi khó lý giải. Làm một bài thơ có phong vị hành chỉ là một cái cớ, để mượn thiên nhiên độc thoại với mình, để thấy kiếp người với nỗi niềm mẫn khai và thời gian sẽ thành ngôi mộ với tấm bia kết từ đời u tịch.

Thật là khó giải nghĩa một bài thơ, nhất là một bài thơ có không gian rộng mênh mông như Trường Sa Hành. Trích một vài câu, diễn giải một vài đoạn, sẽ chẳng làm rõ ràng thêm được những điều tác giả muốn nói, muốn trao gửi trong thơ. Mà, chỉ làm vụn vặt đi cái vơi vợi khôn cùng của cảm xúc

Cho nên phải đọc một hơi để những hình ảnh nối tiếp nhau để thấy tràn ngập một nỗi cô đơn của con người nhỏ nhoi trước cao rộng của thiên nhiên và tiềm thức Ngôn ngữ của Tô Thùy Yên không có những từ khó hiểu và thơ bảy chữ ấy cũng man mác âm điệu của những bài hành của thời kỳ Hành Phương Nam của Nguyễn Bính hay Tống Biệt Hành của Thâm Tâm. Thế mà, có một điều gì mới mới, cũng không hẳn từ ngôn ngữ mà cũng chẳng phải là hình ảnh, cảm giác ấy có từ những liên tưởng từ tất cả : ý thơ, tứ thơ, âm vận thơ, hình tượng thơ tạo thành.

Có một điều rõ ràng trong thơ Tô Thùy Yên là cái hứng cảm hiện ra trong một lúc hòa hợp với những suy tư tích chứa mỗi ngày mỗi tháng nên có sức truyền cảm mạnh. Lý Chất, một phê bình gia đời Minh trong Tạp Thuyết đã viết về hiện tượng này. Người làm thơ tích lũy vốn liếng sống ở mức độ dồi dào thì một sớm "tức cảnh sinh tình, xúc động thở than, giọt cả chén rượu của người khác, dốc nỗi oán giận ở trong lòng, thờ lờ bất bình từ trong bụng, từ số phận đau khổ của mình, liên hệ tới biết bao nhiêu chuyện xa xưa muôn thuở... Khi đã viết là nhả ngọc phun châu, ánh sáng soi rọi tận vân hán, như nét đẹp giữa trời, thế rồi bèn tự phụ, giữa cõi đất trời hết vang, khóc lóc như điên không tự chế được". Tóm lại, cái hứng cảm được nảy sinh từ cuộc sống hiện thực và trong một phút giây nào đó đã tạo thành xúc động của một người lên cơn đồng điệp.

Trong thơ Tô Thùy Yên, thơ có phải là những vần điệu vang vọng trong cơn đồng điệp ?

Làm thơ về Trường Sa, để thấy được cái hữu hạn của con người cũng như niềm cô đơn của những người luôn đi kiếm tìm một đích đến dường như rất xa xăm nhưng lại có lúc gần gũi. Mỗi một bài thơ, có phải là một cơ duyên, để con người cất lên tiếng nói của mình, của những nỗi niềm u uẩn khó lý giải...

Trở lại với thi sĩ Tô Thùy Yên, tôi trong cái chủ quan của mình vẫn cho rằng ông làm mới thi ca trong những nét cổ điển. Nhắc tới Tô Thùy Yên, mà những bài thơ bảy chữ như Ta Về, như Quỷ Xương Thi, hay Hề, Ta Trở Lại Căn nhà Cỏ... hay tám chữ như Chuyện Tình Người Lữ Vận... đã tạo thành một thế giới thi ca riêng, mà trong đó cái đời sống đã tượng hình trong cái chưa rõ nét, mà cái cảm xúc làm nền tảng hơn là những sự kiện thật. Ở đó, Tô Thùy Yên đã phá lên một lớp sương mù của suy tư và đã làm thay đổi cả hiện thực trong ngôn ngữ và vần điệu...

Trong suốt bao nhiêu năm làm thơ ở trong nước, ông chưa in một tập thơ nào cho mình. Để đến khi ra định cư ở hải ngoại, mới in Thơ Tô Thùy Yên và Thấp Tạ. Những bài thơ, chọn lọc suốt bao nhiêu năm sáng tác, có nhiều bài chỉ không những tiêu biểu cho riêng Tô Thùy Yên mà còn cho cả văn chương Việt Nam nữa.

Khi mới xuất hiện trên Sáng Tạo, với những bài thơ, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, ... đã tạo một khí hậu mới cho thi ca. Thơ tiền chiến đã thành những tiêu điểm để vượt qua. Thanh Tâm Tuyền viết "Trèo lên cây bưởi hái hoa" để làm rõ ràng hơn những ý tưởng làm mới. Nguyên Sa mang lại những khí hậu phương tây vào văn chương với những bài thơ mượt mà, những hình ảnh mới lạ. Còn Tô Thùy Yên, thì như "Cánh Đồng Con Ngựa Chuyền Tàu":

"Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lúi chổng mặt
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển thở hào hển
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ
Như giữa nền nhưng một vết nâu"

Đọc xong bài thơ có lẽ sẽ có nhiều ý tưởng ập đến. Tôi độ chừng tâm tư mình xuôi ngược theo những trục thời gian. Rượt đuổi, gồng rượt đuổi nhưng vô vọng. Có phải chúng ta đang trong một lộ trình hào hển, với đích đến gần kề nhưng lại vời xa. Bây giờ, sống trong ngày tháng mà vòng quay nhân sinh mù mịt đến chóng mặt thì những hình ảnh như chuyến tàu như con ngựa lại mở rộng ra biết bao nhiêu liên tưởng, gợi ý biết bao nhiêu tâm tư để rồi trong cái hữu hạn để chấm dứt một vô cùng. Hình ảnh thật đẹp "ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ/như giữa nền nhưng một vết nâu/..."

Bài thơ ấy Tô Thùy Yên làm thời tuổi trẻ nhưng đã có sự suy tư già trước tuổi, với những hình ảnh hiện thực gợi hình chuyên chở được những tâm ý gửi theo. Thơ như một ám ảnh, của những nỗi muộn màng, của những nỗi niềm dìm sâu từ quá khứ. Dù chỉ là vài hình tượng có chất đặc trưng, những ý niệm siêu hình đã làm bước chân người đọc đi xa hơn vào những lãnh địa mà chất động và chất tĩnh hòa nhạt với nhau, để thành một cảm giác rung động trong lòng người đọc.

Chiến tranh với Tô Thùy Yên, có lúc là những ám ảnh, có khi là niềm phẫn nộ, nhưng cũng là hiện thực của một đời sống binh lửa. Những câu thơ hào sảng, những ý nghĩ bất cần, những ngày sống chỉ biết cho hiện tại:

"...Thiệt tình, tên bạn ta không nhớ
nhưng mà trông mặt thấy quen quen
hề chi ta uống cho say đã
nào có ra gì một cái tên.

Tới đây toàn những tay hào sĩ
sống chết không làm thắt ruột gan
cũng không ai nhắc gì thân thể
có vợ con mà như độc thân
bạn hỏi thăm ta cho có lệ
cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung
còn mười tháng nữa lên trung úy
có thể ngày mai chữa biết chừng...”

những câu thơ của “Anh Hùng Tận” có cái thô nhám nhưng chân thực của cuộc sống. Thời tên bay đạn lạc, biết đâu ngày mai thành cố trung úy lên bàn thờ ngòi cho nên :
“Giờ cất quân, đưa tay bắt/ Ước cõi âm còn gặp để say.”

Tô Thùy Yên đã nhìn cuộc chiến với những hình ảnh của gian khổ, của những ngày tháng vô định, những cái chết trẻ đau thương. Bài Qua Sông có những câu tả chân, phác họa lại một không gian đầy tử khí:

”Giặc đánh lớn- mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
hồn chùng hiu hắt nổi không tên
tiếp tế khó- đôi lần phải lục
trên người bạn gục đạn mười viên
di tản khó – sâu dòi lúc nhúc
trong vết thương người bạn nín rên
người chết mấy ngày chưa lấy xác
thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh...”

Một thời làm lính rồi một thời đi tù, cái mẫu số chung của cả một thời đại ấy đã được thi sĩ viết thành nỗi niềm riêng, tuy cũng là chung của nhiều người.

Một bài thơ, có mang chút thời thế vào trong vần điệu trầm buồn. Ngồi hái rau, giữa cái thỉnh lặng của đất trời để nghe như trong thiên nhiên có hồn người lẫn khuất.

“Chiều ra đồng hái rau hoang
Nghe sâu theo gió thổi tràn mặt ta
Ơn trời ơn đất bao la
Hái đi này những xót xa kiếp người
Cổ kim chung một mái trời
Kính Thi cũng có bóng người hái rau
Cúi mình khổ lụy như nhau
Tập tàng một nhật trả hần nợ thân
Cơ trời núi đổ sông dâng
Miếu đường bay mái, thánh thần lạc thây
Ta nhìn ta, lạ lòng thay

Tả toi, đâu chỉ hình hài thấy đây...”

Trong phần ghi chú ở cuối tập thơ, tác giả đã viết khá nhiều về bài thơ Hái Rau này. Nếu ở ý định làm rõ xuất xứ của câu thơ thì thật không cần thiết nhưng nếu để làm rõ ra những ý nghĩ của mình thì có lẽ còn tác dụng.

“Sống đông bữa một, tâm chèn khổ sao.

Một cực hình cấp địa ngục: phải đối diện chăm chăm với mỗi cảnh khổ duy nhất thường trực bất biến, triền miên sao đờ lại. Phải chăng sự luân phiên chuyển đổi những cảnh khổ khác nhau trong đời người phần nào cũng giúp được cho con người chịu đựng nỗi đời sống”

Sau đó tác giả viết về xuất xứ của những câu thơ như:

“miếng ăn đắng nuốt nghẹn ngào
chỗ sâu thấp biết nơi nào sạch dơ”

gợi ý từ bài thơ Paradiso của Dante Alighieri.

Hay câu thơ “quán xanh còn mở cho chàng về qua?” gợi ý từ thơ trong Comedie De La Soif của Rimbaud.

Theo suy nghĩ của tôi, thi sĩ quá cẩn thận và làm cho người đọc mất đi cái thú tìm kiếm.

Đọc hai tập thơ, hai bài viết về những tháng ngày lao ngục chuyên chở được nhiều ý hướng của Tô Thùy Yên nhất là Tàu Đêm và Ta Về. Một đi, trong nửa đêm tranh tối tranh sáng, trong những toa tàu đặc nghẹt người, trong nỗi ê chề của những người thất trận. Một về, trong nỗi chán chường của một người lưu lạc, như một kẻ lạ trở về quê cũ của mình.

“Tàu đi như một cơn điên đảo
sắt thép kinh hoàng va đập nhau
ta tưởng chừng nghe thời đại động
xô đi âm ỉ một cơn đau
ngồi đây giữa những phân cùng bụi
trong chuyến đời xung sát bạo tàn
ta trở thành than thành súc vật
tiếng người e cũng đã quên ngang...”

Chuyến đi như một ác mộng kinh hoàng chuyến về lại ngậm ngùi của những năm hoang phế.

“Ta về như bóng ma hời tử
lục lại thời gian kiếm chính mình
ta nhạt mà thương từng phé liệu
như từng hài cốt sắp vô danh
ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa
đọc lại bài thơ thuở thiếu thời
ai đó trong hồn ta thổn thức?
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi
Ta về như hạc vàng thương nhớ
một thuở trần gian bay lướt qua
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
Đành không trải hết được lòng ta. ”

Viết về thơ Tô Thùy Yên, có lẽ còn phải dài hơn. Có những bài thơ như Chiều Trên Phá Tam Giang, như Mùa Hạ, như Hè, Ta Trở Lại Căn Nhà Cỏ, như Thấp Tạ... đều có những đoạn thơ hay, đều có những ý tưởng thích thú. Và để tổng kết lại những cảm nghĩ, tôi đã viết một bài thơ, mà rất lâu, khi nhà thơ còn ở Việt Nam. Bài thơ “ Chiều trên xa lộ đọc thơ Tô Thùy Yên“, viết lại ở đây như một chia sẻ:

“buổi chiều lái xe trên xa lộ
sao nghe tiếng sóng Phá Tam Giang
tâm tư cánh cửa vừa bung mở
khuôn trời xanh biếc tận ngàn năm
Mỗi bánh xe đời lăn miết miết
Lạnh buốt trong tâm quỹ xướng thi
Gần xa quanh quẩn vòng sinh diệt
Sao ta vẫn sống thật lạ kỳ
Lòng cứ mênh mang ngàn câu hỏi
Mặt trời phương đông hay phương tây
Hay như ghềng đá thiên thu đợi
Bọt nước rêu loang những gót giày
Sống qua thế thời này chẳng dễ
Vút lao muôn sóng cửa Thần Phù
Trôi theo vạn kiếp từ hạt lệ
Dấu vết còn hằn đá vọng phu
Nói với thình không vài chuyện phiếm
Đèn chưa vàng nhem nhuộm hoàng hôn
Đến khi bạc tóc đành sương điểm
Vỡ lẽ chưa xong nỗi mắt còn
Bỗng dựng tay nhỏ che trời đất
Làm gã cuồng rảo đến vô cùng
Có gã vương tôn miền trí tuệ
Hoài hoài chưa hết ý vô chung
Lái xe mà tưởng qua Vàm Cống
Thân thể mênh mang đến mấy đời?
Xưa cũ đành hanh vài huyễn mộng
Tràng thành trống điểm nguyệt còn soi
Chiều chủ nhật một mình xa lộ
Bên cạnh đường như có một người
Chân dung mờ nhạt như không rõ
Thơ hoài giọng đọc mãi khôn vơi

Tô Thùy Yên:

Thơ, như một vinh dự làm than của kiếp người

Bùi Vĩnh Phúc

*Biểu dương - hãy biểu dương cùng tận
Vinh dự làm than của kiếp người
Hy hữu một lần trên trái đất
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.*

Tô Thùy Yên là một giọng thơ đặc thù, có một, và vô cùng u hiễn của nền thi ca Việt

Nam trong dòng văn học miền Nam kể từ *Sáng Tạo*.

Từ cuối thập niên năm mươi cho đến thời điểm bị cắt đứt 1975, dòng thi ca miền Nam Việt Nam không phải là không thấy nổi bật lên những khuôn mặt khôi ngô của thơ, những tiếng nói mới lạ của tình cảm, của cảm xúc, của trí tuệ; không phải là nó không thấy rạo rực lên trong chính thân xác và tâm hồn mình cái thiết tha và sự sống của thời đại. Mà không phải chỉ ở Việt Nam, nơi các luồng ý thức hệ trái chiều đã dùng làm địa bàn để thử nghiệm những con toán suy tư của mình, nơi những con sóng của các triều nước lý trí, dâng lên từ phương Tây và từ châu Mỹ, thỉnh thoảng hất lên trên mặt đất này những lượng nước cuối mùa từ cái dòng trào của nó, con người nói chung, ở Việt Nam cũng như ở khắp nơi trên thế giới, nơi ánh sáng của văn minh nhân loại vẫn còn có cơ hội soi rọi đến, trong những thập niên 50, 60 và 70, đều đã tìm thấy cho mình một hơi thở mới, một tiếng nói mới, một cái nhìn mới về đời sống. Hơi thở ấy đẩy người ta đi vào cuộc sống mỗi ngày với một thái độ dấn thân và tha thiết hơn. Cái nhìn ấy đem vào nhân giới con người những gì đã trượt ra khỏi tầm nhìn của nó ở những thế hệ trước, vì lý do này hay lý do khác. Và tiếng nói mới mà con người tìm được trong thời đại này đã giúp cho nó tìm xuống những chiều sâu mới của chính tâm hồn mình, dẫn nó đi qua những bậc đá trắng và lạnh của ngôi đền thâm u, kỳ bí, có khi in đậm hình bóng rêu rong của kinh hoàng, khủng khiếp, nhưng cũng có khi ứ đầy và chói sáng ánh mặt trời khiết bạch. Ngôi đền này chính là trái tim con người. Trái tim ấy bóp và đập, bóp và đập, nhưng trong từng giây phút, qua chính những nhịp bóp và đập ấy, nó để nở vào đời sống muôn vàn đoá hoa bí nhiệm làm nên cuộc đời của mỗi con người. Và làm nên cuộc sống của nhân loại.

Nhà thơ là người nhìn vào được trái tim của những đoá hoa bí nhiệm ấy.

Thơ, chẳng phải chỉ là những cửa ngõ để nhìn vào trái tim, mà thường khi, nó chính là trái tim. Nó là ngôi đền thâm u kia. Và nó cũng chính là những đoá hoa bí nhiệm của đời sống.

Tô Thùy Yên là một nhà thơ Việt Nam lớn lên trong cái bối cảnh tinh thần ấy của con người thế kỷ. Ông đã nhận chịu và đã kế thừa cái gia sản chung của nhân loại trong suy nghĩ và trong tiếng nói của mình. Nhưng trong tiến trình sống và phát triển, trong khi học hỏi và chia sẻ những kinh nghiệm chung của nhân loại, ông còn có được những kinh nghiệm riêng của chính mình. Những kinh nghiệm riêng này của Tô Thùy Yên là những kinh nghiệm của một con người nói riêng, mang cá tính độc nhất như bất cứ một con người nào trên thế gian; đồng thời, chúng còn là những kinh nghiệm của một nhà thơ, và của một nhà thơ Việt Nam, trong bối cảnh lịch sử Việt Nam lồng vào khung cảnh lịch sử của thế giới trong một giai đoạn nhất định của lịch sử con người. Bởi thế, những kinh nghiệm ấy trở nên hết sức đặc thù đến nỗi chúng gần như được chọn lựa để trao ban.

Sự trao ban ấy thật là kinh khủng. Bởi lẽ, kẻ nhận chịu sự trao ban ấy sẽ phải sống những kinh nghiệm của hắn. Sống không, chưa đủ. Phải viết lên, phải nói ra, phải tàn rụi đi vì những đau khổ và phải tái sinh để tiếp tục sống những đau khổ ấy. Và chứng minh rằng đau khổ xác định và bù đắp hoá những giá trị con người.

Tô Thùy Yên là kẻ được chọn. Cũng là kẻ được trao ban. Và như một con người Việt Nam, ông đã sống vượt lên và vượt qua, trong một nghĩa nào đó, những kinh nghiệm, những cảm xúc và những suy tư của con người thời đại nói chung. Những giọt nước của trí tuệ và cảm xúc, hất lên phần đất Việt Nam, nơi những con sóng dâng lên từ

Tây Phương và Âu Mỹ kia, ông có tiếp nhận. Ông trải nghiệm được cái sức sống và hơi mát trong sự tiếp nhận ấy. Nhưng cuộc đời của một con người Việt Nam, đặc biệt của một nhà thơ Việt Nam, như Tô Thùy Yên, đã đẩy ông chạm mặt với sự đau khổ và cô đơn ngay trong tình yêu, chạm mặt với chiến tranh, với cái chết, với cái bao la rợn rợn mang mang của vũ trụ đang đè lên kiếp sống mỏng manh, heo hắt, chỉ chợt loé tàn của kiếp người. Cái siêu hình ấy chụp bắt lấy nhà thơ và đẩy hẳn trở về đối mặt với chính nó trong cõi con người. Ở đó, hẳn lớn lên. Hẳn trở thành lớn lao. Nhưng khôn khổ. *Ta lớn lao và ta cô đơn.*

Phong cách của Tô Thùy Yên qua ngôn ngữ và hình ảnh

Để hiểu được thế giới thơ của Tô Thùy Yên, có lẽ trước hết ta phải nói về cái tính chất độc đáo và kỳ lạ, ẩn chứa sôi sục như chỉ muốn lớn lên, tràn ra, trào ra, thoát ra, nơi những hình ảnh và cảm xúc của Tô Thùy Yên. Đây là một thứ ngôn ngữ đầy chất u hiển. Nó sáng, nó cháy, nó lập lòe như lân tinh trong những đêm tối quỷ ma nào đó của trần gian, hay trong những mộ địa âm u nào đó nơi những vùng nước sâu, ngậm ngậm, thủy tận. Nó hô hấp và nó triển sinh trong cô đơn và đau khổ. Nó lập loè và thấp thoáng trong cõi siêu hình. Nó nghi ngút như những đợt khói mỏng manh bay dài suốt cõi thời gian trắng vô âm. Và nó hiển lộ giữa chúng ta, rạo rức, như một mùa hè. *Mùa hè cọ xát điên kim loại.*

Tại sao lại có một thứ ngôn ngữ kỳ lạ đến như thế?

Để trả lời cho câu hỏi này, ta phải nói qua một chút về đặc tính của ngôn ngữ con người. Ngôn ngữ của con người, trên căn bản, là một hệ thống ký hiệu được dùng với mục đích chính là để trao truyền và gởi đến nhau những lượng thông tin nào đó, giúp cho con người giao tiếp, tồn tại và phát triển. Theo Roman Jakobson, hai thao tác chính trong sự nói năng của con người là chọn lựa và kết hợp. Thao tác chọn lựa căn cứ trên một khả năng của ngôn ngữ: các đơn vị ngôn ngữ có thể được dùng thay thế cho nhau nhờ vào tính chất giống nhau hay tương đương, tương đồng của chúng. Còn thao tác kết hợp thì lại dựa trên một khả năng khác của ngôn ngữ con người: các yếu tố ngôn ngữ có thể đặt bên cạnh nhau nhờ vào mối quan hệ gần gũi hoặc giáp cận giữa chúng. Tùy vào những ngữ cảnh khác nhau, sự kết hợp sẽ trở nên biến hoá không ngừng để cho câu nói hay lời phát biểu được trở nên thích hợp với hoàn cảnh của lời nói và của những con người tham dự vào hoạt động nói năng.

Để làm rõ tính chất của thao tác chọn lựa, ta có thể lấy ví dụ sau đây để phân tích. Trong câu nói bình thường “Tôi đi đây” thì từ đi có một loạt các yếu tố tương đương của nó như *lên đường, vù, dọt, chuồn, chầu, téch, de, tẩu, thẳng...* Mỗi từ tương đương này mang trong nó một giá trị biểu cảm khác biệt. Mặc dù chúng chia sẻ với nhau một điểm chung là ý *ra đi*, những yếu tố này khác nhau ở những khía cạnh như: trang trọng/không trang trọng, thân mật/không thân mật, nghịch ngợm/không nghịch ngợm, tiếng lóng/không phải tiếng lóng... Ta có thể thay thế được yếu tố này với yếu tố kia, nhưng, như một con người lớn lên trong một khung cảnh văn hóa nhất định, chúng ta sử dụng thao tác chọn lựa này một cách rất nhuần nhuyễn và gần như nó chỉ xuất hiện ở tầng tiềm thức hay hạ ý thức của ta. Khi nói năng bằng ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta không phải chăm chăm lo lắng trong cách chọn lựa, sử dụng những từ, những yếu tố giống nhau trong những sinh hoạt bình thường. Ta lái chiếc xe ngôn ngữ một cách thoải mái mà không cần phải chăm chăm nắm lấy “ghi đông” (tay lái), không cần phải lúc nào cũng sẵn sàng bóp thắng, hoặc phải để ý đến bàn đạp, đến sự thăng bằng của chiếc xe.

Trước khi ta chọn lựa để nói đi (hay nói vu, *chuồn, thăng, dọt...*), trong đầu ta nằm tản mạn và im lìm những con chữ, những con ý niệm tương cận, như ta vừa thử liệt kê ở trên. Nhưng khi ngôn ngữ đến lúc cần phải được nói ra, một từ thức dậy sẽ lôi cuốn theo nó một loạt những từ khác. Những con chữ, những con ý niệm bây giờ lăng xăng chạy nhảy, đòi được cất lên tiếng nói. Cái đầu, trung tâm ban phát lệnh lên đường của tư tưởng và chữ nghĩa, lúc ấy, sẽ làm nhiệm vụ chọn lựa. Rất nhanh và tích tắc. Như là sự chọn lựa không hề từng xảy ra.

Nhưng ngoài công việc chọn lựa trên, ta còn phải thực hiện công việc kết hợp. Chính những hoàn cảnh nói năng (ngữ cảnh) sẽ bắt ta làm công việc này. Thừa chuyện với các bậc trưởng thượng, phụ mẫu để xin phép ra đi, ta sẽ nói đại khái, “Thưa bác (thưa bố, thưa mẹ), mai con xin phép lên đường”. Chắc không ai lại nói, “Thưa bác, mai con xin phép thăng (chầu, chuồn, dọt, téch, tẩu, de, vu...)”. Cũng không ai nghiêm trang nói, “Thưa bác mai con xin phép lên đường (và xin được chú thích cẩn thận với bác là “lên đường” ở đây có nghĩa trang trọng, kính cẩn, không thân mật lắm mà cũng không thời đại, không nghịch ngợm, không *slang* không *hip*... Xin bác lưu ý là cách dùng chữ “lên đường” của cháu ở đây là cẩn thận và đúng trong vị trí của cháu để thừa chuyện với bác, vân vân và vân vân...)”. Tất cả mọi người tham dự vào những hoạt động nói năng, tùy theo ngữ cảnh (context), sẽ hiểu được ý tứ của nhau. Không ai lại phải làm cái công việc phân giải và chú thích lăng nhăng như thế.

Hai người bạn già đầy chất nho phong chúc nhau lên đường bình an có thể nói, “Chúc bác *thượng lộ* bình an”. Dù *thượng lộ* có những yếu tố tương đương, ở những mức độ khác nhau của chúng, với *vu, chầu, de, thăng, tẩu, chuồn, dọt, téch...*, một nhà nho nghiêm cẩn, tiền bạn, chẳng thể nào lại có thể nói, “Chúc bác *de* (hay *vu, chầu, thăng, chuồn, dọt, téch...*) bình an”. Chính sự kết hợp của các từ ngữ trong một câu văn làm cho ta hiểu được ngữ cảnh, cái không khí bao trùm nó. Và ngược lại, cái ngữ cảnh, cái không khí bao trùm hành động nói năng lại qui định sự chọn lựa và kết hợp các từ đứng bên nhau. Trong thí dụ ở đoạn trên, các từ *thưa, bác, và con* qui định sự chọn lựa và kết hợp của từ *lên đường* (một từ thích hợp trong ngữ cảnh) trong chuỗi ngữ lưu của câu nói này. Một người thạo ăn nói hay một độc giả thạo đọc văn có thể tiến lui thoải mái với kinh nghiệm giao tiếp và đọc sách của mình. Ngôn ngữ là một hệ thống dùng âm thanh như những ký hiệu để giao tiếp. Muốn cho hệ thống này hoạt động hữu hiệu, những âm thanh phải có ý nghĩa. Nhưng âm thanh, tự chúng, khốn nỗi, lại chẳng có ý nghĩa gì. Tình trạng này đã được con người khắc phục một cách hết sức độc đáo bằng cách sử dụng hai thao tác chọn lựa và kết hợp mà ta đã thử xét ở trên, sau khi đã, một cách chấp định, gán ghép ý nghĩa cho những từ trong các hệ thống ngôn ngữ mà nó có. Con người, như Jakobson nhìn ra, trong cái chiến thắng vẻ vang và kỳ diệu của nó, đã dùng âm thanh để cấp phát ý nghĩa ngay cho chính âm thanh. Đây là một sự khắc phục hết sức kỳ diệu của con người. ^[1]

Từ chiến thắng này của con người nói chung, ta trở lại với Tô Thùy Yên. Để thấy rằng người thi sĩ này đã tìm đến sự vinh thắng qua những tác phẩm của mình, hình như, bằng một con đường ngược lại.

*

Nói rằng Tô Thùy Yên đã làm cho thơ của ông trở nên độc đáo bằng cách sử dụng một con đường ngược lại với con đường đưa đến sự chiến thắng của nhân loại nói chung trong việc sử dụng ngôn ngữ để bày tỏ những tình ý của mình, thoạt tiên, nghe

ra có vẻ hồ đồ và nghịch lý. Là một nhà thơ lớn, ông hẳn phải hiểu rõ giá trị của ngôn ngữ và cách sử dụng nó. Dĩ nhiên, ông hiểu là ông sẽ phải kế thừa cái di sản về khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người nói chung, cái di sản phần lớn đã giúp cho con người, sau khi đứng thẳng dậy như một *homo erectus*, trở nên một *homo sapiens*, từ đó, giúp nó chinh phục trái đất. Cái di sản này được để lại trong chữ nghĩa và trong cái cách để sử dụng nó.

Tô Thùy Yên đã trân trọng và hãnh diện nhận lãnh cái di sản đó nơi nhân loại, nơi chung, và nơi tổ tiên của chúng ta, nói riêng. Ông nhận, ông kế thừa, và ông đi thêm một bước mới. Những thi sĩ có tài của thế giới cũng đã đi theo con đường đó. Họ nhận lãnh và họ đóng góp. Vậy, cái đóng góp của Tô Thùy Yên, cái đóng góp mà tôi cho rằng đã đi ngược lại với con đường dẫn đến chiến thắng của con người trong việc khắc phục và làm chủ ngôn ngữ đó là gì?

Câu trả lời của tôi là: một trong những đặc sắc của ngôn ngữ thơ Tô Thùy Yên, và là điểm nổi bật nhất, tạo nên phong cách một nhà thơ lớn nơi ông, chính là cách ông sử dụng hai thao tác chọn lựa và kết hợp của chữ nghĩa. Sự chọn lựa và kết hợp này của Tô Thùy Yên không những làm cho chữ nghĩa, lời thơ của thi sĩ trở nên đặc biệt, kỳ lạ và kỳ diệu, tách thoát khỏi ngôn ngữ thơ - tức là một thứ ngôn ngữ đã được nghiền ngẫm, nung cất, ngâm tẩm, hong phơi - của những nhà thơ trước và sau ông, mà còn làm cho nó trở nên lấp lánh đầy hình ảnh. Những hình ảnh kỳ lạ, bất ngờ và đầy tính sáng tạo.

Nói như thế không có nghĩa là bảo thơ Tô Thùy Yên không có “tư tưởng” mà chỉ có sự sắp xếp, sự kết hợp khác lạ của một số từ ngữ. Thật ra thơ Tô Thùy Yên cũng đầy chất tư tưởng. Ta sẽ xét đến những điều ấy ở những đoạn sau của bài tiểu luận này. Nhưng, điều mà tôi muốn nói, trước hết, ở đây, vì tính chất bao trùm và vì ảnh hưởng mãnh liệt của nó lên toàn bộ sự nghiệp thi ca của Tô Thùy Yên, khiến nó là cái chỉ có một, và khiến nó mở ra một cửa ngõ mới cho thi ca nói chung, là phong cách chọn lựa từ, ngữ nơi ông, và từ sự chọn lựa đó, Tô Thùy Yên kết hợp chúng lại với nhau theo một phong cách của riêng ông. Và trong sự nhận xét của tôi, cả hai sự chọn lựa và kết hợp này của Tô Thùy Yên đều rất khác với những nhà thơ Việt Nam trước và sau ông.^[2] Từ phong cách đó, thơ Tô Thùy Yên chứa đầy những hình ảnh và ngôn ngữ mới lạ, cấp cho chúng ta một cái nhìn mới mẻ, bất ngờ và hết sức phong phú về đời sống, về ngoại giới, về vũ trụ, về nhân sinh, và về nội giới của chính con người nhà thơ.

*

Khuôn mặt em thì để khóc. Khóc đi em.
 (“Phương”)

Khi *khuôn mặt* không là để được nhìn ngắm, chiêm ngưỡng, khi nó được sử dụng như một đồ vật, một dụng cụ, để làm một cái gì đó, có tính cách thực tiễn, ích lợi, như chiếc búa dùng để đóng đinh, cái súng dùng để bắn, cái áo mưa dùng để mặc khi trời mưa, cái ô dùng để che đầu... thì không phải chỉ khuôn mặt của một người con gái tên Phương trong bài thơ bị bóp méo và bị vụn tách ra khỏi cái toàn thể hữu cơ bình thường và đáng trân trọng là nhân dáng nơi một con người - nói chung, nơi một người con gái - nói riêng, mà cả nhân loại bị tổn thương, bị xúc phạm từ một sự đau khổ, xót xa riêng biệt của thân phận một con người tên Phương.

Khuôn mặt là một danh từ, nhưng nó là một từ nằm trong một phạm trù khác biệt hẳn với những danh từ như *búa, kim, đục, phễu, súng, áo, quần, chìa khóa, nhà, cửa, bàn,*

ghế... Những từ như vừa kể có thể được dùng cho một mục đích cụ thể nào đó, như chìa khóa (dùng) để mở cửa, ghế để ngồi... Khi nói “khuôn mặt em thì để khóc”, nhà thơ đã cố tình chọn lựa một sự kết hợp sai về mặt ngữ nghĩa và ngữ pháp để diễn tả sự xót xa, đau khổ của mình trước đối tượng đáng thương xót được diễn tả là người con gái. Ngoài ra, còn có sự cay đắng và chia sẻ ở đây. Cay đắng với những hoàn cảnh đời và chia sẻ sự khổ đau với những con người yếu đuối, khốn cùng, khốn khổ.

Trong Việt ngữ, những mệnh đề như *ghế để ngồi, nhà để ở*, v.v... được dùng như những câu đơn hoàn chỉnh. *Để, ở* đây, được dùng như một động từ [như *is (used)* trong *The chair is (used) to sit on*] ^[3]. Ngồi, nếu có thể so sánh được với một số ngôn ngữ Ấn-Âu, được dùng như một cụm từ, một ngữ đoạn (phrase) để chỉ cách thể mà con người sử dụng cái ghế. [*To sit on* có thể được xem như một *infinitive phrase*, dùng như một trạng từ (adverbial phrase), để chỉ cái cách dùng chiếc ghế]. Bởi thế, chưa xét đến mặt nghịch lý của phạm trù danh từ được sử dụng mà ta đã thử phân tích, ngữ pháp Việt bình thường chỉ khuyến khích ta nói *Khuôn mặt em để khóc* (không cần động từ *thì* chen vào). Khi Tô Thùy Yên thốt lên: “Khuôn mặt em thì để khóc. Khóc đi em.”, ta thấy ngay được sự nhấn mạnh đến nét nghịch lý của đời sống, đến sự cay đắng, xót xa, đau khổ của Tô Thùy Yên dành cho người con gái, đến sự bất lực và chảy máu của chính thi sĩ, đến cái thân phận khốn khổ chung của con người.

Bài *Phương* mở đầu bằng *Khuôn mặt em thì để khóc. Khóc đi em và kết bằng những câu đau khổ và thiết tha này: Có thể nào em lành bệnh, lấy chồng và hạnh phúc không em? Có thể nào giường máy xường cưa ngừng lại? Anh mời em ngày đám cưới anh đến dự cùng chồng và cháu bé, về sau kết nghĩa sui gia, đau khổ nhân lên. Cuộc đời, cuộc đời bis, bis. Khóc đi em.*

Đó là cách nói của nhà thơ. Cách nói nghịch lý ấy đưa đến phong cách Tô Thùy Yên.

Nói đến phong cách, là nói đến các kiểu lựa chọn, kết hợp và giá trị biểu cảm của các kiểu lựa chọn và kết hợp ấy. Về mặt văn học, phong cách là độ lệch giữa chữ nghĩa của văn chương và lối nói thông thường, thực dụng hằng ngày. Nó là một thông báo thừa hoặc nghịch dị. Thừa phần tình cảm, và nghịch dị trong cung cách được chọn lựa hoặc sử dụng. Phong cách là một cấu trúc hữu cơ của tất cả các kiểu lựa chọn từ ngữ tiêu biểu, có một giá trị đặc thù, giúp cho ta nhận diện một thể loại, một tác phẩm hay một tác giả.

Chúng ta không thể lộn được thơ Tô Thùy Yên với thơ của bất cứ một người nào khác.

Trong bài „Em nhỏ, làm chi chim biển bắc“, Tô Thùy Yên viết:

*Cửa thân phù dựng Trường Sơn sóng
Mỗi ngọn xô chìm một giấc mơ*

Trong câu đầu, hình ảnh mà nhà thơ muốn gửi tới chúng ta là một cửa biển (cửa biển của tâm hồn, cửa đời sống, cửa cuộc lữ này?) dựng sóng cao ngất như ngọn (dãy) Trường Sơn. Nhưng khi chọn kết hợp *dựng Trường Sơn sóng* thay cho *dựng sóng Trường Sơn*, Tô Thùy Yên cho đẩy vào nhãn trường của người đọc một cận ảnh của *Trường Sơn* làm bằng *sóng* nước trập trùng, trùm lấp lấy chúng ta, và xô chìm đi những giấc mơ bé nhỏ và thiếu não nhưng hết sức thiết tha của con người. Còn cách nào nói được hơn thế?

Trường Sơn, một danh từ được dùng như tính từ, đứng trước và chỉ định một danh từ khác, ở đây là *sóng*, là một lối nói đặc biệt, không Việt Nam^[4]. Chính vì ý thức được tính cách không mấy quen thuộc và không mòn nhẵn ấy (chứ không phải vì tinh thần ngoại lai) của một loại ngữ pháp giống như ngữ pháp của tiếng Hán hay Âu Mỹ này mà Tô Thùy Yên đã đưa nó vào thế giới thơ của mình và tạo nên được những tác dụng thẩm mỹ rõ rệt. Cách dùng này có thể được tìm thấy khá nhiều trong thơ ông. Ta có thể kể:

Những người thuở trước như là mộng
Diễm tuyệt dung nhan thảo mộc sâu
(„Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai”)

Lờn rờn bóng lá đong đưa nắng
Thảm thiết dây leo quấn quít cây
(„Tưởng tượng ta về nơi bán Trạch”)

Trường Sa! Trường Sa đảo chui chổng
Thăm thẳm sâu vây trắng bốn bề
(„Trường Sa hành”)

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vàng khói chim đen thẳng thốt quần
(„Trường Sa hành”)

Tung ra khắp bãi thời gian rộng
Lượn lượn ưu tư khóc liệt rên
(„Mòn gót chân sương nắng tháng năm”)

Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
(„Vườn hạ”)

Nằm đây phủ sáng hằng hà sao
Nghe thủy triều lui bạc bạc sâu
Nghe tiếng mõ chùa khô khóc khóc
U minh ngày tháng bóng lao đao
(„Vườn hạ”)

Một trong những biện pháp làm cho thơ Tô Thùy Yên nổi bật lên, và làm cho hình ảnh thơ ông dính mãi vào tâm trí chúng ta như một ám ảnh đeo đuổi đời đời, là cung cách sử dụng tính từ (hay danh từ dùng làm tính từ) và trạng từ của ông. Cách sử dụng những tính từ và trạng từ này, trong lời nói, trong cách suy nghĩ hằng ngày, người ta không thể chấp nhận [vì nói như thế cũng như nói “Thưa bác, con thẳng” (hay *de, chuẩn, tấu...*)]. Nhưng Tô Thùy Yên đã chọn lựa và kết hợp chúng lại với nhau một cách tài tình, sắc nét và mạnh mẽ. Ta thử xét các câu sau:

Biển Bắc tuyết mù con nhạt lạt
Thời gian mất trí trắng vô âm
(„Mòn gót chân sương nắng tháng năm”)

*Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa
(„Qua sông”)*

*Hùng đông hùng vĩ và thanh thân
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy
Chân mây rách đỏ vết thương dài
(„Hề, ta trở lại gian nhà cỏ”)*

*Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm
Mà ta ngưỡng vọng như sư phụ
Mà ta thân thiết tựa tri âm
(„Hề, ta trở lại gian nhà cỏ”)*

*Còn lại chẳng chút u hoài mốc
Pha cùng rượu uống đến say thua
(„Hề, ta trở lại gian nhà cỏ”)*

*San hô mọc tựa thêm cành nhánh
Những nổi niềm kia cũng mãi khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người
(„Trường Sa hành”)*

Những thí dụ vừa kể chỉ là một số những biện pháp mà Tô Thùy Yên đã sử dụng để bật sáng ngôn ngữ của mình và ban cho cái ngôn ngữ ấy một chất sáng lung linh lấp lánh của một loại lân tinh trong những búi cỏ của ngôn ngữ trần gian. Tuy nhiên, một hiện tượng đều khắp, toả rộng trên diện tích đất đai của tư tưởng và ngôn ngữ thơ Tô Thùy Yên, chính là phương pháp chọn lựa, sử dụng và kết hợp những hình ảnh, những tư tưởng và những ý niệm thường không nằm cạnh nhau trong những quan hệ ngữ nghĩa và ngữ pháp của đời thường. Tô Thùy Yên ban phép hôn phối và chúc lành cho chúng. Từ đó, những cặp uyên ương của chữ nghĩa và tư tưởng này, tưởng là không bao giờ được gắn gũi nhau, đã dong buồm ra khơi. Những cánh buồm kỳ diệu ấy, từ đó, cứ lấp lánh, rạo rực mãi trong đáy lòng ta như những cánh chim muốn cất tiếng hát lên trời. Hãy thử nhìn lại những cánh buồm và những tiếng chim kỳ ảo lạ lùng kia:

*Em đắp mặt anh mười ngón tay nhánh huệ
...Khuôn mặt ủ ê em bật trận mưa dầm
(„Vie Posthume”)*

*Ra đi như một bình minh lạ
... Ra đi như một âm thanh sáng
... Bình minh như một làn da phỏng
Ta dạo men bờ sóng tuyết mù
Cảm phục bồi hồi biển nhấn nại
Bắt đầu mãi mãi lượn thiên thu
(„Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai”)*

Nên ta phó mặc cho trời đất
Trời đất vô ngôn lại bất nhân
Nên ta lẳng lẳng đi đi khuất
Trong lẳng quên xanh hút thời gian...
(„Hề, ta trở lại gian nhà cỏ”)

Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm một tối vui
Trăng sáng in hồn ta vết phỏng
Trọn đời nỗi nhớ sáng khôn nguôi
(„Vô đề”)

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Gió đưa nhớ rải khắp trần gian

...
Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Đóa hoa buông cánh khi tàn hương
Tiếng rụng tuyết âm rền tịch mịch
Dòng sông tới biển, nức tuôn, tuôn

...
Mùa hè cọ xát điên kim loại
Con quạ kêu vang giữa quặng không
(„Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch”)

Mặt bạn mặt ta còn trắng cả
Như mặt trời chiều mới tạnh mưa
(„Anh hùng tận”)

Trái đất tròn như con số không trái đất muôn năm. Anh đứng lên như
tiếng chửi thề.
(„Phương”)

Chỉ có thể. Trời căm, đất nín
Đời im lìm đóng vầng xanh xao
(„Ta về”)

Đêm lụa là, anh trở giấc, cây nến thức khuya đã bị gọt mòn, còn nghe
tiếng ru.
(„Lễ tấn phong tình yêu”)

Và thêm một đoạn thơ trong bài thơ bắt hủ sau. Đoạn này, với những cách dùng từ,
ngữ và những hình ảnh, suy tưởng được nối kết với nhau một cách kỳ lạ, độc đáo và
đầy phong cách, đã thổi đến người đọc cái phong vị u buồn và cảm hoài của thời đại,
mang đầy tính bi tráng của lịch sử Việt Nam:

Đò ghen đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa
Con đường đáo nhậm xa như nhớ
Chiều mập mờ, xiêu lạc dáng cò
Quán chạt xanh lên rừng lính ướt
Mặt bờ phờ dính gió bao la

Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét
Chuyện tình cờ nhúm ẩm cây mưa
Vang lên những địa danh huyền hoặc
Mỗi địa danh nồng một xót xa
Giặc đánh lớn - mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chừng hiu hắt nổi không tên
Tiếp tế khó- đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mười viên
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sinh mặt nát lạch mương tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh
Cồn xa cây vường sáng mờ màng

...
(„Qua sông”)

Chiến tranh, với những bi thảm và tàn bạo của nó, hình như ở thời nào, chốn nào cũng giống nhau. Hình ảnh “Người chết mấy ngày chưa lấy xác / Thây sinh mặt nát lạch mương tanh...” làm ta rất nhớ đến đoạn mở đầu của *Một thời để yêu và một thời để chết* của Erich Maria Remarque, về cái chết của những người lính ở bên Nga trong thời Đệ nhị thế chiến.

[1] Phần trình bày về hai thao tác chọn lựa và kết hợp trong ngôn ngữ này được dựa theo quan điểm của Roman Jakobson trong *Essais de Linguistique Générale*, Paris, 1963; và trong *Questions de Poétique*, Paris, 1973, của cùng tác giả.

[2] Nói như vậy dĩ nhiên là một cách nói có phần cực đoan. Bình thường, những “câu nói” của một thi sĩ bất kỳ nào đó (và thực sự là thi sĩ!) trong bất kỳ một bài thơ nào, đều khác với cách nói của chúng ta, là những con người sống trong đời thường. Nói chung, trong những hoàn cảnh nói năng bình thường của cuộc sống, những câu nói của chúng ta chỉ mang giá trị “tiêu dùng”, có tính “disposability” (dùng xong rồi bỏ). Những câu nói của các văn nhân, thi sĩ thì khác! Đặc biệt đối với các thi sĩ, những câu nói được phát biểu ra là để giữ lại, không phải để “dùng một lần rồi bỏ”. Mọi thi sĩ đều mong sao cho những câu nói của mình trở nên một chất keo kết dính mãi trong ký ức của người đời. Nếu không “đẹp và thơ”, thì phải nói sao cho thiên hạ sợ. Và nói như Đỗ Phủ, *Ngữ bất kinh nhân, tử bất hưu* (Chữ dùng mà không làm cho người đời kinh hãi thì chết cũng không yên lòng). Bởi thế, ở một góc độ và mức độ nào đó, các thi sĩ thực thụ, trong việc sử dụng ngôn ngữ thi ca của mình, đều có một số nét giống nhau. Ngôn ngữ của họ giống nhau ở chỗ đó là một thứ ngôn ngữ khác biệt với cái ngôn ngữ của đời thường. Nhưng nếu nhìn vào chữ nghĩa và ý tứ của chính các thi sĩ, ta thấy họ có nhiều điểm khác nhau lắm. Chính những điểm khác nhau đó tạo ra phong cách của mỗi người. Xét riêng về nét lạ lùng trong kỹ thuật dùng từ và tạo hình ảnh, trong cả hai thao tác chọn lựa và kết hợp, một thi sĩ viết sau Tô Thuỳ Yên nhưng có những nét có thể so sánh với nhà thơ này, mà lại tạo ra được một phong cách rất khác, là Cao Đông Khánh. Dù sao, giới hạn của bài tiểu luận này không cho phép người viết đi sâu hơn vào những phân tích cần thiết để làm sáng hơn nhận xét vừa nêu.

[3] Người ta cũng có thể cho rằng trong *câu ghé để ngồi*, động từ *là (thì)* được hiểu ngầm. Ở *cấu trúc ngầm* (underlying structure), không phải *cấu trúc trên bề mặt* (surface structure), câu này được hiểu “Ghé là (thì) để ngồi”. Trong tiếng Việt, những

loại câu như thế này, và một số loại câu khác, động từ *thì, là* (to be) thường được bỏ đi. Chẳng hạn, người ta có thể nói với nhau, *Em ngoan lắm!*, chứ hiếm có người nói *Em thì ngoan lắm!* hay *Em là ngoan lắm!* Nhưng trong một số trường hợp, chẳng hạn trong những câu nói âu yếm (baby talk), người ta vẫn có thể bẹo má nhau mà nói rằng, *Em là hư lắm! Anh bẹo mũi chết bây giờ!*

^[4]Thật ra, ở dưới mạch ngầm, trong câu tiếng Việt *Cửa thân phù dựng ường sơn sóng*, Trường Sơn đứng sau danh từ sóng và thay cho cả một cụm từ, một ngữ tuyến, một ngữ đoạn (phrase). Ngữ đoạn ấy có thể là *cao ngất như dãy Trường Sơn* hoặc *trùng điệp như dãy Trường Sơn*. Nói theo kiểu của Tô Thùy Yên tức là đã áp dụng hai ba luật biến hoá ngữ pháp (transformation rules) trong đầu trước khi câu nói được nói ra. Ngoài phong cách độc đáo trong việc dùng từ, ngữ và việc kết hợp những hình ảnh, những suy tưởng đầy tính bất ngờ, Tô Thùy Yên còn hay dùng những từ có âm đôi giống nhau tạo nên một nhịp điệu có sàu vây ngất ngất trùng trùng, có không gian tầng tầng, giọt giọt, tịch tịch và dật dờ bám víu, quện chặt vào nhau. Những âm đôi này còn tạo nên tác dụng thúc hối và loang xa. Có lúc, địa lý và không gian ngôn ngữ như bị nhúng vào một môi trường lỏng khiến cho tất cả các động tác đều trở nên chậm và quay vòng theo lực cuộn tròn của môi trường này. Có khi, các động tác như được phóng đẩy vào một khoảng không bát ngát ngang hoặc đứng dựng thẳng, khiến ngôn ngữ trở nên những cánh quạt đầy mạnh động tác ra chiều ngang, lên chiều cao, hoặc xoáy tung ra bốn phía. Chúng ta hãy nghe thử những câu này:

Nghe thủy triều lui bạc bạc sầu
(“Vườn hạ”)

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
(„Trường Sa hành”)

Lượn lượn ưu tư khóc liệt rên
(„Mòn gót chân sương nắng tháng năm”)

Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
(„Anh hùng tận”)

Tàu chuối xác xơ reo ngất ngất
... *Dòng sông tới biển nước tuôn, tuôn*
(„Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch”)

Tiếng tàn tàn rụng suốt mênh mông
... *Tiếng võng đưa đưa tịch tịch mùi*
... *Trời đất bào thai cựa cựa nhanh*
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rục
Con chim chèo bẻo hót lạnh chanh
... *Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa*
... *Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp*
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa
... *Còn lại chẳng cây đàn lờ tróc*
Gãy mình nghe đôi điệu xưa xưa
(“Hề, ta trở lại gian nhà cỏ”)

Tần số của những âm đôi này xuất hiện khá nhiều trong các bài thơ của Tô Thùy Yên. Chúng tạo nên một bầu khí quuyền mồi mồi, buồn buồn, chậm chậm cho thơ ông.

Nhưng, cũng có những lúc, chúng tạo cho hơi thơ một cảm xúc bát ngát mênh mang, hay có độ dày đặc hoặc xếp lớp. Những từ đôi như thể có thể kể thêm trong những cụm từ sau: mưa bay phới phới, đi đi khuất, làm miết miết, nắm tua tầng tầng, hòn đá lia bay bay, dọc dọc thầy cầm cứng...

Một điều chót cũng cần đề ý ở đây về ngôn ngữ thơ của Tô Thùy Yên là cách dùng từ và lối nói miền Nam của tác giả. Nhiều người cho rằng thơ Tô Thùy Yên rất Bắc kỳ, và rằng Tô Thùy Yên là thi sĩ còn... “Bắc kỳ” hơn cả Bắc kỳ. Điều đó đúng ở một cách đánh giá nào đó, ở một cách nhìn phong thái nào đó. Dù sao, trước Tô Thùy Yên, và sau ông rất lâu cho tới khi ra ngoài nước, trong dòng thi ca hiện đại của miền Nam Việt Nam, hình như chưa có nhà thơ nào đưa cái chất giọng và lối nói miền Nam vào thi ca như Tô Thùy Yên. ^[1] Hãy thử xét một số đoạn:

*Ví dầu người bắn rụng ta
... Ví dầu người gục vì bom đạn bất dung
("Chiều trên phá Tam Giang")*

*Xét vì trái tim là khí giới
Các anh các chị các em ơi
Chúng tôi đoạt lại nào hơi thở
Nào mặt trời tờ của một ngày
Đoạt lại nào vòng hoa chiến thắng
Chúng tôi còn sống còn cung tay
("Tuyên ngôn")*

*Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
("Trường Sa hành")*

*Ơi những con đường đến tự đâu
Một lần gặp gỡ ngã tư nào
Rời trong vô hạn chia lia miết
Có cuốn theo mình bụi của nhau
("Em nhỏ, làm chi chim biển bắc")*

*Con đường đi mỗi mà không tận
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách toí
Ai thở dài chi cho não ruột
Cơn mưa hư tưởng mơ màng rơi
("Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch")*

*Nhiều khi ta ngược lên ngơ ngẩn
Nghe tiếng chim quen bay trót qua
Bóng thoáng như bàn tay dịu mát
Lau nhanh hơi mỗi mặt mày ta
("Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai")*

*Đây ngã ba sông làng sát nước
Xuồng ba lá đậu kế chân bàn*

...

Thiệt tình tên bạn ta không nhớ

*Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi, ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên
("Anh hùng tận")*

*Cỏ cây sống chết há ta thân
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh
Thằng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình
("Góa phụ")*

Bài "Hề, ta trở lại gian nhà" cổ là bài thơ chứa đựng nhiều ngôn ngữ, giọng điệu và tâm tình miền Nam nhất. Người ta có thể nghe ra điều đó ở những cách dùng chữ như: *Trống trải hồn ta cơn gió rã, tiếng tàn tàn rụng suốt mênh mông, trời đất bào thai cựa cựa nhanh, mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rục, con chim chèo bẻo hót lạnh chanh, tiếng võng đưa đưa tịch tịch mùi, điệu hát ầu ơ hoa cô lịm, nước mây buồn bã chợt quên trôi, ví dầu ta ngủ không còn dậy, ắt hẳn lòng ta cũng đứng đưng, gáy mình nghe đôi điệu xưa xưa, pha cùng rượu uống đến say thua, vầng trăng ta thấy thời thơ ấu, mọc lại cho ta thuở xế tàn, các việc vô công làm miết miết, quên tiệt (ở đây thì rất Bắc kỳ) đời ta như nắm mai...*

Như vậy, qua những gì chúng ta đã thử phân tích, Tô Thùy Yên đã tạo nên một phong cách đặc thù qua cách sử dụng, chọn lựa và kết hợp, ngôn ngữ của ông. Sự sử dụng ngôn ngữ này tạo nên những hình ảnh đặc biệt, như một vết phỏng cứ còn ray rứt mãi trong lòng ta.

Phong cách là lối nói, lối diễn tả, lối sáng tạo có một nét đặc thù nào đó, có một tần số lặp đi lặp lại nào đó, có một giá trị lịch sử và thời đại nào đó; và đặc biệt, nó là sở hữu của những người có tài trong một khung cảnh lịch sử hay thời đại nhất định.

Khi trên quê hương Quảng Bình, năm 1948, Phạm Duy viết:

*... Bình minh khi sương rơi mờ trên rẫy
Thấp thoáng bóng người trên đồi
Tát nước với giọt mồ hôi
Chiều rơi thoi thóp trên vại luống khoai
Hiu hắt tiếng bà mẹ cười
Vui vì nồi cơm ngô đầy
... Làng tôi luôn luôn vượn vại đám khói
Những mái tranh buồn nhớ người
Xơ xác điêu tàn vì ai?
Nửa đêm thanh vắng không một bóng trai
Có tiếng o nghèo thở dài
Vỗ về trẻ thơ bụi ngùi...
("Quê nghèo")*

và ở những không gian khác, những thời gian khác, những hoàn cảnh khác, ông viết những câu như:

*... Chiều ơi! Áo chàm về quây lúa trên vai
In hình vào sườn núi chơi vui, ơi chiều*

*... Chiều ơi! Lúc chiều về mọc ánh trắng tơ
Cho ngày mùa bài hát nên thơ, ơi chiều.
... Chiều ơi! Mái nhà sàn thờ khói âm u
Cô nương về để suốt tương tư, ơi chiều...
("Nương chiều")*

hay,

*Đời lạnh lùng trôi theo dòng nước mắt
Vội bao tiếng tơ khóc thương đời
Vì cuộc tình đã chết một đêm nao
Lúc trăng hầy còn thơ ấu...
("Tiếng đàn tôi")*

ta thấy được rằng, qua cách chọn lựa, kết hợp chữ nghĩa và hình ảnh của ông, trong một khung cảnh lịch sử nhất định, ta nhìn ra và xót xa với một quê hương Việt Nam nghèo, buồn, đau khổ, gầy yếu, ở một mặt này, nhưng lại hết sức đáng yêu, đáng quý, cao khiết, thơ mộng, đẹp đẽ và êm đềm như một bài thơ, như một giấc mơ thơm ngát hương chiều, ở một mặt khác. Và ta cũng thấy tình yêu, đẹp và buồn như một cánh hoa đầm đìa những giọt nước mắt, rơi rụng khi tình hầy còn ấu thơ, khi trăng hầy còn vàng mộng. Cái phong cách sáng tạo ấy, ta còn thấy mãi nơi Phạm Duy những năm sau này.

Còn Mai Thảo, ông đã viết những bài thơ bốn câu sau:

*Ngồi tượng hình riêng một góc quây
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? Một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy
("Một mình")*

*Trà đựng trong bình trí nhớ cầm
Rót nghiêng từng ngụm nỗi đau thâm
Hoà chung cùng ngụm đau trời đất
Là mỗi ngày ta mỗi điểm tâm
 („Điểm tâm“)*

*Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch tịch tiếng mưa thâm
Chợt đâu vắng tiếng gà lai kiếp
Báo vẫn đêm dầy ở cõi âm
 („Trừ tịch“)^[2]*

Đọc, và soi chiếu những ý thơ, những tứ thơ, những hình ảnh, những tâm trạng, những chữ nghĩa, và sự chọn lựa, kết hợp những hình ảnh, chữ nghĩa ấy của Mai Thảo vào toàn bộ tập thơ của ông, ta thấy nổi bật lên một phong cách rất Mai Thảo, tịch tịch, thâm thâm, nhưng hết sức sắc buốt và sâu lắng như đời sống của ông hiện tại.

Nói qua về phong cách của một vài nhà thơ Việt Nam như thế để trở lại với Tô Thùy Yên. Tô Thùy Yên là một nhà thơ có một phong cách lớn, đậm và sắc nét. Phong cách

ấy hiện rõ đến nỗi ta không thể làm được tiếng nói và những cảm xúc của ông cùng với cái thế giới riêng tư, nội tâm và ngoại hình, mà ông đã tạo dựng nên qua thi ca của chính mình. Thơ ông, trong những lúc nói về *Tình yêu*, *Đau khổ* và *Cô đơn*, hay khi nói về *Thiên nhiên*, nói về *Thời gian*, về những *Ám ảnh siêu hình*, lúc nào cũng giống như một tấm thân thể quá khổ cuộn cuộn và sâu đậm chảy trong nó những dòng máu miệt mài khát khao đòi vươn vọt về những khát vọng của chính trời đất và của con người. Dòng máu ấy, cả khi réo sôi hay lúc quẩn quại thờ, đều mang trong mình một chất lân tinh kỳ lạ khiến nó tỏa sáng âm thầm hay ngậy ngất mỗi lúc nó di chuyển luân lưu. Đó là chất thơ của Tô Thùy Yên.

Sau đây, ta sẽ phân tích thơ Tô Thùy Yên qua bốn chủ đề:

Tình yêu. Đau khổ. Cô đơn
Thiên nhiên
Thời gian
Ám ảnh siêu hình.

Sau đó, chúng ta sẽ xét riêng bài thơ „Trường Sa hành” để thử tìm hiểu thế giới thi ca của Tô Thùy Yên. Có nắm bắt được vũ trụ quan và nhân sinh quan của nhà thơ, từ đó, ta mới thấy được cái nhìn của ông vào đời sống, vào vũ trụ, vào vạn vật, vào cuộc nhân sinh chung quanh và vào thân phận của chính mình.

Tình yêu, cô đơn và đau khổ trong thơ Tô Thùy Yên

Trong thơ Tô Thùy Yên, *Tình yêu*, *Cô đơn* và *Đau khổ* là một hợp chất sống và sáng tạo của nhà thơ. Chúng gắn bó vào nhau khó có thể tách rời. Tình yêu là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc, nếu được cảm nhận với một ý thức quá sắc bén, sẽ đưa đến cô đơn. Cô đơn, vì những giới hạn của cuộc sống đã không cho phép con người đi đến tận cùng tình yêu của mình. Một cách vật lý, hay trên bình diện triết lý, siêu hình. Tô Thùy Yên viết: *Tình yêu là khuôn mặt dịu dàng nhất của cô đơn* (Ba dấu chân trên một quãng sào). Khuôn mặt dịu dàng nhất? Có thật vậy chăng? Hay thật ra, người ta chỉ cần nói: *Tình yêu là khuôn mặt bên kia của cô đơn*. Khi ta hạnh phúc, đầm ấm với người mình yêu trên phố nắng chiều phai, thì cô đơn đã nằm đợi ta trên giường vắng. Khi nụ cười của em soi sáng đời ta những buổi sớm mai chim ca ánh ỏi, thì những giọt lệ của buổi chia tay đã nằm chờ sẵn trong một đêm dài sâu thẳm bóng đêm. Và lúc ấy, nỗi cô đơn sẽ đẩy ta vào đau khổ, vào hui quạnh của riêng mình. Cô đơn và đau khổ không nhất thiết phải xuất hiện cùng lúc với tình yêu, nhưng chúng thấp thoáng ở đâu đó trên khuôn mặt của nỗi dịu dàng kia.

Dù sao, trước hết, chúng ta hãy thử nhìn ngắm khuôn mặt của tình yêu trong thơ Tô Thùy Yên.

*Với thân thể lân tinh, em sáng lên trong bóng tối, hạt kim cương
rạng ngời trong mỏ than đêm, anh trông thấy em không nhằm lẫn được.
Với thịt da gồ quí, giọt mật tinh khôi nằm giữa đài hoa thơm nức,
em dâng hương anh, gĩa du mục lạc loài trong nhớp nhúa. (...)
Em là chiếc thuyền đời thượng cổ chờ đến anh hoa trái tốt tươi ngọt
ngào của miền đất anh biết qua thần thoại.
Em là dòng suối trong veo nhí nhánh chảy mang theo nhan sắc của bầu
trời, dòng suối đưa chân anh vào hứa địa.
Đêm đông phương, đêm xanh xao, thơm tho và ấm áp (...) Cả khu vườn
trắng men trắng bạc và trên trời tinh tú xum xuê.*

*Hồn anh cũng tráng men buồn thiu và âm u chất sáng. (...)
Tháp đôi thân thể vào nhau, anh nhân lên với em thành vô vàn khoái cảm.
Với linh hồn xao xuyến của rừng thu, anh trút sạch lá vàng đau khổ cũ.
(„Lễ tấn phong tình yêu”)*

Có thể nói đây là những câu thơ đẹp nhất được trích trong bài thơ có tên ở trên. Bài thơ này được làm trong giai đoạn 56-60. Ngôn ngữ và hình ảnh trong thơ của Tô Thùy Yên đã có những nét khác lạ so với hình ảnh và ngôn ngữ của những nhà thơ cùng thời. Nhưng cho dù có thể đi nữa, hình ảnh thơ của Tô Thùy Yên trong giai đoạn này vẫn còn tính chất nạm bạc, đặc biệt nếu ta đọc toàn bài. Chẳng hạn trong bài vừa nói, vẫn còn một số hình ảnh cliché mà tôi đã không trích ra. Chúng nằm trong những nhóm từ như *sự can trường của hiện hữu, thám hiểm tương lai, băng qua thiếu thời với đôi giày vạn dặm, trong nghĩa địa lạnh quên, cây đàn lạnh tử, thanh kiếm giang hồ...* Dù sao, nói chung, những bài thơ trong giai đoạn này của Tô Thùy Yên đã thấp thoáng cho thấy một tài thơ hùng vĩ về sau, khoảng giai đoạn từ 1970 trở đi.

Hãy đọc thêm một vài đoạn thơ nữa của giai đoạn 56-60 này.

*Giữa mùa hạ khô tôi bốc cháy
Đời vốn ngắn chia tôi bốc cháy một mình
Bầy tiếng thất thanh cuồng cuồng bay tán loạn
Cánh chạm vào tường trong suốt của cô đơn
Nhưng em đến kịp thời khỏa thân xin cứu lửa
Tôi vốc đầy tay đôi vú áp lên môi
Em xoa mái tóc rừng trầm hương mê trùm lấp kín
(...)
Như cây nến cháy ngày đêm trên quan tài quá khứ
Đời tôi em thấp buổi âm u
Mòn rã lần lần ra nước mắt
Chảy đọng thành một vũng lãng quên xanh
Có phải tôi đi qua rồi mất dạng
Như tấm gương em không giữ lại hình tôi
(„Tình yêu và cô đơn”)*

Đọc kỹ, chúng ta thấy Tô Thùy Yên đã có nỗ lực làm mới hình ảnh, làm mới cách nhìn trong thơ mình. Trong nỗ lực đó, ông viết được những câu thơ có một vóc dáng lạ. Nhưng, dù sao, như đã nói, đó vẫn là một sự dát vàng cẩn bạc của Tô Thùy Yên trong giai đoạn này. Đó vẫn là những nỗ lực, những cố gắng. Hình ảnh và ngôn ngữ thơ vẫn chưa hoàn toàn đạt được sự ung dung, tự tại. Có thể nói, đa số những bài thơ tự do của Tô Thùy Yên trong giai đoạn đầu tay thời 56-60 này đều ở trong hướng nỗ lực, tìm tòi, và tìm cách thử định hình ấy. Trừ những bài thơ bảy chữ, tám chữ, và lục bát.

Hãy thử đọc bài „Tội nghiệp”, được viết năm 1958:

*Hai đứa kéo nhau chạy vào mộng寐
Giờ tắt thở nằm trên bãi hư vô
Bầy ngựa chứng hàng thù dương vô bảo
Biển đưa trắng lặn vào đá tiếng ru.*

Chỉ có bốn câu. Hình ảnh sắc nét và bạo liệt, dịu dàng và thơ mộng, và, cùng lúc, lại thoáng tính chất siêu hình. Những hình ảnh *mộng寐, tắt thở, bãi hư vô, bầy ngựa*

chúng, hàng thù dương, vó, bão, vó bão, biển, trắng, lăn, đá, tiếng ru là những hình ảnh được xếp cạnh nhau và chồng lên nhau. Chúng như những hình ảnh của một cuộn phim quay chậm và vô thanh. Những hình ảnh đi sau cứ tiếp tục được đẩy vào vũng mờ và chồng lên nhau trước khi cái hình ảnh đi trước kịp thời tan biến. Tiếng thở hổn hển của hai kẻ kéo nhau chạy vào mộng mị, tiếng bày thù dương tung vó như bày ngựa chững trong lũ cuồng phong, tiếng biển lăn sóng vào đá... làm nền cho những hình ảnh kia. Nhưng đây là cái nền âm thanh bùng vỡ, dội đập ì ầm trong trí tưởng ta, lắng sâu dưới cái tầng vô thanh của hiện thực. Tính chất đối chọi của sự bùng vỡ, cuồng loạn ở tầng vô thức và cái vô thanh ở tầng ý thức, trong cảm nhận của riêng tôi về bài thơ này, đã làm cho bài thơ trở thành đặc biệt. Bài thơ đánh vào cảm xúc tôi như một đợt sóng òa lên, phủ lấp và luồn vào tất cả những ngõ ngách của tâm hồn. Chỉ với bốn câu thơ, thi tài của Tô Thùy Yên đã hiện rõ.

Trong bài „Chiều trên phá Tam Giang”, làm năm 1972, một bài thơ thiết tha và chín nục cảm xúc chiến tranh, tình yêu của người thơ thuở này đã chín. Nó tự nhiên, mọc lên giữa đời sống của một người lính trận giữa một ngày buồn bã đứng trên bờ sông mép nước. Cái tình yêu ấy mạnh mẽ, cháy bỏng, nhưng vẫn mềm như một cánh mai ngã xuống tay đời:

*Chiếc trực thăng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh
Phá Tam Giang, phá Tam Giang
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi
(...)
Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận (...)
Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi
Thấy trong lòng nở thật lẻ loi
Một cánh mai nhị độ (...)*

Những chuyến đi xa tiếp tục đẩy ta vào đời sống. Đó là niềm chung thủy với đời sống của ta, với nỗi cô đơn ôm ấp trái tim đầm đìa gai nhọn của ta.

Và để ta cứ còn mãi mãi yêu em.

*Anh đã yêu những chuyến đi đêm đời sống chẳng nghỉ ngơi, những
bến bắc như em không giấc ngủ sông trở sai oằn mộng mị. Anh nhớ
mãi những thị trấn anh chỉ ngủ đở lại một lần, sáng tinh sương sau
chia tay không hề rõ mặt. Nào anh có biết vì sao anh nhận chịu thân
một phiến nam châm dính những đau buồn lân cận (...) Đau khổ như
biển khơi trên mặt cuồng điên mà dưới đáy im lìm (...) Anh mời em
ngày đám cưới anh đến dự cùng chồng và cháu bé, về sau kết nghĩa
sui gia, đau khổ nhân lên. Cuộc đời, cuộc đời, bis, bis. Khóc đi em.
(„Phương“)*

Khổ đau và cô đơn, trong thời tuổi trẻ, thường gắn liền với tình yêu. Thật sự, đó là những khuôn mặt khác nhau của một huyền nhiệm cuộc đời. Những yếu tố ấy chen kẽ nhau, xoắn xít lấy nhau, nhân nhau lên, và làm cho chúng ta cảm nhận cũng như thức

nhận rõ sức mạnh và niềm thắm tươi của đời sống. Hay là sự lôi cuốn của cái chết. Có những người đã bị đẩy đến sự chọn lựa giữa hai sức hút ấy.

Tôi vui mình xuống cô đơn như quả mìn nổ chậm...
(„Đêm hè“)

Nhưng khi con người đã chín với với kinh nghiệm đời, đã chín với những năm tháng chồng chất trên vai, bây giờ, cô đơn và đau khổ vẫn hiện diện trong đời sống con người, nhưng chúng không còn là hệ quả của tình yêu nữa. Mà chúng là hệ quả của một sự hiểu biết lớn, một sự nhìn ngắm thiết thân và cần trọng đối với cuộc đời. Có khi, chúng là kết quả của một sự lang thang đi tìm linh hồn vũ trụ:

*Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá
Vậy mà ta sống có kỳ không?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm... (...)*

*Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ
Gốc cây to đến mấy người ôm
Nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn
Trí ta không đủ lực đo lường (...)*

*Hè, ta trở lại căn nhà cỏ
Tủ tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ
Ngày qua ngày, cho hết đời ta.
(„Hè, ta trở lại gian nhà cỏ“)*

Đó là nỗi cô đơn qua một sự thức nhận lớn. Một nỗi cô đơn giữa dòng sử lịch.

Cũng với nỗi cô đơn và khổ đau vì lẽ hợp tan, vì nỗi phù du đó của đời sống, trong „Em nhỏ, làm chi chim biển bắc“, Tô Thùy Yên viết:

*Đời lộng đưa nhau xuống cuối ngày
Thấy âu sầu hiện mỗi thân cây
Cỏ cao quăn quít chân chùng bước
Ghim xót xa đầy vật áo bay*

*Làm sao đi hết những con đường
Gió với cây cùng khóc hợp tan
Mỗi đóa hoa trên đồng chói lọi
Cũng xui phù thế ngậm ngùi thân (...)*

Như André của Léon Tolstoi trong *Chiến tranh và Hòa bình*, trong tịch lặng bình yên, ngắm nhìn những thân cây nứt nở vỏ, thấy được cả cái đau khổ lẫn cái hùng vĩ, kỳ bí của kiếp người, hay giữa bãi chiến trường, trong những giây phút cuối cùng trước khi nhắm mắt, nhìn những bè mây trôi lang thang muôn đời giữa bầu trời cao rộng, thấy được cái bao la của tâm hồn vũ trụ, cái vĩnh hằng đẹp đẽ của đời sống con người, Tô Thùy Yên cũng bắt gặp và nhìn ra những ý nghĩa đó trong đời sống mình.

Đêm, nằm ngắm trời sao bát ngát, nghe tiếng triều dập dồn xô đẩy, thấy ngày tháng là

những bóng nắng cuối chiều, ông nhận ra được cái bao la của vũ trụ. Và cái cô đơn, khắc khoải của lòng mình:

*Nằm đây phủ sáng hằng hà sao
Nghe thủy triều lui bạc bạc sầu
Nghe tiếng mõ chùa khô khốc khốc
U minh ngày tháng bóng lao đao
(„Vườn hạ“)*

Nhìn một hiện tượng thiên nhiên, trái tim ông cũng chạm nỗi đau đời:

*Con đường đi mỗi mà không tận
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách toí (...)*

*Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Đóa hoa buông cánh khi tàn hương
Tiếng rụng tuyết âm rền tịch tịch
Dòng sông tới biển nước tuôn, tuôn...*

*Các mùa chuyển động trong trời trống
Di điều qua sông xẻ luống sầu
Ly biệt chẳng từ hạt cát ngọc
Tuần hoàn đến cả giọt sương châu (...)*

*Tàu chuối xác xơ reo ngát ngát
Nỗi đời bi thiết xé lụa tưa (...)
(„Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch“)*

Nhưng cái cô đơn thâm thía nhất, là cái cô đơn vây bủa cùng một lúc bằng tấm lưới đan kín khít vừa của thế giới vật lý bên ngoài vừa của thế giới tâm lý bên trong. Nỗi cô đơn ấy quấn chặt lấy trái tim ta bằng những ngón tay dịu dàng và thân thiết của nó. Nó đẩy ta vào một góc tối, ẩm, và lạnh lẽo của đời; ở đấy, nó đánh bẫy tâm hồn ta. Và ta để cho mình rơi mềm vào chiếc bẫy của cô đơn ấy. Nỗi cô đơn da diết của Tô Thùy Yên có cái mùi ẩm mốc của một đêm mưa.

*Ga dầm mưa chịu co ro
Cưu mang tàu thắm rét chờ sáng đi
Khoác rừng dây núi ngồi lì
Vân vi đường sắt phân ly mấy cành
Vài thân súc gỗ tênh hênh
Cỏ ôm ấp hảnh lãng quên tay người
Đèn le lói vết thương tươi
Trời da thi thể mưa ngùi chắm than
Hiên ga nhỏ giọt cường toan
Xuống tim quần quại hàng hàng ưu tư
Trong cơ thể máu chân chừ
Ngoài trời khói thuốc vật vờ ngại bay
Làm gì đây để giải khuây
Ngắm tay mới biết mình gầy hơn xưa
Ngồi chờ tàu góc ga thưa*

Nghe hồn ẩm mốc một mùa lạnh căm.
(„Trời mưa đêm xa nhà“)

Bài lục bát này là một bài thơ thật đẹp để diễn tả nỗi cô đơn của con người. Những hình ảnh rất mới. Giống như những đồng tiền mới đúc, chúng có trong chúng cái chất thơm và sáng trong cảm nhận ta, cái tiếng vang tinh khôi mới mẻ của chúng trong tâm trí ta. Bài thơ mang trong nó cái hơi thở mệnh mang của thời gian, ngưng ngán, thăm thẳm, đồng thời cũng mở ra từ nó cái buồn hắt hiu của không gian vừa co bé lại, vừa dàn trải ra cùng với đêm mưa sùi sụt ngoài kia. Giọng thơ có thể còn ẩn chứa một chút không gian thiết tha của Huy Cận; nhưng hồn thơ, ý thơ, sức sống của thơ thì hoàn toàn mới. Nó mang trong nó cái phong vị của thời đại vẫn hằng ngun ngún như một ngọn lửa cháy mềm trong lòng nhà thơ. Tô Thùy Yên đã làm mới thơ lục bát của chúng ta, qua bài thơ này, không phải bằng những nhịp điệu mới, nhưng là bằng những cảm xúc mới được thể hiện qua những hình ảnh chưa hề mòn. Đóng góp của Tô Thùy Yên, ở đây, thuộc về chất chứ không thuộc về thể.

Nguồn: Đã đăng một vài đoạn khác nhau, lần đầu trên các nguyệt san *Hợp Lưu* và *Văn Học* (California), vào những năm 1992 và 1994. Toàn bộ bài viết được in trong *Lý luận và phê bình / Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995* của Bùi Vĩnh Phúc, nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1996. Đăng lại trên talawas với một số thay đổi và bổ túc của tác giả.

[1]Sau 1975, ở ngoài nước, Cao Đông Khánh cũng là một thi sĩ đã đưa nhiều chất Nam bộ vào trong ngôn ngữ thơ của mình. Và vào cả trong phong cách thi ca của ông nữa. Nhưng nét mạnh của Cao Đông Khánh không phải chủ yếu ở chất giọng Nam bộ của ông (cho dù cái chất giọng ấy có góp phần tạo nên phong cách độc đáo nơi nhà thơ này), mà là ở cách diễn ý và chọn lựa, sắp xếp hình ảnh trong thơ của ông. Sau đây là một vài câu thơ tiêu biểu:

*Tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế
Nắng rọi trong đầu những trắng bao la
Còn đôi mắt tôi ở Nhà Bè, ở Gia Định
Ở Ngã Tư Bảy Hiền ly nước mía, má, môi*

*Em đạp xe mini trời gió mềm trong áo
Thành phố bập bênh trôi giữa nắng mênh mông
Sợi tóc chẻ hai gần đường xích đạo
Vạt áo sau lưng khép hờ Sài Gòn
(“Uẩn tình kẻ xa xứ”)*

[2]Những bài thơ này được rút ra từ tập thơ *Ta thấy hình ta những miếu đền* của Mai Thảo (nhà xuất bản Văn Khoa, California, 1989). Tự mình đọc những bài thơ này, người ta cũng có thể nhìn ra phong cách của Mai Thảo; nhưng khi nghe chính Mai Thảo đọc chúng, cùng với nét mặt, giọng đọc, và cách tạo nét nhấn qua ngôn ngữ của bàn tay phải Mai Thảo khi ông chém nó xuống hay phạt ngang một câu thơ, người nghe lại càng nhận rõ hơn nữa phong cách của nhà thơ này qua việc ông thể hiện sinh động tư tưởng và cảm xúc của mình như thế.

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên

Thời gian trong thơ của Tô Thùy Yên không phải là thời gian của Salvador Dali, thời gian với đặc trưng nổi bật là lững lờ trôi chảy, lỏng ra, nhão ra, và chùng lại với thiên

thu. Thời gian ấy cũng không phải là thời gian của Giorgio de Chirico, kỳ dị một cách âm u, khiến cho người đối diện với nó có một cảm giác hoảng hốt và mất lối. Nếu có thể làm một so sánh nào đó về tính thời gian trong thơ Tô Thùy Yên với thời gian được biểu hiện trong hội họa hiện đại, thì thời gian trong thơ Tô Thùy Yên đã chia sẻ nhiều nét với thời gian của René Magritte. Cũng là siêu thực, nhưng Magritte đã đi theo một con đường khác với Dali và Chirico. Thời gian của Dali là một thời gian ám ảnh, tàn rữa, và chứa đầy chất ảo. Thời gian của Chirico đóng vào những khung cảnh vật lý thể lượng và kỳ bí, giam nhốt người ta trong cái siêu hình của những giấc mơ nghiêng về những chiều kích của vực thẳm. Thời gian của René Magritte là một thời gian bám sát vào thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên trong tranh ông là một thứ thiên nhiên thật mà ảo, với những yếu tố cấu thành đôi chỗ lẫn cho nhau, đan díu vào nhau, khiến cho người thưởng ngoạn dễ mất định hướng khi nhìn vào tác phẩm của Magritte.

Thời gian của Tô Thùy Yên có những lúc đã chia sẻ những nét siêu thực của Magritte như thế. Ngoài ra, nó còn mang chứa trong nó những ấn tượng kỳ dị khác, mới, lạ, và đặc biệt Tô Thùy Yên. Cái thời gian ấy gần như luôn luôn tìm cách gắn bó, đan díu với thế giới vật chất của thiên nhiên bên ngoài (Vậy thì thời gian là một cái gì trôi chảy bên trong chăng? Bên trong cái gì? Đây là những câu hỏi rất siêu hình mà may ra chỉ có thơ và hội họa là thỉnh thoảng mới có thể đến gần để trả lời một cách huyền bí và thơ mộng.)

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên gắn bó, đan díu với thiên nhiên. Nhưng đó là một thiên nhiên đứt rẽ. Một thiên nhiên nhiều lúc hình như không còn gắn bó, ràng buộc vào nhau theo một trật tự vật lý thông thường. Những cấu tố của nó như bị tách ra để bám vào những mảnh thời gian khác biệt trong tâm thức nhà thơ.

*Thời gian đứt quãng dài vô định
Như sợi dây điều băng mắt nhắm
Lòng anh thẳng thốt, sông chao sóng
Kỷ niệm buông tay rú ngất chìm (...)*

*Mùa hè đi khuất kêu không lại
Bãi mía điều tàn gốc cháy thui (...)*

*Trời cao môi mắt chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
Ngoài cõi chói chang hư ảo múa
Dường như ai réo ấu danh anh (...)
Ai cúi soi mương rong khóa mặt
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao (...)
("Vườn hạ")*

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên cũng trôi chảy. Một dòng. Bên trong hay bên ngoài của tâm thức con người. Làm sao biết. Nó bám vào trí nhớ như một chất keo, một chất keo dính dính. Nó không cột con người nhà thơ vào một ghềnh đá nào của quá khứ, mà cũng không hẳn là nó buông thả con người ra.

*Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa (...)
Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa*

Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ
("Hề, ta trở lại gian nhà cỏ")

Trong tâm thức của Tô Thùy Yên, thời gian cũng thường có đặc tính thụ động. Nó là chốn để nhà thơ trú thân sau những cơn xiêu tán với đời:

Ta gắng về sâu lòng quá vắng
Truy tâm mê mỗi lý sơ nguyên (...)
Trăm năm, rồi lại trăm năm khác
Tên đóa hoa này, người nhớ chẳng?
("Mòn gót chân sương nắng tháng năm")

Nên ta phó mặc cho trời đất
Trời đất vô ngôn lại bất nhân
Nên ta lẳng lặng đi đi khuất
Trong lãng quên xanh hút thời gian
("Hề, ta trở lại căn nhà nhỏ")

Nhưng, thời gian không hẳn đã là nơi nhà thơ có thể yên tâm trở về để dò dẫm, nghe ngóng lại đời. Khi trí nhớ của thời gian cũng đã trôi tuột ra ngoài thiên cổ, thời gian chỉ còn là nỗi thất vọng của nhà thơ khi, bây giờ, nhìn thấy mình không còn gì để bám víu, hẳn đành trở lại với đời sống và lang thang đi tìm một lẽ cảm thông:

Ta về như tứ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
("Ta về")

Biển Bắc tuyết mù con nhận lạc
Thời gian mất trí trắng vô âm
Hỡi người cố cựu trong trời đất
Khi nước tràn sông, có nén tâm?
("Mòn gót chân sương nắng tháng năm")

Như thế, trong thơ Tô Thùy Yên, thời gian có thể có những đặc tính như *động, lỏng, chảy, chảy, mất trí, đứt, đi khuất*, và *chết*. Nó vừa có tính vật thể, vừa có tính con người. Vật thể, khi nhà thơ nhìn nó như một "chất thể" mang tính ngoại giới. Nhà thơ dùng nó như một tấm gương, một ngọn đèn để sẫm soi hay chong sáng cái linh hồn khắc khoải của mình. Con người, khi nhà thơ nhìn thấy chính mình qua nó. Thời gian, ở đây, có cùng xương thịt với con người. Khi *thời gian mất trí trắng vô âm*, thì đó chính là hệ quả của việc con người đi lạc ra ngoài trí nhớ. Khi *mùa hè đi khuất kêu không lại* thì đó chính là tuổi trẻ của ta đã ra đi một ngày biệt mù tăm tích. Còn *thời gian chết xanh* thì chính là sự đứng dừng lại của tâm thức, một sự cột giữ thời gian lại của vô thức để ý thức nhà thơ có thể trở về thăm viếng lại thơ ấu mình.

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên vừa có tính nội giới, vừa có tính ngoại giới một cách mơ mơ hồ hồ trong sự đuổi bắt nhau của hữu thức và vô thức. Nó đầy tính cách siêu thực mà nhiều lúc lại mặc một tấm áo may cắt trên tấm vải của hiện thực. Bởi thế, thời gian của Tô Thùy Yên có những lúc nghiêng về chiều sâu siêu hình. Một thứ siêu hình trắng, buồn, và lẳng lẽ:

Ngọn đèn hư ảo chong linh vị

Thấp trắng thời gian mái tóc em
("Góa phụ")

Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tường niệm người
("Trường Sa hành")

Thiên nhiên trong thơ Tô Thùy Yên

Thiên nhiên trong thơ của Tô Thùy Yên không yên ả như thiên nhiên của Nguyễn Khuyến mùa thu. Nó cũng không u tịch một niềm hoài nhớ mang mang như thiên nhiên trong thơ của Thanh Quan. Thời đại khác. Bầu khí lịch sử, xã hội, và cả văn học cũng khác. Thiên nhiên trong thơ Việt của những thập niên 60 và 70 không thể không chuyển mình.

Dù sao, trong thơ của Tô Thùy Yên, đó là một sự chuyển mình dữ dội.

Thiên nhiên trong thơ của ông hòa nhập với con người, là một với con người. Đó là một thiên nhiên bị lay chuyển tận gốc rễ. Như con người bị quay cuồng trong cuộc chiến, trong một tâm cảm đứt rễ, vỡ toang về mặt tinh thần, thiên nhiên trong thơ Tô Thùy Yên cũng bị nung cháy, đốt nóng đến nổi rạn ra, nứt ra, rách ra, vỡ ra.

Ngày. Ngày trắng chói chang như dĩa
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên
Mái tóc sần nung từng sợi đở
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên
("Trường Sa hành")

Cây rách sâu thân chắt giọt lòng
Nghiệp hờn trả nghĩa đất bao dung
Mùa hè cháy hực cơn cuồng nộ
Ồ, máu thơm còn úa chẳng ngưng
("Em nhỏ, làm chi chim biển bắc")

Mùa hè cọ xát điên kim loại
Con quạ kêu ran giữa quăng không
("Tượng tượng ta về nơi bản Trạch")

Chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran
("Chiều trên phá Tam Giang")

Rạn, nứt, rách, vỡ, những hình ảnh tan nát và rách vỡ một cách tiệm tiến ấy là những lưu ảnh còn để lại trong tâm trí ta về cái thiên nhiên và không gian khốn khổ trong thơ Tô Thùy Yên. Dĩ nhiên, mặc dù có những nét bi quan đến độ gần như khắc kỷ một cách đau đớn, Tô Thùy Yên cũng có những lúc nhìn ra cái sáng sủa, lóng lánh, rực rỡ của thiên nhiên chung quanh. Thường thì những lúc ấy là lúc ông còn tuổi trẻ, hoặc là lúc tình yêu đang dát vàng thiên nhiên trong ông. Cũng có khi nó là sự phụt lên của một không gian, một thiên nhiên mong ước khi ông đã đi đến cuối hành trình đau khổ của mình. Những lúc ấy, thiên nhiên trong thơ ông thoát được cái hình ảnh của một hữu thể đau khổ và bị giằng xé:

Mùa thu xẻ ngõ lầy vết xe thô mọ

*Hoa cúc mở toang những cánh cửa vàng
Từng giọt u hoài gõ xuống pha lê thánh thót ngày mưa
("Ba dấu chân trên một quăng sậu")*

*Tôi vốn nặng đầu như chiếc nắm. Chiếc nắm ấy, sáng hôm nào trời rất
bình minh, trông thấy một con sơn ca buồn rầu lê bạn. Thế là chiếc
nắm đột nhiên biến thành một con sơn ca nhẹ nhàng cất cánh liệng bay theo (...)
Mạch gió nháy phập phồng trong những cánh tay cành cây rục hồng ánh sáng.
Em có thấy, tình yêu anh làm xúc động cả thiên nhiên (...)
Cho đến xế chiều khi anh khép cửa phòng trở vào giấc ngủ thì vừa kho
anh đã chất đầy những cọng nắng no.
("Lễ tấn phong tình yêu")*

Có thể nói, trong bài thơ vừa trích (và nó đã được trích dài hơn trong đoạn nói về *Tình yêu* trong thơ Tô Thùy Yên ở một đoạn trên), tất cả thiên nhiên đã trở nên rục rờ, dát vàng dát bạc như thiên nhiên của những ngày đầu nhân loại. Thiên nhiên của một vườn địa đàng. Tình yêu đã tặng cho con người một khúc điệu ca và một trái tim thánh khiết để nhìn vào thiên nhiên như thế. Thật sự, tất cả những hiện tượng thiên nhiên chỉ thuần túy là những hiện tượng khách quan của ngoại giới. Khi con người đem cái tâm mình nhìn vào thiên nhiên, thì thiên nhiên, lúc bấy giờ, thay đổi, và trở thành một cái gì đồng chất với khung cảnh nội giới của con người. Thiên nhiên trở nên nội giới hóa.

Khi hạnh phúc, nhà thơ nhìn vào thiên nhiên và thấy được, nghe được những hình ảnh, những âm thanh bát ngát, dịu dàng:

*Ve kêu như biển lằng lằng dậy
Xô giặt hồn anh mộng chập chờn (...)
Mương nước rì rào sao sáng thở
Đài hoa sương nạm hạt lân tinh (...)
("Vườn hạ")*

*Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm
Mà ta ngưỡng vọng như sự phụ
Mà ta thân thiết tựa tri âm (...)
Gặp buổi trời mưa bay phới phới
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân (...)
Gặp buổi trời trong dàn bát ngát
Ngọn cây ô! đã giát hoàng hôn(...)
("Hề, ta trở lại gian nhà cô")*

*Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch
Áo phới xanh phới nhánh đào hồng
Mùa xuân bay múa bên trời biếc
Ta búng văng tàn thuốc xuống sông.
("Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch")*

Đó là những khi tâm ta phới phới, là những khi ta thấy được cái "hiền triết" và "u hiển" của đất trời. Nhưng khi đời sống con người bị xé nát vì những điều đau khổ lớn, trái

tim chúng ta chẳng còn được đập theo một nhịp điệu yên ả, thiết tha nữa. Bây giờ, nó chỉ còn là một phiến gương loang lổ, phản ánh một không gian, một thiên nhiên bất toàn và đầy những đớn đau.

Trước hết, có thể đó chỉ là một cái nhìn chia sẻ với thiên nhiên. Một thiên nhiên đang trải qua những đớn đau, những lâm lụy của đời:

Bình minh như một làn da phồng
("Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai")

Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh
("Hề, ta trở lại gian nhà cỏ")

Sau đó, sự đồng cảm với nỗi vô xé, đớn đau kia bắt đầu chuyển dần thành một nỗi hoài nhớ. Một hoài cảm về những bóng dáng xa xưa.

Chiều chiều lớp lớp mây tiền sử
Quần tụ bên trời gọi nhớ nhung
("Mòn gót chân sương nắng tháng năm")

Sau đó, sự hoài cảm ấy xâm chiếm cái nhìn, ảnh hưởng lên nó, và biến cái nhìn trở thành chiếc gương u sầu của nội giới. Lúc bấy giờ, sự vật đổi màu, không gian và thiên nhiên đổi những tọa độ thẩm mỹ. Tất cả rủ nhau đi chéo xuống những chiều kích sâu muện của trái tim:

Làm sao đi hết những con đường
Gió với cây cùng khóc hợp tan
Mỗi đóa hoa trên đồng chói lọi
Cũng xui phù thế ngậm ngùi thân
("Em nhỏ, làm chi chim biển bắc")

Mùa Đông Bắc gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa (...)

Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời (...)

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vàng khói chim đen thảng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chừng phông khắp châu thân (...)

Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nỗi tả tơi (...)

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng

Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê (...)
("Trường Sa hành")

Khi trái tim đã bị xé rách, nhìn đi đâu, ngó đi đâu, con người cũng chỉ thấy một nỗi bất an xâu xé. Thiên nhiên đã không còn là một nơi chốn cư trú cho tâm hồn như nó đã là như thế những ngày xưa. Bây giờ, thiên nhiên cũng giống như trái tim ta. Chúng đồng chất và đồng cảnh:

*Ta ngó thấy ghe thuyền quân tụ
Từng đàn như trẻ nhỏ ghé ma
Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ
Từng cây như nỗi bất an già*

*Ta ngó thấy rào chà cản nước
Từng hàng như nỗ lực lao đao
Ta ngó thấy nhà cửa trốn nóc
Từng ngôi như miệng đất đang gào (...)*
("Chiều trên phá Tam Giang")

Trong cái thiên nhiên lâm lụy ấy, nhà thơ không còn nhìn ra những dịu dàng, ngọt ngào, trong sáng cũ. Bây giờ, tấm gương loang lổ tâm hồn mệt mỏi của ông chỉ phản chiếu những hình ảnh của *cát hôn mê, nước miệt mài trôi*. Và chiều, đó không còn là một khoảng không gian giát bạc ngày xưa *khi mùa hạ đốt bùng lên những hàng đuốc phượng* nữa. Bây giờ, *chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran*. Những hàng phượng xưa đã đi ra ngoài trí nhớ.

Con sông, trong thơ Tô Thùy Yên, là một biểu tượng phản chiếu thiên nhiên và nội giới của nhà thơ một cách khá rõ nét. Dù buồn hay vui, hạnh phúc hay đau khổ, yên ả hay bạo liệt, cái thiên nhiên ấy cũng phản chiếu rõ cái lịch sử của đời sống và của con người.

Chúng ta hãy thử so sánh hình ảnh của những dòng sông qua mấy bài thơ khác nhau của Tô Thùy Yên dưới đây để thấy được điều ấy.

Trước hết, đây là con sông thơm hương tình yêu của một thời tuổi trẻ:

*(...) Con sông căng nước nằm im như con thú no kênh. Ngày chảy lan
như một dòng mật ngọt. Không khí nồng hương rượu nồng mới cất làm
say. Anh sống, sống để yêu và yêu để sống. Với nhĩn nại nông dân,
anh lái đẩy tim anh cày xẻ đời em (...)*
("Lễ tấn phong tình yêu")

Còn đây là con sông thần bí như ánh sáng của hừng đông chớm nở chút đau thương tội nghiệp:

*(...) Anh đã qua bến bắc ấy nhiều lần nửa khuya mắt vói tình quê em
vững ánh sáng thần bí trên sông như hừng đông e dè chớm hé. Anh đã
yêu những chuyến đi đêm đời sống chẳng nghỉ ngơi, những bến bắc như
em không giấc ngủ sông trở sai oằn mộng寐 (...)*
("Phượng")

Và đây là con sông tàn bạo trong mùa mưa châu thổ giữa cuộc chiến tranh khốc liệt:

*Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa (...)
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chùng hiu hắt nổi không tên (...)
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sinh mặt nát lạch mương tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh (...)
Xuống đò, đò đã bỏ quên
Một sông nước lớn trào lên mắt người.
("Qua sông")*

Và con sông chảy mê mải hình ảnh giang hồ của người lính trận:

*Đây ngã ba sông làng sát nước
Xuống ba lá đậu kế chân bàn (...)
Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
Sông không bờ, trời cũng không chân (...)
("Anh hùng tận")*

Và chắc những người quen biết với thơ Tô Thùy Yên cũng chẳng thể quên được hình ảnh sông nước mênh mang, hồn mê, miệt mài trong *chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran* của phá Tam Giang. Giữa bối cảnh sông nước mênh mang đó, với tâm cảm của một người lính thú thời đại, nhìn vào thiên nhiên, nhà thơ chỉ còn thấy được những gì bất an và gầy đờ như đoạn thơ tôi đã trích trong bài *Chiều trên phá Tam giang* ở một đoạn trên.

Để tóm kết phần viết về thiên nhiên trong thơ của Tô Thùy Yên này, ta có thể nói rằng, trong những bài thơ thời tuổi trẻ còn thơm mát tình yêu trai gái - cái tình cảm thơm tho, ngọt dịu và đầm thắm ấy của con người đã khiến cho nhà thơ nhìn thấy thiên nhiên như là một sự dàn trải, mở rộng của chính nỗi hạnh phúc trong trái tim mình - thiên nhiên là một hòa âm dịu dàng trước mắt nhìn và trong tâm hồn nhà thơ. Nhưng khi bắt đầu bị đẩy xấp mặt vào đời để đối diện với một cuộc chiến tranh không lối thoát, nhìn thấy tuổi trẻ của mình rạn vỡ, thấy cả một thế hệ thanh niên mình bị nung cháy và tan biến trong bom đạn, cả một xã hội, một đất nước quằn quại và đổ nát, nhà thơ không còn những cảm giác hạnh phúc cũ khi nhìn vào thiên nhiên. Bây giờ, cũng như con người, thiên nhiên bị xé nát, bị xâm phạm, bị làm chủ bởi một sức mạnh kỳ bí. Nó bị xé, chặt khúc, bóp vụn. Như con người, nó thảm thấu khổ đau.

*Thảm thiết dây leo quấn quít cây (...)
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách tơi (...)
Tàu chuối xác xơ reo ngát ngát
Nổi đời bi thiết xé lụa tưa (...)
("Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch")*

Đó là một thiên nhiên đau khổ, trong một mắt nhìn nào đó. Nhưng nó vẫn tiếp tục tồn tại và dạy cho con người những bài học lớn. Cũng giống như con người - chính sự đau khổ làm cho con người lớn lao, cao cả, khi nó vượt qua được những khổ đau ấy

để vươn lên - thiên nhiên sẽ trở nên kỳ bí và sâu thẳm thiết tha hơn nữa khi ta thức nhận được những ý nghĩa mà trời đất chứa đựng trong nó. Thiên nhiên, thật ra, chỉ là lá thư của siêu hình gửi cho con người. Giải mã được nội dung của lá thư đó, con người sẽ hiểu được ý nghĩa của cuộc nhân sinh.

Tính chất siêu hình trong thơ Tô Thùy Yên

Trong thơ Tô Thùy Yên, người ta có thể thấy tính chất siêu hình bàng bạc, cùng khắp. Cái tính chất ấy đã có từ những bài thơ đầu của ông những năm 56-60. Rồi băng đi có đến khoảng chục năm, người ta hình như không thấy thơ ông đăng báo. Rồi, đột nhiên, từ khoảng năm 70-71 trở đi cho đến 75, thơ ông bắt đầu lại thấy đăng trở lại trên báo chí. Và trong giai đoạn này, phong thái của Tô Thùy Yên chừng chặc, phong độ hẳn. Những vấn đề ông đặt ra trong thơ là những vấn đề lớn của con người, đặc biệt của con người Việt Nam trong cái bối cảnh giằng xé của hai miền đất nước.

Nhưng vượt lên trên cái tiếng nói của một con người Việt Nam, trong cái bối cảnh đặc thù của lịch sử ấy, trong thơ của Tô Thùy Yên, người ta thấy vang lên cái tiếng nói của con người muôn thuở và muôn nơi, đối mặt với cái mang mang, bao la rợn ngợp của đất trời, của vũ trụ. Những câu hỏi được đặt ra trước những phi lý của đời sống, hay để xác định lại những giá trị của cuộc đời, của bao nhà văn, nhà thơ, của những triết gia phương Đông, phương Tây, đã đưa đến những trào lưu triết học một thời làm tuổi trẻ say mê. Tất cả những điều ấy chắc chắn đã có những ảnh hưởng không nhỏ trên suy nghĩ và trong tiến trình sáng tạo của Tô Thùy Yên. Dù sao, là một nhà thơ, đặc biệt một nhà thơ Việt Nam với những điều kiện sống vật lý và tinh thần hết sức Việt Nam, tiếng nói thơ của Tô Thùy Yên có những nét đặc thù riêng của nó.

Ngay vào tháng 4 năm 1956 trên *Sáng Tạo*, bài “Cánh đồng con ngựa chuyển tàu” của Tô Thùy Yên đã mang trong nó một ám ảnh siêu hình. Đó là một ám ảnh về thời gian. Hay là về không gian?

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lúi chổng mặt
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển thở hào hển
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lẩn mình mướt như cỏ
Như giữa nền nhung một vết nâu.
 (“Cánh đồng con ngựa chuyển tàu”)*

Bài thơ, với những hình ảnh rất thực, rất cụ thể, lại có vẻ như một bức tranh siêu thực. Nó như được phóng chiếu vào tâm thức người đọc từ một giấc mơ miên man nao đó của con người. Con ngựa và chuyển tàu, và cả cánh đồng nữa, tất cả như những biểu tượng và ám ảnh về một thời gian vụt gấp, về một không gian mở rộng mãi như muốn nuốt chửng lấy con người. Con tàu, một khối không gian co chặt, nén ép, dậm sầm

vào tâm trí và vào giấc mơ của con người với cái cận ảnh của nó được phóng lớn lên cùng với tiếng sầm sập của thời gian. Trên một trục tọa độ không-thời, con tàu là một chất điểm. Trong nó, có cả thời gian và không gian đang lao đi vùn vụt. Cánh đồng là trang giấy trắng, biểu diễn sự đi về của thiên cổ, của vũ trụ, càn khôn. Nó có thể cứ còn được kéo dài, lấp dài ra mãi. Con ngựa là biểu tượng cho những ước mơ của con người, và cuộc sống hữu hạn của nó. Nếu nhìn vào bài thơ theo cách nhìn phân tâm của Carl Jung, bài thơ này, với những biểu tượng của ám ảnh, của giấc mơ xâm thực vào đời sống như thế, đã nói trước về hướng tới và cuộc lữ của Tô Thùy Yên. Ông không thể nào thoát khỏi cái định mệnh con ngựa-chuyến tàu của mình.

[Hình ảnh con ngựa, trong những phân tích tiếp theo dưới đây, sẽ cho thấy còn tiếp tục theo đuổi Tô Thùy Yên trong nhiều năm nữa. Còn con tàu, hai mươi ba năm sau, vào năm 1979, Tô Thùy Yên đã nhìn lại mặt nó. Hơn thế nữa, từ trong cái cõi không gian chật hẹp lù mù lửa tóe và cứng cộm thể tích kia, ông đã ghé mắt nhìn ra ngoài đời. Phải, đó chính là con tàu chở tù tử Nam ra Bắc. Và, bây giờ, đối mặt với định mệnh mình, ông ngồi im nghe tiếng ầm ầm của sắt thép chuyển di theo dòng sử lịch.

*Tàu đi lúc đó đêm vừa mới
Lúc đó sao trời đã ngủ mê (...)*

*Thức dậy những ai còn sống đó
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này
Tàu đi như một cơn giông lửa
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay (...)*

*Toa nệm lúc nhúc hồn oan khóc
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai
Ta gọi bàng hoàng ta thất lạc
Đất lạ ơi đừng hát hủi ta (...)*

*Tàu đi những chấn động hung hãn
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau
Ta tưởng chừng như thời đại động
Xô đi âm ỉ một cơn đau*

*Ta nghe rêm nhúc thân tàn lạc
Các thối xương lia đụng chạm nhau
Nghe cả hồn ta bị cán nghiền
Trên đường lịch sử sắt tuôn mau (...)
("Tàu đêm")*

Con tàu hung hãn lao đi như một cơn điên đảo. Nó giống như là chiếc troika ba ngựa của lịch sử Nga những năm đầu mùa cách mạng, lao đi, lao mãi vào đêm đen thăm thiết. Con tàu sắt, ở đây, cũng lao đi vào đêm đen như thế. Nó bóc đi từng mảng lớn của thời đại và ném chúng mất hút vào đêm tối. Đêm vực dậy những khốn khổ, tan tác, và hoang mang sâu.]

Khởi từ cái định mệnh ấy, Tô Thùy Yên tiếp tục cuộc lên đường của mình vào đời sống. Hãy chú ý đến kinh nghiệm của nhà thơ:

Cũng kiếp ngựa nhưng là ngựa rằn nên không để cưỡi, tôi mở con

*đường máu cho tâm khảm thoát thân. Khởi bề mặt của cuộc đời
bình lặng.*

*Tôi trang bị hoài nghi mà thám hiểm tương lai, ngày một lạc sâu thêm
vào hoang địa, nỗi chán chường cứ trải rộng ra.*

Và vòm trời như nắp áo quan bằng cẩm thạch.

(...)

*Đêm khuya, tôi mở cửa sổ ra, ngưỡng mộ dự thính cuộc hòa tấu âm thầm
của các tinh cầu trong khoảng không.*

Và quên đi những điều đã nghe thấy ban ngày dưới phố.

(“Lễ tấn phong tình yêu”)

Vòm trời như nắp áo quan bằng cẩm thạch. Cuộc hòa tấu âm thầm của các tinh cầu. Đó là cái nhìn trong cuộc sống của đời thường, hay đó là sự xâm thực của những giấc mơ vào đời sống?

Và con ngựa vẫn lại tiếp tục phóng tới. Trục không gian-thời gian mở rộng. Những giấc mơ tan tác rụng rời. Và con ngựa có lẽ lại sắp sửa để lại “giữa nền nhung” của trục tọa độ kia “một vết nâu” chóng mặt.

Trăm năm, rồi lại trăm năm khác

Tên đóa hoa này, người nhớ chẳng?

Con ngựa bắt kham cuồng bão táp

Cõi hồng trần lồi nổi kinh tâm

Tiếng kêu réo đuổi trong thăm thẳm

Mòn gót chân sương nắng tháng năm...

(“Mòn gót chân sương nắng tháng năm”)

Trong một cái nhìn liên văn bản (inter-textual), xét trong giới hạn thi sử qua những bài thơ của Tô Thùy Yên chảy suốt cuộc đời ông, ta thấy ám ảnh con ngựa-thời gian-ước mơ là một ám ảnh dài lâu trong cuộc lữ của Tô Thùy Yên. Bài “Cánh đồng con ngựa chuyển tàu” làm vào năm 1956, bài “Lễ tấn phong tình yêu” làm vào khoảng vài năm sau đó, có thể 58 hay 59, và bài “Mòn gót chân sương nắng tháng năm” làm vào năm 72. Con ngựa của ông rồi sẽ ngã gục trong một hình ảnh rõ nét hoặc hàm ẩn ở đâu đó trong bài. Thế nhưng, nó lại được sống lại trong một bài thơ khác. Những ước mơ của con người, tha thiết là thế, nên cho dù cuộc sống nó có hữu hạn, con ngựa kia vẫn tiếp tục dong dả phóng tới để rượt đuổi định mệnh của mình. Những giấc mơ, một khi đã lên đường, sẽ không bao giờ bỏ cuộc.

Nỗi ám ảnh siêu hình tiếp tục theo đuổi nhà thơ. Nhìn đi đâu, ông cũng chạm mặt nó. Những tiếng động trong trời đất cũng kéo ông về gần với nỗi ám ảnh muôn đời của mình:

Em chạy tìm anh ngoài cõi gió

Lửa oan khốc giỡn cười ghé hồn

Tiếng kêu đá lở long thiên cổ

Cát loạn muôn trùng xóa dấu chân

Em độc thoại lời kinh ánh xanh

Trăng lu khuya mỗi nén hương tàn

Chó tru thăm thẳm ngày thiên địa

Mái ngói nghiêng triền trái rụng lãn
(“Góa phụ”)

Con chim lạc bạn kêu trời rộng
Hồn chết trôi miền dạ lý hương
(“Vườn hạ”)

Các mùa chuyển động trong trời trống
Di điếu qua sông xê luống sầu
Ly biệt chẳng từ hạt cát ngọc
Tuần hoàn đến cả giọt sương châu
(“Tưởng tượng ta về nơi bản Trạch”)

Ở đây, ta có dăm pho sách
Và một dòng sông, mấy cụm mây...
Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm (...)
Trên dốc thời gian hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô (...)
(“Hề, ta trở lại gian nhà cỏ”)

Hình ảnh hòn đá lăn trên dốc của Tô Thùy Yên làm ta chạnh nhớ đến tảng đá lăn của huyền thoại Sisyphé. Camus đã cho thấy ý nghĩa của cuộc sống con người giữa đời trong liên hệ với nỗi đau khổ nhục nhằn của hình phạt kia. Sisyphé cứ phải tiếp tục đẩy tảng đá lên chót núi, cho dù là, sau đó, nó lại lăn xuống. Chính cái thái độ tiếp tục đi tiếp, và đi cho hết, cái bản phận và định mệnh của mình kia của Sisyphé, đã làm cho “cuộc hiện sinh” của Sisyphé có ý nghĩa. Và có hạnh phúc. Đó cũng chính là ý nghĩa và hạnh phúc của kiếp người. ^[1]

Bài “Trường Sa hành” là một bài thơ thể hiện rõ tính siêu hình và những ám ảnh về thời gian, không gian, và ý nghĩa của cuộc sống giữa đời của con người trong thi giới của Tô Thùy Yên. Tôi sẽ phân tích nó riêng trong phần cuối của tiểu luận này để giới thiệu một cách nhìn và một hướng phân tích thơ.

Để kết cho phần bàn về những ám ảnh siêu hình của Tô Thùy Yên, tôi xin đóng nó lại bằng hướng nhìn tích cực của nhà thơ về định mệnh và cuộc lữ của chính ông - hay đó chính là định mệnh và cuộc lữ của bất cứ một con người nào có ý thức về sự hiện sinh của mình giữa đời:

Hoàng hôn xô bóng ta trên cát
Ta lớn lao và ta cô đơn
Ngưỡng mộ cây xương rồng găng gượng
Thân trần đứng lẻ giữa đồng tron (...)

Biểu dương - hãy biểu dương cùng tận
Vinh dự lâm than của kiếp người
Hi hữu một lần trên trái đất
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.
(“Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai”)

Thi ảnh và ngôn ngữ của Tô Thùy Yên trong “Trường Sa hành”

Toàn bộ thi phẩm của Tô Thùy Yên trải dài trên dưới ba mươi lăm năm, ít nhất từ 1956 đến nay, dù chưa được thu góp để xuất bản như một chỉnh thể hữu cơ, gắn bó, giúp cho người đọc có được một cái nhìn nhất quán về thế giới của nhà thơ^[2], cũng đã để toát ra từ đó, từ những bài thơ rời cấu thành linh hồn nó, cái không khí chung đã bao trùm lấy tâm hồn thi sĩ. Chúng ta đã có cơ hội nói về cái không khí, cái khí hậu vây bủa thi ca của Tô Thùy Yên trong những phần phân tích ở trên.

“Trường Sa hành” là một dấu mốc đặc biệt, khắc hoạ nhân dáng Tô Thùy Yên trong tư tưởng, ngôn ngữ đặc thù của riêng ông, đồng thời, cho thấy được cái nhìn vào nhân giới và nhiên giới của nhà thơ và những khắc khoải siêu hình của ông. Cùng với chùm thơ “Quỹ xướng thi”, gồm ba bài thơ bảy chữ nhiều đoạn, “Trường Sa hành” đã làm cho Tô Thùy Yên trở nên lớn lao trong thi ca. Bài thơ như một dấu ấn đóng xuống đời thơ của một thi sĩ, đã giữ mãi tên tuổi cũng như nhân dáng của Tô Thùy Yên trong lòng người đọc. Cái thế giới mà ông đã tạo nên qua bài thơ này cứ như một vệt lân tinh sáng mãi trong bóng đêm của trí nhớ chúng ta. Có thể ta không có ý thức về nó trong cuộc đời thường, nhưng cái vệt lân tinh lung linh và lóng lánh ánh bạc kia cứ mãi còn theo đuổi ta trong những đêm tối của trần gian. Khi ta sụp cửa lòng mình xuống để ngăn che đi những huyền não bên ngoài, cái thế giới khốc liệt, rưng rưng biển và xanh lơ mộng kia lại bật sáng long lanh trong lòng trí ta quạnh quẽ.

“Trường Sa hành” gồm có mười sáu đoạn. Mỗi đoạn bốn câu, mỗi câu bảy chữ.

*Trường Sa! Trường Sa đảo chuyễn choáng
Thăm thẳm sàu vây trắng bốn bề
Lính thú mười người lạ sóng nước
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi*

*Mùa Đông Bắc gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa
Ta hỏi han hề Hiu Quạnh Lớn
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ*

*Đảo hoang vắng cả hồn ma quỷ
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên*

Bài thơ mở ra với một hình ảnh chuyễn choáng. Người chuyễn choáng khi vừa qua một cuộc hải hành, bị vất lên đảo, thấy đất chòng chành, không vững chân. Hay người chuyễn choáng vì cái sàu vây trắng bốn bề đang thăm thẳm vây phủ chung quanh? Hay chuyễn choáng bắt nguồn từ cả hai cái yếu tố vật lý và tâm lý kia? Hai mũi tên, từ hai cửa ngõ tạo nên cái hiện hữu của con người, cùng bay đến và cắm phập vào hồng tâm. Chuyễn choáng, như một đội đập êm ái, cuốn hút, dịu dàng. Vừa chìm lẫn vào, vừa lan toả ra. Ba âm trắc tận cùng của một câu thơ dẫn đầu bằng bốn âm ngang, bằng phẳng đã làm cho tác dụng chuyễn choáng nổi bật lên. Trong ba âm trắc đó, hai âm cuối chói lên cùng với liên âm *uênh oang*, gần như trong những từ *chuyễn choạc*, *loạng choạng* càng làm sắc lên cái cảm giác mà nhà thơ cảm thấy. Nhà thơ nói *đảo chuyễn choáng*, nhưng thật ra đảo, tự thân nó, như một hữu thể vô tri giác, không hề chuyễn choáng. Nó tạo ra cái tác dụng chuyễn choáng trên não thùy con người với sự hiện hữu bàng hoàng của nó. Chỉ chính sự hiện hữu ấy không thôi cũng đã tạo nên một tấm lưới sàu, thăm thẳm, dày đặc, kín khít, bao phủ và giữ ghệt lấy con người. Cái

cảm giác chuanh choáng, chong chành kia đã khiến cho những người lính thú, trong đó có nhà thơ, đêm nằm còn tưởng hòn đảo bập bênh trôi đi. Hòn đảo, như một con tàu ma, trôi đi, trôi mãi, bập bênh, bập bênh vào vô cùng đêm thủy tận.

Gió thổi. Gió miên man thổi. Lòng thi sĩ như những tàu lá chuối tựa rách, lúu rúu, quờ quạng trong biển gió. Phóng tầm mắt vào không gian, chỉ thấy có hiu quạnh chực chờ. Một Hiu Quạnh Lớn. Hiu Quạnh này từ chối con người.

Đảo hoang đến nỗi hòn ma bóng quỷ cũng vắng. Rêu rong thảo mộc còn giữ hình dáng ngày sáng thế. Mịt thăm thời gian. Cái màu xanh hoang dã và rờn lạnh kia như đắp mãi lên con người bây giờ, chết sững, những tấm khăn liệm kỳ bí, lạ lùng.

*Bốn trăm hải lý nhớ không tới
Ta khóc cười như tự bạo hành
Đập giập, vác khòm lưng nhẩn nhục
Đường thân thế lữ, cố đi nhanh*

*Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời*

*Mùa gió xoay chiều gió khóc liệt
Bãi Đông lở mát bãi Tây bồi
Dầm cây bật gốc chờ tan xác
Có hói ra đời chẳng chọn nơi?*

Sầu đã vây kín. Đảo cứ trôi đi, trôi mãi vào vô cùng thủy tận. Những người lính thú như bị tung lưới chụp bắt, có cố vùng vẫy cũng chỉ như một thứ tự bạo hành. Đành nhẩn nhục, cố đi tiếp con đường nhân thế của mình.

Trong cảnh ấy, nhà thơ cố gắng tách thoát ra khỏi cái hữu hạn của con người. Ông đứng nhìn trời đất. Chỉ thấy sóng. Và biển. Sóng cứ thế, tiếng khóc đập đầu vào ghềnh đá của nó đã cất lên tự lúc nào, thời nào. Mang mang thiên cổ sầu. Biển thì mãi chít trên đầu một vành tang trắng. Hay lễ phục của nó mỗi ngày trước thánh lễ của trời đất, của vũ trụ bao la, là một bộ quần áo sô gai? *Sóng thiên cổ khóc/ biển tang chế*. Trong ngữ cảnh của một kiến trúc song song, kết hợp để nhấn mạnh, ở đây, phải hiểu *tang chế* là một động từ, vì *khóc* là một động từ. Sóng và biển là hai chủ từ. *Khóc* và *tang chế* là hai động từ, dùng song song và có tính kết hợp để nhấn mạnh ý. Thiên cổ là tính từ, bổ nghĩa cho sóng. Căn bản là một danh từ, tang chế, ở đây, biến thành động từ, để mang một nét sóng động đau đớn. Không phải là cái đau buồn riêng mà là một cái đau buồn cất lên tiếng khóc. Đắt đai bên lở bên bồi. Và gió. Gió tiếp tục gào thét những tiếng gào khóc liệt. Trùng dương thì như một hồ nước mắt khổng lồ, rần rần, mênh mang, tuyệt mệnh.

*Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng ả bập bênh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh*

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển

Vàng khói chim đen thẳng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chùng phồng khắp châu thân

Ta ngồi bên đống lửa man rợ
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nỗi tả tơi

Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu

Trong cảnh tang chế khốc liệt kia, ta phải cố gắng sống. Phải tìm cách để tồn sinh. Hãy tìm một chút đẹp đẽ còn sót lại để nuôi lấy mộng. Nhà thơ nhìn vào làn nước vịnh xanh lơ và thấy còn sót lại chút mộng nhỏ, mềm. *Xanh lơ mộng* là một cụm từ, một ngữ đoạn, một ngữ tuyến (phrase), làm rõ nghĩa cho *làn nước vịnh*. Vì là sự kết hợp của cả một cụm từ, những ý *xanh lơ* và *mộng* sóng sánh bập bênh ôm ấp lấy nhau, chứ không tĩnh tại như *xanh lơ* hoặc *mộng* đứng tách riêng. Bỏ ngữ *xanh lơ mộng*, nhờ sự kết hợp, diễn tả được sự sóng sánh của làn nước. *Xanh lơ* thuộc phạm trù và nhận thức của giác quan: thị giác. *Mộng* thuộc phạm vi nhận thức của lý trí hay tình cảm. *Xanh lơ mộng* là sự chen kẽ của thực tại và ảo giác trong cái tâm thể chuánh choáng của nhà thơ giữa một khung cảnh tang chế và khốc liệt của ngoại giới. Nhìn vào làn nước vịnh thấy gì? Thấy *xanh lơ mộng*. Thấy gì nữa? *Những cụm rong óng ả bập bênh*. Nhưng những cụm rong này lại gợi cho nhà thơ nhớ về những tầng buồn mãi còn lay động trong hồn ông. Hồn ta, như một hải quốc xa xôi, hoang lạnh, long lanh, tịch mịch, chẳng có một chút thân ái cận kề.

Chiều rơi. Rã. Rụng. Mặt trời bị cắt cổ. *Le soleil cou coupé*. Appolinaire. *Mặt trời chiều rã rưng rưng biển*. Có thể hiểu *rã* là động từ của *mặt trời chiều*. *Rưng rưng* là tính từ bổ nghĩa cho *biển*. Một mặt trời đang tan ra thành máu. Và biển rưng rưng nước mắt nhìn cảnh hấp hối kia. Hay rưng rưng chính là tâm cảm của tác giả, trước cái chết của mặt nhật, đang quán chiếu lấy lòng mình. Rưng rưng là tính từ, đứng trước, làm rõ nghĩa cho biển. Ngữ pháp rất mới. Cũng thế, trong vàng *khói chim đen thẳng thốt quần*, *thẳng thốt* là trạng từ chỉ thể cách, đứng trước động từ *quần*, cũng là một ngữ pháp rất Tây phương. Đặt vào câu thơ, nó làm bật ra cái mới của sự bất ngờ. Hình ảnh cả một vàng nhật tan, toé ra thành máu lênh láng mặt biển, khiến bầy chim đen lúc thì tan tác thất thần, lúc thì bay vòng vô định hướng, làm nên một quầng đen xao xác, kinh động cả trời đất. Nhà thơ, trong cảnh kinh hoàng và vỡ nát ấy của thiên nhiên, thấy như cả hòn đảo bốc cháy. Và những tia lửa, đỏ, nóng, lỏng và sôi, bắn tung toé vào mình.

Câu *Mặt trời chiều rã rưng rưng biển* cũng có thể được ngắt thành:

Mặt trời chiều/ rã rưng rưng/ biển

Mặt trời chiều và *biển* là hai cực trên dưới của một không gian đáng lẽ là phân cực, yên ắng, và có thứ tự. Nhưng khi ta đọc câu thơ này với nhịp 3/3/1 như thế, bây giờ ta cảm thấy là cái mặt trời ấy đang biến chất và biến thể một cách rất rõ ràng. Rõ hơn là cách ngắt nhịp 4/3 nhiều. Mặt trời - cái khối tinh vân chứa đầy những nguyên tử hydrogen sôi sục trong tâm của nó kia, những nguyên tử hydrogen này có thể kết hợp

với nhau để cho ra những nguyên tử helium trong một phản ứng đặc biệt làm chuyển hoá một trọng khối nhỏ bé thành một nguồn năng lượng vĩ đại qua một tiến trình kết hợp nhiệt nhân (thermonuclear fusion) - trước mắt nhà thơ, bây giờ, đang là một sự hủy thể. Nó rã ra, loang ra và tràn lan lênh láng. Nó đang trải qua một sự chết rưng rưng. Để cuối cùng trở thành biển. Một biển sầu lênh láng máu. *Rã rưng rưng*. Ba âm rung sát nhau tạo nên những tác dụng xót xa đau đớn, vừa trên mặt vật lý vừa trên mặt tâm lý. Vừa ngoài vừa trong. Tất cả đều đang rã ra, đang run rẩy, đang rạn nứt. Làm sao mà nhà thơ lại không khỏi không cảm thấy những tia lửa đang bắn ra làm phỏng khắp thân thể mình.

*Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê*

*Ta nói với từng tinh tú một
Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng
Bãi lân tinh thức âm u sáng
Ta thấy đầu ta cũng sáng trung*

*Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc
Con chim động giác gào cô đơn*

*Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên
Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên*

Con tàu ma, là hòn đảo chuyễn choáng và khốc liệt kia, vẫn tiếp tục trôi đi, trôi vào thủy tận. Nhà thơ biết mình đã bị đẩy vào một cuộc lữ oan nghiệt, cuộc lữ của một người lính thú bị vạt lên đảo hoang để chuẩn bị nhìn thấy định mệnh của mình, của anh em bè bạn. Tiếng hét của kẻ bị bức tử không bung thoát được ra ngoài để tan mất vào không gian rộng lớn ngoài kia, mà nó cứ dội vang oan khuất trong lòng kẻ bị hành hình. Không lối thoát, tiếng hét cào xé và bứt rách đi từng mảng đời người. Nó xé toạc đời sống, và gửi tâm hồn con người về nỗi chết trên cao. Mây. Đổ thảm thê. Thảm thê cùng với tiếng hét từng chập bị giam hãm trong lòng.

Nhưng, những khi đêm xuống, thu góp lại những mảnh hồn rách nát của mình, nhà thơ ngồi nói chuyện với những vì sao cô độc trên cao. Cuộc tâm sự kéo dài bất tận. Ông ngồi nói chuyện với từng tinh tú một. Hình ảnh bãi lân tinh thức, trên cao, sáng âm u, kỳ diệu, từ mái đầu của nhà thơ, lung linh lấp lánh bao ý nghĩ vượt lên trên trời cao, là một thi ảnh rất lạ. Cái đầu như loé lân tinh. Hay như một điểm kết tập và phản chiếu ánh sáng u ảo của vũ trụ. Nó là một điểm phản ánh những hồi quang và những kỳ bí thăm sâu của vũ trụ mệnh mông xa tít. Cái đầu, bây giờ, là nơi trời đất, vũ trụ, thời gian, không gian và những mối cảm xúc, u hoài, sầu nhớ, chứng tỏ sự có mặt của chúng. Cái đầu, địa bàn hoạt động với diện tích thu nhỏ lại của tất cả những sức mạnh bên trong và bên ngoài con người. Và bãi lân tinh vẫn tiếp tục thức, âm u sáng, để đối thoại với điểm sáng nhỏ nhoi ở dưới kia, thi sĩ. Trong sự sáng vẫn còn cái âm u mang mang rợn ngợp của những sức mạnh siêu hình.

Đoạn thơ *Đất liền, ta gọi, nghe ta không?* là đoạn thơ duy nhất trong bài thơ mười sáu đoạn này được gieo vần bằng. Tất cả những đoạn khác được hạ vần trắc, tạo tác dụng khốc liệt, kinh hoàng, u uất cho toàn bài. Nhưng đoạn thơ bốn câu vần bằng này lại có một nhịp gãy, gấp khúc, gấp gáp, tạo cảm giác hoảng loạn rõ nét. Hãy đọc lại nó đúng như nhịp điệu mà nó đã được viết ra:

*Đất liền / ta gọi / nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên / tín hiệu trùng
Mở / mở giùm ta khoảng cách đặc
Con chim động giấc / gào cô đơn*

Như kẻ tử tội bị che mắt lối về dương thế, nhà thơ cất tiếng gọi đất liền hốt hoảng, trong khi con tàu ma, là cái đảo chhuizen choáng, khốc liệt kia, vẫn tiếp tục cái hành trình của nó vào vô cùng thủy tận. Đập thẳng tay vào Vô Biên, chỉ thấy một tín hiệu u u. Trùng và lạc. Tín hiệu đứt hơi, hấp hối, và đang chết. Sự kinh hoàng càng tăng lên. Con người đưa tay đập liên hồi vào cánh cửa của sự chết. *Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc*. Tại sao lại *khoảng cách đặc*? Có phải để làm bật rõ tâm trạng của con người với cảm giác đang bị giam vào một con tàu bùng, cứng, đầy, và tối, đang trôi vào hư vô, đang chìm vào tận tuyệt. *Con chim động giấc gào cô đơn?* Con chim nào đây? Hay là một biểu tượng cho những giấc mơ bé nhỏ bị giam hãm của con người!

Tất cả các động tác trong đoạn thơ này đều có tính cách hoảng loạn: *đập, hoảng, mở, mở, động giấc, gào*. *Khoảng cách đặc* được dùng như một thứ *oxymoron*, một từ nghịch lý ngay trong chính bản thân của nó, để làm bật lên sự phi lý của hoàn cảnh, sự mỉa mai của số phận. *Vô biên, tín hiệu trùng, cô đơn* là những sợi tơ mỏng mảnh gắn vào cõi siêu hình. Cả đoạn thơ là một tiếng kêu cứu vô vọng của con người bị vắt hăng vào cõi lãng quên.

Ngày rồi đêm. Đêm rồi ngày. Đời sống (hay nỗi chết) cứ thế trôi qua. Ngày, trắng ngát, chói chang, như một thanh kim loại, được một bàn tay vô hình nào đó giũa mãi trên kia. Ánh sáng nhảy múa hỗn loạn và điên dại trong một điệu nhạc chói, gắt, hoảng loạn. Và vô thanh. Mái tóc sầu đau của kẻ tử tội, bây giờ, nhìn từng sợi, thấy như bị nung đỏ lên trong một nhiệt độ khủng khiếp. Ánh sáng vẫn vang lừng mãi một điệu múa điên cuồng, man dại. Từng sợi tóc bị nung đỏ, nứt rạn thành tiếng kêu vỡ của tuổi trẻ. Chính là cái hữu hạn, soi chiếu qua mái tóc bị nung đỏ trong nắng chói của kẻ bị hành hình, đang nứt rạn ra. Tuổi trẻ rạn nứt, vỡ tan, như ước vọng hoa niên của một lớp người.

*Ôi! Lũ cây gãy ven bãi sục
Rễ bung còn gượng cuoc tồn sinh
Gắt tươi cho đến ngày trời ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh*

*San hô mọc tua thêm cành nhánh
Những nỗi niềm kia cũng mãi khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tường niệm Người.*

Đây là đoạn kết của “Trường Sa hành”. Nhìn vào thiên nhiên hoang lổ, rách nát, nhưng vẫn cố gắng sống xứng đáng, trong danh dự, cái cuộc tồn sinh của mình cho

đến ngày thật sự gục ngã, hay cho đến ngày được sống lại với cái ý nghĩa như thực của cuộc sống, nhà thơ nhìn ra cái ý sống của mình. Của Con Người, nói chung.

Hòn đảo, nhìn ở một kích thước lớn rộng hơn, chính là cái cuộc đời chuehnh choáng bit bùng này. Đời sống sẽ còn trở ra muôn ngàn nhánh khổ. Con người sẽ còn tiếp tục bị vấtt vào những nỗi đau đớn, xót xa. Trong vinh dự làm than của kiếp người, những nỗi đau của nó sẽ mấn khai, đầy cãnh sống. Nhưng có phải chính sự đau khổ, chua xót và làm than kia lại là những dấu chỉ vào cái danh dự của kiếp người? Thời gian rồi cũng sẽ như đá hóa thạch. Trên tảng đá u tịch, sắc cứng và mốc meo dựng sững vào Đời Đời ấy, nhà thơ trân trọng khắc nét hai chữ: Con Người.

Toàn bài “Trường Sa hành” được bao phủ bởi một bầu khí quyển hoang lạnh, âm u và khốc liệt, đầy tính siêu hình. Bài thơ, cùng với cái bầu khí quyển bao quanh nó, trôi vừa khốc liệt với cái độ cuồng nộ băng băng của nó, vừa dật dờ với cái bối cảnh âm u, vào tâm thức ta. Nó cứ còn trôi đi mãi, trong cái hải quốc sâu thẳm của lòng ta, rách tựa tiếng gió và âm u tiếng những con sóng thiên cổ âm ý. Con tàu chuehnh choáng vẫn tiếp tục trôi đi, trôi vào thiên cổ.

Và con người, kẻ cô đơn, làm than và bị lưu đày kia, nó phải tìm ra được vinh dự và nghĩa sống của nó giữa chốn lưu đày.

^[1]Xem Albert Camus, *Le Mythe de Sisyphe / Essai sur L'Absurde*, Collection Idées, Éditions Gallimard, 1942.

^[2]Chuyên luận nhỏ này được khởi viết vào năm 1992 và hoàn tất vào năm 1995. Thời gian ấy, tất cả những bài thơ của Tô Thùy Yên mà tôi sưu tập được để từ đó xây dựng nên chuyên luận này, là do sự tự tìm kiếm và do bè bạn gửi cho. Kể từ khi ra khỏi nước cho đến nay, Tô Thùy Yên đã in được hai tập thơ: *Thơ Tuyển* (1995) và *Thấp Tà* (2004)

Nguồn: Đã đăng một vài đoạn khác nhau, lần đầu trên các nguyệt san *Hợp Lưu* và *Văn Học* (California), vào những năm 1992 và 1994. Toàn bộ bài viết được in trong *Lý Luận và Phê Bình / Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995* của Bùi Vĩnh Phúc, nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1996. Đăng lại trên talawas với một số thay đổi và bổ túc của tác giả.

Hãy biểu dương cùng tận
Phan Nhật Nam

Tô Thùy Yên Thấp Tạ

thức cho xong bài thơ
mai sớm ra đi
cài hồ lên cửa tặng

AN TIÊM

*Biểu dương, hãy biểu dương cùng tận
Vinh hiển làm than một kiếp người.
(Tô Thùy Yên)*

Dẫn Nhập.

7 Tháng 9, 1981 nơi Trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa, Việt Nam.

Cửa thứ nhất khu kỹ luật mở ra.. Anh ngó trần trần lên khối sắt sơn xanh không cảm giác, vô hồn bước vào khoảng sân vắng tanh, lau sậy khô teo, vàng úa, xao xác hỗn loạn. Viên cán bộ kỹ luật và gã tù hình sự phải vạch lối đi qua để dẫn anh tới trước tấm cửa bên ngoài dãy buồng giam. Thanh sắt chắn ngang khung cửa gỗ thứ hai được kéo ra, rút bỏ xuống.. Âm rền rĩ siết lê gay gắt, gào chìm rờn rợn. Đi tiếp vào căn phòng tối lạnh, chiếc bàn gỗ xiêu vẹo dựa vách tường trên có chiếc chén nhựa bần, cơm, khoai, sắn đống khô nâu quanh vành chén (có lẽ từ lâu không được dùng đến), anh nhìn quanh, dãy buồng kỹ luật tối im chập choạng, kín như khối nhà mồ chất chứa xương cốt của những người chết để lâu không chôn cất. Tử khí ẩm ẩm tanh tanh. Cuối cùng, anh bước vào căn buồng hẹp sau cánh cửa thứ ba (đúng nghĩa chỉ là chiếc hộp dựng đứng), đặt chân vào khoen cùm hình chữ U. Bên ngoài, tiếng động ồ khóa khóa lục cục, xong thanh sắt giữ chân cùm chuyển động, day day chạy ngang cổ chân anh. Căn phòng hoàn toàn chìm đắm vũng tối sau loạt động âm do những tấm cửa đóng lại. Không biết bây giờ là mấy giờ? Hôm nay thứ mấy?! Anh quên ngay ý nhiệm thời gian, ngày, tháng vừa tách rời. Nơi này năm trước, 1979 anh đã một lần vào, và khoảng một năm sau anh được cho ra, trở về trại chung với đồng ngũ. Nhưng lúc ấy thân thể anh bần bĩ, rắn chắc; trí tuệ mạnh mẽ cương nghị.. và nhất là chung quanh, bên ngoài, ở cạnh những bức tường phòng giam này còn có một tập thể bạn tù Miền Nam - Những người bạn anh mà có thể phân biệt cụ thể, chính xác từng âm nói của mỗi người.. Cách phát âm của Phan Văn Giỏi (với âm sắc Quảng Nam được nhấn mạnh) đang mức nước ở khu nhà bếp (sát tường buồng kiên giam).. nhớ nghe không..Nhớ uống cà phê.. nghe Phụng (“Cà-phê phụng”- biệt danh các bạn đặt cho, do anh uống cà phê pha chế bằng những hạt phụng rang cháy). Trước kia, năm ngàn người của lần chuyển trại đến đây (tháng Tám, năm 1978) đã chiếm dụng toàn thể bốn dãy nhà giam chính của khu giam giữ; nay chỉ còn hai-mươi-hai người ở gọn đúng vào một chiếc buồng (của dãy nhà cuối cùng) luôn khóa kín sau giờ lao động. Đúng hai mươi-hai người. Anh là người cuối cùng của nhóm người khốn khổ còn lại nơi Miền Bắc này. Chung quanh anh nay không còn ai. Chung quanh anh nay không có người. Có ai chia sẻ với mình đây?! Anh cố gắng nghĩ đến điều xót xa này nhưng không nổi. Hình như ý nghĩ cũng gây đau. Anh sờ tay lên bức tường.. Động tác vô nghĩa nhưng để chứng tỏ mình đang còn sống,

biết suy tính. Là con người biết xê dịch bàn tay.. Có ai chia sẻ với mình không? Ý nghĩ được kết thúc như thể hoàn thành xong lần cố gắng.

.. *Ta ngồi dậy
và như một thói tật,
Gỗ gõ hỏi han
Hai bên tường tả hữu.
Có ai không?
Không có ai sao?
Ta khắc khoải chờ nghe
Nhưng tiếng động của người
Tiếng động nào bất kể*

..
*Ta phải cố quên quên bằng mọi cách
Nỗi điều đứng sống còn
Trong hăng hăng tỉnh chết..*

(Thức giấc trong biệt giam, Thơ Tuyển- Hoa Kỳ, Thu 1996; trg168)

Năm 1992, nơi khu vườn của Như Phong ở Nhị Bình, Hóc Môn, Gia Định, trước ngày ra khỏi nước, anh nói cùng Tô Thùy Yên: Cám ơn Bạn đã viết những giòng Thơ chính xác, với ý nghĩa Thơ là Sức Nâng Đỡ. Anh nói không quá lời, e rằng bày tỏ chưa đủ ý, chưa diễn tả được hết lòng tin cậy đối với Thơ. Đối với Bạn. Lời kẻ chết là lời thiêng. Lời kẻ kinh qua cơn khốn cùng là lời thật. Người Viết Thơ Tô Thùy Yên là người làm chứng thuần thành nhất – Làm chứng về Sự Khổ – Cảnh Chết.

Phản Một-Thơ là có chứng thật nhất

16 tháng Ba, năm 1996 nơi phi cảng New York, Nước Mỹ.

Anh đến đây từ Houston (Texas), trên đường đi lên một nơi thuộc vùng bắc lục địa Bắc Mỹ. Một nơi nào đó. Anh không cố ý tìm hiểu chốn ấy ở đâu, như thế nào, dấu đã là người chuyên nghiệp xử dụng bản đồ, tìm hiểu địa hình trong nhiệm vụ quân sự ở những năm tháng cách đây không mấy xa. Người bạn dặn, cứ theo chỉ dẫn trong vé máy bay mà đi.. Sẽ đến nơi đây, tiếp tới nơi kia. Trời đang mùa xuân nhưng ẩm ướt, giá rét. Tuyết đóng dày đầy ùn ra hai bên hệ thống những đường băng phụ thành đồng khối lớn. Anh ngó mông ra phi đạo mù mù. Anh nhìn quanh quần khối người đông đảo di chuyển, thúc hối, nhưng rì rầm yên nặng.. À đây là New York, chỗ này có bức tượng Nữ Thần Tự Do. Tượng đó ở đâu? (Anh đảo mắt qua lại như thể đang cố ý tìm kiếm một điều gì đã rành rẽ, một người thân quen).. Chắc đâu đó ngoài khu bến tàu, tượng ấy đâu ở phi trường. (Anh cười thành tiếng chứng tỏ đã hiểu biết về một nơi chốn, một tình thế). Tượng nhìn ra cửa biển vào New York mà, thành phố này to nhất nước Mỹ đấy. To nhất thế giới nữa..” Anh tự hỏi, xong trả lời, buộc trí não phải bận rộn; cũng như để chứng tỏ không bị khuất lấp bởi hoạt động lồi cuốn âm âm chuyển dịch đang vây bọc. Không ai biết mình là ai cả? Và mình đi đâu đây? Cuối cùng, anh mở Tập Thơ Tuyển, viết lên phần trống những tờ giấy sau trang bìa.

*Tôi đọc Thơ ông,
Tận trống trải..
Trống vợ, trống vốc.
Khi đến New York vừa rời Houston.*

...
*Phi trường xuống,
Không một ai.
Thật.*

Không một ai.

Chỉ Tập Thơ âm sâu trong ngực.

Và anh sống lại. Sống đầy đủ. Sống cùng tận nỗi bàng hoàng xa xót khi đọc qua những chữ nghĩa bình thản đến lạ lùng - Những chữ nghĩa nói về một cuộc sống-chết mà bản thân anh (cũ#ng của nhiều người) hằng mang nặng, nhưng không khả năng xóa mờ, vất bỏ. Mà vất bỏ nơi đâu? Xóa bỏ xong thì trí nhớ anh còn những gì?

*Quán chậ xanh lên rừng lính ướt
Mặt bơ phờ dính gió bao la
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét
Chuyện tình cờ nhúm ẩm cây mưa*

....

*Tiếp tế khó – đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mười viên
Di tản khó – sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên.
(Qua Sông; sđd, trg25)*

Vào buổi chiều mù tối nơi chốn xa lạ hôm nay, qua những giòng thơ, cảnh sống tàn nhẫn tội nghiệp một cách bình thường trong chiến tranh kia thoát trở lại tận đầy đủ.. Và anh nghe ra tiếng cười, giọng nói của những người lính; âm âm báng súng, giấy đeo đạn, nón sắt.. va chạm lục cục trên mặt đất, nơi thành bàn, dưới chiếc ghế gỗ của một chòi quán ẩm ướt nào đó ở Long Sơn, Long Định vùng quê Long An ngày mới ra đơn vị, 1963; hoặc nơi Bồng Sơn, Lại Giang, Bình Định cuối năm sáu-mươi sáu, sau kỳ sinh nhật hai mươi-ba tuổi. Có thể anh không nhớ đủ hết tên họ, nét mặt những người đã cùng sống, kẻ đã chết thuộc những đơn vị nhảy dù mà anh hằng dự phần, có mặt. Nhưng lạ thay, anh nhớ chính xác mỗi chi tiết nhỏ nhặt của tiếng động, mùi nước bùn ẩm ướt thấm qua lớp áo trận, từng khuôn mặt của những người lính (quen và lạ) dồn chậ trong chiếc quán nhỏ, lần dừng quân ngày mưa năm xưa. Và anh nghe lại giọng chậ, đực của hạ sĩ Ty vác súng trung liên khi mở lời xin anh điều thuốc giải khuây cùng sắc mắt vô hồn, buồn phiền của những người lính địa phương quân đồn Long Sơn khi họ thoáng nghe, nhìn lướt qua trao đổi thân mật, gần gũi của thầy trò anh.. Sinh hoạt ngắn ngủi, nhỏ nhặt mà họ không thể có do phải ở lại đây giữ trách nhiệm ngặt nghèo giữa vùng tối sùng nước của vùng ruộng đồng hoang vắng, nơi chiếc đồn đang im im bốc khói cháy ngậm khi đơn vị nhảy dù cứu viện rút đi.. Hỏi chủ quán còn chai bia nào không, mời luôn mấy anh này. Anh đưa bao thuốc cho Ty, chỉ về phía những người lính địa phương.. Dạ, cảm ơn, cảm ơn thiếu úy,

*Thiệt tình tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi, ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên.*

.....

*Người thuở trước tìm vàng khấn đất
Tiêu xác thân, để lại oan hồn.
Ngày nay ta bạn đến đây nữa,
Đất thì không khấn, vàng không tìm.
(Anh Hùng Tận; sđd, trg 28)*

Tuy nhiên, hoạt cảnh lặng lẽ kể trên dẫu sao cũng là lần “ bình an, hạnh phúc”, khi chiến tranh chưa nặng độ (đầu thập niên 60), và lần dừng quân còn có một chái quán lợp lá dứa, chai bia, điều thuốc của vùng thôn quê Miền Nam – vùng đất trù phú với sức sống ứ tràn trong mạch nước dầm dề phù sa. Vì tiếp liền theo sau đó, chiến tranh mở rộng,

giăng dầy, chụp xuống chiếc cánh âm u tai họa.. Và Thơ không chỉ là lời miêu tả cảnh Khổ, nhưng chạm đến nỗi Đau khi con người bị ném vào lần tận tàn sát, thực hiện cuộc tận diệt.

*Ta ngó thấy ghe thuyền quần tụ
Từng đoàn như trẻ nhỏ ghê ma*

.....

*Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc
Từng ngôi như mặt đất đang gào..
Nhưng cũng không chỉ là cảnh sắc thiên nhiên, nhà cửa tang hoang, tiêu hủy mà đã đến
lúc, đôi tượng hứng chịu tai ương - Con người trong chiến tranh - Người lính của hai bên
lâm chiến, kẻ thụ nạn của một cuộc tương tranh tàn tệ, phải đối diện (thực sự đối diện)
câu hỏi sống sờ vì mức độ phi lý, phi nghĩa, tận vô ích, và cực độ phí phạm của nhiệm
vụ họ phải nhận lãnh..
Vi sao người tới đây?
Hỡi gã cộng quân sốt rét, đôi*

..

*Vi sao ta tới đây?
Lòng xót xa thân xác mỗi mòn.
Câu trả lời không có. Nếu có chẳng cũng chỉ tăng thêm cường độ cay đắng của một vấn
đề đã hư hoại, độc địa từ khởi đầu.
Ví dầu người bắn rụng ta
Như tiếng thét
Xé hư không bật im
Chuyện cũng thành vô ích.
Ví dầu người gục
Nào có chi đáng kể.*

Bi thảm hơn hẳn những nhân vật trong kịch và tiểu thuyết “phi lý” của Samuel Beckett – Trong đó, con người còn khả năng luận lý (cho dù luận về một điều “phi lý”); hoặc còn có điều chờ đợi (dẫu là một điều không tưởng).. Đây, đời sống cứ qua đi.. Cũng vậy, chẳng có quan hệ gì nếu tôi đã sinh ra đời hay không, tôi đã chết đi hay đang lâm tử.. (Malone meurt; Minuit, Paris, Fr. 1952); hoặc trong kịch En attendant Godot; Minuit, Paris, Fr. 1953, hai nhân vật Estragon và Gladimir, sau một loạt đối thoại không mạch lạc, rồi mù về những bàn tay, bàn chân, cái bàn, chiếc ghế.. xoay qua đối tượng gọi là Godot – Bất ngờ xuất hiện như một đồ vật cốt làm đầy cho câu chuyện vô nghĩa, của lần chờ đợi (không biết đợi cái gì).. Bởi: Godot khi là một nguồn động lực bắt con người phải chờ đợi, phải nói đến.. Nhưng cũng chính là con người với sự chờ mong (vô vọng, vô nghĩa) của chính họ. Godot chỉ là điều tưởng tượng. Ở Việt Nam, trong chiến tranh, qua Thơ Tô Thùy Yên, diễn tiến sống-chết cụ thể với chính thịt xương con người, qua từng giờ khắc chịu đựng, bày ra như một điều hài hước. Bi kịch và hài tính đã nhập lại thành một khi cùng đối diện với sự chết. Kết thúc bởi sự chết.

*Ta phá lên cười, ta phá lên cười
Khi tưởng tượng người cùng ta gặp gỡ
Ở cõi âm nào người vốn không tin,
Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa:
Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho Tổ Quốc Việt Nam- một tổ quốc..?
Các việc người làm,
Người tưởng chừng ghê gớm lắm
Các việc ta làm
Ta xét thấy chẳng ra chi*

*Nên người hăng điên, còn ta âm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau.
Và kết luận cuối cùng không thể khác,
..Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng
Ví dầu các việc người làm, các việc ta làm
Có cùng gom góp lại,
Mặt đất này đôi khác được bao nhiêu?
Người há chẳng thấy sao
Phá Tam giang, phá Tam Giang ngày này đâu đã cạn?
(Chiều trên Phá Tam Giang; sđd, trg 74)*

Cuộc máu lửa, súng đạn chấm dứt với ngày 30 tháng Tư, 1975, Thi Sĩ kẻ thụ nạn khốc liệt nhất trong mọi tầng lớp xã hội Miền Nam-cùng một lúc thực hiện hai chức năng, nạn nhân lẫn chứng nhân của lần xỉ nhục, đọa đày Con Người – Sinh vật nhận biết đau trong trái tim, trên xác thân.

*Thức dậy, những ai còn sống đó,
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này.
Tàu đi như một cơn giông lửa
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay*

.....

*Toa nệm lúc nhúc hồn oan khóc,
Đèn bão mờ soi chẳng thấy ai.
Ta gọi rưng ròi ta thất lạc.
Ta còn chẳng đủ nửa ta đây.*

.....

*Dường như ta chột khóc đau đớn.
Lệ nóng cuồng toan cháy ruột gan
Lệ chảy không ra ngoài khóe mắt.
Nghẹn ngào đến cả tiếng than van.
(Tàu Đêm; sđd 117)*

Người phải sống và Thơ phải viết bởi lần đau không chỉ riêng đối với một cá nhân, nhiều giới người, hoặc giai cấp cầm quyền chính trị, hay một tầng lớp xã hội.. mà toàn bộ lịch sử – đời sống bị xáo tung, nguy trá, mạo danh, miệt thị và hủy hoại. Không chỉ nơi Miền Nam, không riêng của Việt Nam, mà chung cho cả địa cầu, lần con người tận diệt.

*Mà thôi hãy nuốt lệ còn nghẹn
Tĩnh thức, lòng ọi nhìn tận tường
Thời đại đang đi từng mảng lớn
Rào rào những cụm khói miên man*

.....

*Người bạn đường kia chắc vẫn thức
Mong tàu đi đến chỗ đêm tan
Có nghe lịch sử mài thê thiết
Cho sáng lên đời những rỉ han
Tàu ọi, hãy kéo còi liên tục
Cho tiếng rền vang dậy địa cầu
Lay động những tầng mê sáng tối
Loài người, hãy thức, thức cùng nhau.
(Tàu Đêm; sđd 117)*

Thi Sĩ phải sống để đi cho hết cuộc hành trình tưởng như không hề có thật- Hành trình băng qua thống khổ máu lệ cuồng toan - Khóc không nổi, nói không nên lời, chỉ biết cúi

đầu im lặng trước bi thương chập chùng oan nghiệt mà phận người phải gánh nặng từ một thuở bắt đầu vòng sinh-diệt.. Cũng để tận thắm hiểu nghĩa xa xót mong manh từ hạt sương, tiếng dế, giếng nước, sợi tơ trời nơi bản quán đã thật sự nhạt nhòa, hư vờ.

*Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời*

.....

*Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sâu nhân thế chuyển đời
Bé bỏng cũng thi sinh, dị, diệt.
Tội tình chi lắm nữa, người ơi!
(Ta Về; sđd 126)*

Người ơi! Người nào? Không người nào cả. Chỉ riêng ta với tiếng gọi xé lòng.. Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ- Thanh Tâm Tuyền. Hãy gọi lên một lần. Cho gọi thêm đến nhiều lần.. Gọi đến lay động chiếc bóng của chính ta ngã dài trên dậm trường thăm thẳm cô quạnh. Hãy gọi lên. Kêu lên.. Không còn ai.

Phần Hai – Thi Sĩ luôn hiện sống - Sống rờng

Gần mười năm sau Thơ Tuyển (1995), Thấp Tạ (2004) đã là một lần vượt thoát toàn diện, và Thi Sĩ thật sự Sống Rờng-Với Thơ.

Nếu những năm tháng trước đây trong chiến tranh, tiếp tù ngục và cảnh khổ Việt Nam (sau 1975) đã hé mở ra những vấn nạn không thể nào trốn thoát.. Gõ lấy đầu mình như gõ cửa. Liên hồi kêu cứu giữa đêm khuya.. (Mùa Hạ; Thơ Tuyển, trg 103); hoặc phải chứng kiến những kinh hoàng không thể quên.. Trăm họ lần lượt bỏ xứ trốn. Biển thì hung hãn, thuyền mong manh. Ta nghe kể lại xác lên bãi. Nằm dài dài như lúc chiến tranh. (Nổi Đợi; TT, trg 163). Nhưng dẫu gì tại lúc nguy nan kia con người cũng còn đôi chút hy vọng - cách hy vọng bền bỉ của người không chịu khuất phục (bởi khuất phục có nghĩa tiêu vong) - nên người lại kiên nhẫn lên đường, vẫn luôn trên đường đi, dẫu đường vô hạn lẻ loi.. Con đường vô định chưa ai tới. Hay tới nơi, thôi chẳng trở về. Hỏi gã du hành, hãy nói lại. Những điều người thoáng thấy như mê. (Và Rồi Tất Cả Sẽ Ngươi Ngoai; TT, trg 53). Nhưng hôm nay, cuối thế kỷ bão táp, sang đầu thời đại mặt pháp, Con Người tự tìm ra và phải tìm ra với sáng suốt, tận bình yên, bởi người hiểu nên rằng, sẽ không đi tới đâu cuối cuộc hành trình miên viễn khó nhọc suốt một cuộc đời. Không xa, không gần, không non cao, không biển rộng, không biên giới và cũng “không còn biên giới”.

*Đi như đi lạc trong rời đất,
Thủy tận sơn cùng, xí xóa ta.
Cõi chiều, đứng lại, khóc như liều:
Có thật là ta đã đi xa?
(Đi Xa; Thấp Tạ - Hoa Kỳ, 2004, trg 10).
Điều chúng ngộ nầy không đâu xa..
Chỉ là một bước, bước trờ..
Hỏi chưa ra, đã trăm năm sững sờ
(BiệtTăm; sđd, trg 11).*

Phải, chỉ một bước thôi, bước ngăn ngùi, chóng vánh, cô đọng như một công án thiền đạo –Thi Sĩ thấy ra (thấy chính xác, cụ thể) kích thước tận cùng trong phần, đoạn hữu hạn.

*Tường thôi, nháng tường thôi.
Trí năng nào chạy kịp
(Sát Na; sđd, trg 11).*

Công phá tuyệt luân này phải do mỗi cá nhân tự chứng – Đây là Sự Thường nhưng không hề tầm thường - Chỉ được xác lập bởi những trí tuệ thật sự khắc khoải mới hiểu nên điều nguyên lý: Sự thất vọng về hữu hạn là do thiếu đi tính vô hạn (Soren Kierkegaard); hoặc chỉ từ khổ đau vô lượng của kiếp người - Bất cứ người nào khi gặp những cảnh ngộ.. Buồn trông nội cỏ dầu dầu, chân mây mặt đất một màu xanh xanh; hay khi đối diện, Bốn phương mây trắng một màu, trông vời cổ quốc biết đâu là nhà – Mà thiên nghi (chắc nghi không sai), đây không là tình cảnh của một cô gái tên gọi Vương Thúy Kiều, nhưng thật phải là của người đã viết nên những giòng chữ xót xa này - Tâm cảnh thất thỏm của Nguyễn Du lúc ở Huế nhìn về phương Bắc với lòng quặn đau: Bắc thành thập khẩu khẩn đề cơ – Mùì miệng người kêu đói ấy không ai xa lạ, chính là vợ, đúng là con. Là đứa con mà Đỗ Phủ đã phải ôm chặt vào người, bịt miệng lại do trẻ quá đói cứ nhè ông mà cắn, và để đứa bé bớt la khóc (sợ hùm, sói nghe được) trên đường chạy loạn ngã Bành Nha: Si nữ cơ giảo ngã. Đề úy hổ lang văn. Hoài trung yếm kỳ khẩu.. Kinh qua những giờ khắc thương tâm đáng sợ này (không phải chỉ trong một khoảng thời hạn tại một hoàn cảnh nhất định), con người phải tự cứu.. Và không còn con đường nào khác ngoài thái độ bình thản vô vàn cao thượng trong tất cả mọi tình huống, cho dầu gặp phải kết thúc đậm dấu bi ai nơi một chốn mịt mù không định hướng.

*Mai có ai về ngang quãng sông này
Xin ném cho hòn đất hỏi thăm.*

.....
*Những nắm mộ đá chồng rỗng kiệt
Hình hài người chết đã tiêu tan.
Nhưng chắc đâu hồn mộng chẳng còn chạy giỡn bạt ngàn
Cho tàn hã cuộc mê man cùng Vô Biên độc nghiệt.
(Viễn Tây; sđd, trg 45).*

Thế nên, không cần đến giải oan nơi sông Tiền Đường, cũng chẳng nên khóc than người nằm dưới nắm mộ dầu dầu ngọn cỏ bên đường, cuộc nhân sinh ai cũng thế mà thôi, mỗi người một cảnh, vô vọng , đơn lẻ như gió thổi qua cõi ngoài.

*Một mai, ngoài cõi gió hao đuối
Ai hỏi ai về ai trước kia?
(Chim Kêu Bãi Quạnh; sđd, trg 32)*

Ai hỏi ai? Và hỏi về ai? Không phải là cách chơi chữ nghĩa nhưng quả thật Người Viết Thơ đã nắm bắt được tiêu điểm tận cùng của biên giới tâm cảnh mà con người luôn gọi tên bằng những tính tự “tuyệt vọng, đau thương”. Và tuy biết bên ngoài vùng mộng mênh “ngoài cõi gió” kia không còn nữa những “đơn vị gọi là ai”, nhưng Thi Sĩ không hề tuyệt vọng (như khi Tây Phương kiêu ngạo đối diện với Hư Vô; kẻ chinh phục thấy ra điều suy hoại, sụp đổ đế quốc xây dựng bởi thành quả bạo tàn) - Vẫn vững tin và bình thản cặm rông.

*Khắc khoải chim kêu mùa hóa giải
Hành nhân về bên giếng quê nhà
Ngõ trúc chiều ngát hoa gạo mới
Ngọn đèn thấp đọi đã rền hoa*

.....
Chiêm bao, âu cũng chiêm bao cả

Mưa lớn chừng như rọp hải hà.
(Chim Kêu Bãi Quạnh; sđd, trg 33)

Đau thương thay và đáng được kính trọng thay, qua suốt cuộc biển dâu ba mươi năm với những cảnh hưởng trầm luân, khi hải rau nơi vực suối triền núi sâu đất Bắc.

Làm người, đã phải làm sao?
Thêm bề rau thấp, cỏ cao, tội người.

.....

Giá cho ta hỏi một lời
Rau này trăm họ mấy người đã ăn?
(Hái Rau; sđd, 37-38)

và khi thảng thốt về Nam chứng kiến cảnh xé lòng.

Làng đã cháy, im lìm bất trắc..
Người nhớ người mà cũng sợ người.
Trời ơi, những xác thây la liệt,
Con ai, chồng ai, anh em ai?
(Nhớ có lần, trên bến bắc khuya.; sđd, 70)

Nhưng Con Người đi hết chặng đường bão táp ấy vẫn sắc son bền bỉ vẫn tận sống từng khắc giây sung mãn với lòng yêu thương con người, hoa cỏ, lá cây, lát gừng cay, hạt muối mặn lấy ra từ Đất. Người còn, trời đất còn chan chứa.. Muối mặn, gừng cay trắng tóc xanh.. cho dầu đã hơn một lần (rất nhiều lần) hiểu rõ nghĩa “được-mất; có-không” sau những lần bị tước đoạt trần trụi như tình cảnh của Job trong Cựu Ước; bị lấy đi cả tiếng sáo hót thắm thiết trong buổi ngày thơ.. Tình cảnh của miền Nam, của cả nước bị bóc vớ đến những nguồn vui trong sáng nhỏ bé sau 1975.

Con sáo trong lòng con đã chết
Bé ơi, sao bé còn đi tìm?
Còn kêu lạc giọng sáo ơi sáo.
(Con Sáo; sđd, trg 29)

Chẳng phải đợi đến khi có lời nguyện rủa từ Tây Phương về lần bức tử Thượng Đế, những dân tộc Đông Phương (điển hình cảnh hưởng người Việt, các dân tộc trên Bán Đảo Đông Dương suốt bao thế kỷ làm than do những cuộc phân tranh khởi từ đời Lê Mạt, thế kỷ 16, 17 kéo dài đến cuối thế kỷ 20) đã hằng thấm cơn đau về một, “Lão tạo hóa đành hanh qua ngàn. Giết đuổi người trên cạn mà chơi” (Nguyễn Gia Thiều- Cung Oán Ngâm Khúc) – Giết vì một đồ kỵ khác nghiệt, “Trời xanh quen thoái má hồng đánh ghen” (Nguyễn Du- Kiều) – Giết như một trò chơi. Nhưng những con người thuần phác bền bỉ chịu đựng kia vẫn hằng nuôi dưỡng đức tin nhu thuận: “Trời luôn đến cùng người khôn cùng, kẻ khờ dại, và những trẻ thơ” Nên dẫu, Tạo hóa tham công hay lỗi làm? Hoặc giả, Vũ trụ tạo hủy dở dang mãi, Con Người qua tuyên ngôn của Thi Sĩ vẫn nhận ra điều kỳ diệu:

Mới hay sống chết dễ mà khó,
Mệnh nghiệp không là chuyện dừng dừng.
(Hành Giả Âu Sầu; sđd, trg 109)

Có Dân Tộc nào bản lãnh đến ngàn ấy? Có Con Người nào mạnh mẽ đến như ông kia? Quả thật, chỉ riêng Thi Sĩ đã hoàn tất xử dụng chữ, nghĩa thanh khiết tạo nên lời ca ngợi vô vàn:

Thế nhưng người sẽ vẫn yêu đến giọt nước mắt cuối,

.....

Cũng như người sẽ vẫn yêu đến giọt nước mắt cuối.

Kết Từ

Kể từ khi “người vượn- homo erectu” dựng đứng được xương sống và dùng hai tay để viết nên những ký hiệu đầu tiên, đến nay trong những trước tác của tổ chức nhân loại văn minh với Bộ Bách Khoa Toàn Thư (Encyclopedia Britannica) gồm hai mươi-chín cuốn, hoặc Tự Điển Từ Nguyên, Từ Hải đồ sộ của người Trung Hoa.. Tất cả nội dung trình bày trong những ấn phẩm to lớn này không gì khác hơn do một NÉT VẠCH ĐƯỢC SẮP XẾP theo một hệ thống từ con người dân xác lập, và đồng thuận xử dụng. Hệ thống này do Hai Mươi- Bốn chữ cái La-tinh, hoặc Bảy nét cơ bản của Hán Tự cấu tạo nên thành Chữ Viết tồn tại bền vững qua hàng ngàn năm cho đến nay. Và chắc chắn dẫn tiến đến một tương lai kỹ thuật cao đến bao nhiêu – CHỮ VIẾT-CON NGƯỜI (dưới nhiều dạng tự khác nhau, Phan Ngữ. Á-Rập Ngữ..) VẪN VĨNH HẰNG TỒN TẠI. Thế nên, chúng tôi vô cùng tin cậy rằng: Trong những ký hiệu Chữ Viết kia ẩn chứa Thần Tính – Siêu Việt Tính nhưng cũng là Nhân Tính.

Chúng ta nhắc nhở với nhau như thế, đồng thời xác lập điều tự hào cảm động: Tiếng Việt qua vận động của Thi Sĩ đã trở nên thành nguồn nội lực đủ sức cất chứa những rung cảm tế vi của tâm hồn, và biểu hiện nên Lời Thơ hùng vĩ.

Chúng ta vẫn sống như rừng cây

Chúng ta vẫn sống như mặt biển

Bởi vì đã đi nên sẽ đến

Người và bóng tối phải chia tay.

Cảm ơn Người Bạn Viết Thơ Đinh Thành Tiên – Thi Sĩ Tô Thùy Yên.

Mùa Lễ Tạ Ơn. Cali, tháng 11, 2004.

Một mình cầm cự thi ca giữa cánh đồng, đọc thơ "Thấp Tọa" của Tô Thùy Yên Lê thị Huệ

Tưởng tượng một bóng đàn ông đêm khuya lèn ra ngoài, khinh công lướt nhẹ đến trước một Cánh Cửa Lớn giữa trời không. Người đàn ông mở cánh cửa thấy hiện ra một cánh đồng. Giữa cánh đồng có một phiến đá cổ thụ. Ông bước đến bên phiến đá, phiến đá biến thành cái bàn. Trên mặt bàn có một tờ giấy trắng lớn, một cây bút bẻ thế, và một ngọn đèn trời cực sáng. Người đàn ông ngồi xuống bàn. Cầm cây bút. Nhìn cây bút. Rồi cúi xuống trên mặt bàn và viết.

Nhìn đá, ta định chừng đá ngủ
Phải chăng đá giữ mộng trong lòng?
Tại đây, đá sống lâu đời nhất,
Đá rõ điều ta muốn rõ không ?
(Đá Mộng)

Đất xa đuổi, trời sâu vọng
Đất trời còn chịu đựng bao lâu ?
Ngàn, ngàn dặm không bóng người, dạng mộ ...
Hú, không nghe động tĩnh cả hồn thiêng
Chỉ những cuộn cỏ gai lẫn giỡn
Chim bay thoát ra chăng ?
Qua đây, gió kiệt tàn

Chung thân, thiên cổ bị cầm giữ,
Mỗi nản cùng mặt nhật im trơ
Đá cũng làm thình, không có chuyện
(Đại Bình Nguyên)

Khuôn mặt người đàn ông sắc, sáng, lạnh, và cực kỳ chăm chú cúi viết những chữ lên trang giấy. Trong khi viết ông có thể nhìn ra hàng hà những bãi tha ma, những cánh đồng đước, những con phá què chày xiết trong một bối cảnh hết sức hiu quạnh. Im Lặng Lớn và những bóng ma đang gầm ghè bay lượn chung quanh. Im Lặng Lớn và những bóng ma chỉ chực nhào vô bàn nuốt chừng những con chữ mà người đàn ông vừa viết xuống.

Một hòn bát phụ thể
Lạc từ dâu biển xưa
Tới trước, đợi nơi mờ,
Nghe môn bia chữa dựng
(Hồn Lạc)

Nhớ xưa thiên địa dậy hồng thủy
Núi sụp, rừng trôi, đời sảng hoàng
May nhiều, còn đưa con vợ vội ...
May ít, còn tiếng nói tùy thân ...
Mưa như trời sập, mưa không tận ...
Bốn biển dâng thành một biển thôi.
Hạt cây, mầm lửa truyền nhau giữ,
Nhân loại còn đâu được mấy người
(Lão Trọng)

Người đàn ông là một thi sĩ. Người đàn ông không cá cược chữ. Không thả chữ xuống. Người đàn ông viết.

Đứa nhỏ sảng chạy trong đêm trời rục trện giông sao ...
Mãi một đời còn nghe nà tiếng đuổi ảnh hình
Đầu gò, cuối bãi .
Giặc bố ráp, kẻ chỉ điểm trùm bao bố mặt đầu
Bác bật tin ngoài đảo tù, chú mất xác nơi vàm sông,
Nhà lấy ngày đi làm giỗ cúng .
Cha sống sót về phé liệt cả thân tâm
Ngoài đồng lộng khuya, có người bị thọc giết,
Tiếng rú hãi dung nham lũ động trong chàng một vùng sọ bắt an .
Chiến tranh, mãi chiến tranh rời rã
(Nhà Xưa, Lửa Cát Ủ)

Người đàn ông biết những chữ ông viết xuống là những tạ canh dưỡng sinh. Chúng là những con chữ nặng nghìn tạ ơn nghĩa nhân gian trở mã ra cánh đồng và bàn viết dành riêng cho ông. Ông đến đây một mình và ông một mình cầm cự với những con chữ để Im Lặng Lớn và những oan hồn kia phải chấp nhận ông vào đẳng cấp của họ. Thứ đẳng cấp xuất thần của ma và thơ, của Im Lặng và thần chữ. Im Lặng Lớn và những bóng ma đã phải thần phục người đàn ông thi sĩ này một điều: Ông còn sống được một kiếp người.

Ồi đứa bé xưa kia háo hức lên nhà đi
Vượt lên trước đời mình,
Nhìn cõi thế,
Tung tích vùi chôn tận địa đầu nào ?

...
Ở chốn mệnh danh là chốn cũ
Dân gian thay mới những truyền kỳ
Đất trời ủ lúu chiêm bao khác,
Dâu biển làm mưa nắng lạ đi
Bụi rác mỗi thời, một dạng loại,
Chồng sâu thêm những địa tầng quen
Người về không biết có đứng chỗ
Lịch sử qua đường đã cải trang
(Nỗi Minh Lành Giờ)

Quý có thể xướng thi. Thượng đế có thể xoá tất cả ván cờ và làm lại. Nhưng người đàn ông thi sĩ lữ lợ viết xuống tuyên bố là mình đang hiện hữu. Một sự hiện hữu tưởng là vô duyên vô nghĩa và vô tình; nhưng là một kỳ lạ nhân ảnh. Một bí mật vô thường.

Lão trượng chiều nay về bản quán
Thong dong đường tre trúc hắt hiu
Nghe, nghe trời đất hát xa lộng,
Những tưởng tâm mình đang hát theo
Mừng linh thụ tóc râu khàng kiện
Đông đúc chim về ẩm cúng đêm .
Mừng cổ đỉnh tường mái phục chế,
Đời trùng tu từ thịt xương rêm
(Lão Trượng)

Tô Thùy Yên biết ông là một thi sĩ sống và làm được những điều mà bọn âm binh quỷ sứ cùng Im Lặng Lớn kia không làm được. Ông có trong tay một mớ Tiếng Việt và ông đã trở về từ những nhà tù khổng lồ của xứ sở Việt Nam. Ông đã đi qua bao nhiêu là xác người. Ông đã đập phải bao nhiêu bóng ma. Ông đã bị Niềm Im Lặng Lớn kia rượt đuổi đến những cuộc giao đấu trong nhiều đêm khuya giữa những đồng không mông quạnh.

Tạt vào, giũ phũ bóng đêm bám,
Xoa nhận lại mặt, ngồi định hình,
Nghe trong đầu chưa ngớt tán loạn,
Gió lên vung lướn chụp mông mênh.
Nhen nuôi một điểm lửa cô quạnh,
Cầu những hòn dâu biển ghé qua .
Lướn bút rã, mông mênh sống thoát,
Gió lại thần săn riết chẳng tha
Bất giác nghe đâu đó khuấy thăm,
Tiếng hỏi: Vì sao đến nỗi này?
Dặm cát phòng dăm lần ngoảnh lại,
Ngỡ ngàng ai khác đã qua thay
Gối đầu lên một chỗ không lý,
Ráp lại xương từng thối rã rời .
Giờ này da khuya khoắt thiên cổ,
Chớp hiện mình soi dọi lẽ loi.

Cổ ngủ, mong thay được mộng mới,
Đỡ thiu hồn rữa những tiền sinh .
Mai nữa, lại đi cùng gió quẩn,
Mịt mờ theo đuổi tiếp mộng mênh.
(Đêm Quan Ngoại)

Giữa cánh đồng, Tô Thùy Yên làm thơ. Giữa cánh đồng ông tuốt những con chữ ra thách đấu cùng Im Lặng Lớn, về sự im lặng khủng khiếp của nhân gian, về những cái chết thê thảm trong chiến tranh, về nỗi hiu quạnh của đời sống, về sự cô đơn của những kiếp người. Thi sĩ ngồi giữa cánh đồng đối thoại với Im Lặng Lớn. Thi sĩ ý thức chung quanh mình ma nhiều hơn người. Thi sĩ là kẻ đại diện thi ca để tra hỏi sự trống rỗng và hoang vu của mặt đất.

Thả trôi hồn theo một tấu khúc chùng quen
Dềnh giạt về những quã khứ bỗng ngoi nổi
Nhớ lại , cố nhớ lại những người bạn bật tin, những người thân tứ tán ...
Ngày tháng rùng rùng nổi rượt nhau
Máng rớt thất thần
Những âm bóng tàn vong ngỡ chưa từng có thực ...

Vàng, còn đâu được mấy người. Sau chiến tranh những người đàn ông HO còn được mấy người. Vô tù rồi đi Mỹ. Không ai làm được thơ nữa. Thanh Tâm Tuyền im. Nhã Ca mất giọng. Phan Nhật Nam lạc lối về. Chỉ một mình Tô Thùy Yên ngồi xuống giữa cánh đồng với một chiếc bàn, một ngọn đèn, viết ra thi. Thi sĩ này tính toán từng con chữ. Chữ của Tô Thùy Yên thường là chữ xuất quân từ ban đêm. Ghé lại một trạm xăng, một hàng *fast food* hay một *rest area*

Đây là đâu ?
Đây cũng là đâu đó vậy
Dấp nước đầu, cổ, mặt,
Tĩnh tĩnh lại với đời ...
Và trong những khoảnh đèn khoét đọng lẻ quạnh,
Nhìn chút đỉnh những con người,
Nhìn cuộc sống còn nửa thức, nửa ngủ .
Hỏi lại mình: Lòng ngất tạnh khuya,
Tìm đâu một chốn ấm hơi đời ?
(Đường Trường Đêm)

Tập thơ có tên là "Thấp Tạ"
Tô Thùy Yên đã nổi tiếng thi sĩ cùng thời với Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền ..., nhóm Sáng Tạo của Miền Nam. Nhưng Tô Thùy Yên không có tác phẩm nào xuất bản trong nước trước năm 1975.
Rồi ông đi tù Cọng Sản 13 năm.
Mười ba niên ở tù, sống qua một cuộc nội chiến. Bây giờ lưu vong tàn lạnh trên xứ Mỹ. Người đàn ông thi sĩ không biết nhờ sức gì mà sống sót giới thế. Khác với thi sĩ ông bạn là Thanh Tâm Tuyền ở Việt Nam hồi đó xuất bản trong nước, nổi um sùm. Kể từ ngày lưu đày biệt xứ trên đất Mỹ, không thấy thơ văn Thanh Tâm Tuyền đâu nữa. Nhưng Tô Thùy Yên thì ra được đến hai quyển thơ mới . Thấp Tạ là thi tập thứ hai của Tô Thùy Yên. Tập thứ nhất Thơ Tuyền xuất bản năm 1995. Cả hai đều xuất bản ở Mỹ.

Mới thấy Tô Thùy Yên là một thi sĩ cứng cựa và mạnh mẽ đẹp như một con gà trống đứng trên thềm hoàng hôn của thi ca. Gáy lên sừng tai nhân loại.
Đằng sau bìa sách có tấm hình thi sĩ tựa lên hoàng hôn chiều Minnesota, chiều Houston, hay chiều Cali. Không biết là chiều nào. Nhưng hoàng hôn phía sau và khuôn mặt phía trước thi sĩ làm cho tôi liên tưởng đến con gà trống đẹp đưa mỏ sắc nhất đưa mắt tinh anh trầm lắng u hoài gáy lên một tiếng ác liệt nhất của hơi hồng minh:

"Thấp tạ càn khôn một vô ích.
Thấp tạ nhân quần một luyến thương."

Từ chàng thi sĩ lặng tịch sáng láng sáng tác giữa cánh đồng đến biến thân thành con gà trống gáy hồng giữa buổi hoàng hôn.

Tại thơ anh làm cho tôi liên tưởng như vậy.
Có một đại bi kịch cực kỳ đáng yêu trong tập thơ Thấp Tạ là Tô Thùy Yên lượn qua lượn lại trong đồng chữ của ông và chơi toàn hàng chục, hàng trăm năm. Thế sự mười năm đã nhiều như sông. Thế sự trăm năm biết bao lịch sử kinh hoàng vật đổi sao dời. Tô Thùy Yên đeo thời gian vào câu thơ dễ dàng như người tình đeo nhẫn cưới thi ca lên đời sống. Ông là thi sĩ rất hào sảng với thời gian. Ông biến chữ pha màu thời gian thành những câu thơ rất nhẹ. Đọc kỹ sẽ thấy lịch sử tuy đầy biến động kinh hoàng nhưng rất thơ. Đời sống tràn trề những u uất kinh khủng nhưng rất gần:

Ông lão khô quắt như thanh đước,
Cổ vướng oan khuất, tay u hồn ...
Tình ý theo người đi một đổi.
Một đổi, dài hơn bốn chục năm

"Một đổi, dài hơn bốn chục năm". Từ chữ "đổi" người đọc bị gửi cho cái bị "bốn chục năm", thật đúng là bị đánh tráo ký ức thời gian nhanh như chớp!

Như trong mấy câu thơ sau:
Chỉ một bước, bước trò,
Mà rồi từ đó tới giờ biệt tăm.
Bao lần chạy vạy hỏi thăm,
Hỏi chưa ra, đã trăm năm, sững sờ.

Chỉ "một bước" mà lại là "bước trò". Bước trò là cái bước quái gì? Chưa kịp đong thóc với tác giả thì đã bị tác giả xay nhuyễn thành gạo thời gian rồi: "Hỏi chưa ra, đã trăm năm, sững sờ". Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên là một chủ đề đáng chú ý. Ông xử dụng chữ nghĩa về thời gian rất trù phú và rất "rộng". Ông cho thời gian ướt đầm màu bi ai rờn rợn nhưng lại khâu vào đấy những cảm nhận về thời gian rất mạnh và gần. Những chữ "cổ" và "rộng" về thời gian trong thơ Tô Thùy Yên phát ra thứ luồng lực của thần chữ.

Có ba điều vĩ đại trong thơ Tô Thùy Yên. Điều vĩ đại thứ nhất, thơ Tô Thùy Yên có những câu hỏi lớn về hiện hữu và vô hình. Điều vĩ đại thứ hai, thơ Tô Thùy Yên cứu mang được sự vĩnh cửu của thi ca. Sự vĩnh cửu trong tư thế sống sót. Sống sót trong thân thể của chính thi sĩ và trong những nốt thơ ông nhả ra. Thơ Tô Thùy Yên vánh chút Hán chút Đường cổ điển rất hay, nhưng cũng có khi Tự Do rất phởn. Điều bộc bạch hiển lộ nhất của thơ Tô Thùy Yên là cho dù chữ cũ hay thơ mới gì đi nữa thì thơ phải hay và thơ thì phải kiệm chữ. Điều vĩ đại cuối cùng là tài dụng ngôn của Tô Thùy Yên.

Ông là một tay chơi chữ cừ khôi. Một thi sĩ xào chữ tuyệt vời đã để lại cho đời những câu thơ lừng lẫy.

Dưới chân ta, đất nào chẳng đất võng.
Đời quấy gây chao đảo thất thần.
Thôi hãy mừng còn đứng được trên đó.
Cố sức giữ thăng bằng.
Lắm lần, trán rịn đầm.
(Nỗi Minh Lành Giờ)

Tô Thùy Yên Viên Linh (?)

*Anh hùng tận
Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Trường Sa hành
Trời mưa đêm xa nhà
Góa phụ
Đãng tử
Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Qua sông
Vườn hạ
Em nhỏ, làm chi chim biển bắc
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai*

Tô Thùy Yên khởi thi nghiệp trong nửa sau của thập kỷ 1950, chủ yếu làm thơ tự do, là hình thức thơ đang “nóng” ở Miền Nam lúc bấy giờ. Đến khoảng giữa thập kỷ 1960, Tô Thùy Yên chợt bắt đầu làm nhiều thơ luật. Về nghệ thuật, Tô Thùy Yên rất thành công với thơ luật và không mấy thành công với thơ tự do.

Thơ Tô Thùy Yên chứa thứ nội dung gì? Võ Phiến bảo nó “có chủ đề triết lý”.(1)

Triết có mấy “quan”. Tô Thùy Yên chuyên trị vũ trụ quan. Cái nhìn vũ trụ của ông ra sao? “Tôi hoàn toàn không tin vào Thượng Đế như một Đấng Toàn Thiện, Toàn Năng.”(2) Tức ông không tin Chúa. Mặt khác, tuy Tô Thùy Yên thỉnh thoảng có dùng một đôi từ trong kinh Phật, thậm chí có “đi về” “suốt bãi sông Hằng”(3), nhưng hình như trước sau Phật cũng không xuất hiện lộ lộ trong thơ ông lần nào. Không Phật không Chúa, cũng không xướng lên một triết thuyết mới... Lại Võ Phiến: “Bản khoán siêu hình là chủ yếu (...) Gần như toàn bộ sự nghiệp thi ca của ông là một dấu hỏi khổng lồ nêu lên trước cái bí ẩn muôn đời của vũ trụ.”

Thế thì đối với vũ trụ Tô Thùy Yên có thái độ giống Chế Lan Viên sao? Tưởng không hẳn. Chế Lan Viên thiên về nghĩ, trong khi Tô Thùy Yên thiên về cảm, tuy không cảm nhiều như Huy Cận. Ông Tô lại đặc biệt “nhạy” với thời gian, như ông từng tâm sự: “Thời gian (...) là nỗi ám ảnh lớn lao thường trực của tôi.”(4) Vậy người gần ông nhất chính là Võ Phiến chứ ai!(5)

Vấn về nội dung, Võ Phiến bảo vì thơ Tô Thùy Yên có nội dung siêu hình nên ông “gần gũi miền Bắc tận trong tâm hồn”. Như chúng tôi có lần bàn, “nội dung siêu hình có hai

loại. Thơ Tô Thùy Yên thuộc loại ngoài truyền thống, tức tâm hồn ông gần Trung, không phải gần Bắc. Thơ ấy gần với thơ Hàn, thơ Chế, thơ Huy, thơ Võ v.v. hơn là với thơ Phạm Thiên Thư chứ. Nó ít giống Ba Vì, mà giống Trường Sơn đi lạc xuống đồng bằng sông Cửu!"(6)

Không Bắc về nội dung, nhưng thơ Tô Thùy Yên có chỗ chia xẻ với văn học miền Bắc. Ấy là việc sử dụng tiếng Việt hết sức điêu luyện. Dĩ nhiên đó không do tình cờ. Nhà thơ đã nhận thức đúng: "Những chữ trong một câu thơ thành công (...) là những chữ (...) không thể thay thế bằng những chữ tương tự nào khác được"(7), và đã ra công thực hiện cho được cái lý tưởng văn chương.

... Tô Thùy Yên là người Nam. Cái chất Nam nó nằm đâu trong thơ ông nhỉ? Ở ngôn ngữ và ở hình tượng, tuy nói chung không rõ ràng lắm.

Tô Thùy Yên làm thứ thơ tiếng Nam cảnh Nam, nội dung Trung, với lời điêu luyện như lời Bắc! Thơ ấy có những bài hay vào bậc nhất trong lịch sử thi ca Việt Nam.

Vì thơ Tô Thùy Yên nhiều bài rất dài, cho tiện phổ biến phải chia làm mấy tuyển. Sau đây là tuyển 1, chọn từ những bài làm trước 1975.

Anh hùng tận

"Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt", chính giữa là rừng "anh hùng tận" "dô, dô tờ mờ" đến nỗi "muối thủy triều" cũng phải tạm rút!

"Bò đào mỹ tửu dạ quang bôi..."(8)

Dĩ nhiên các "hào sĩ" bạn bè không tên của "ta" đã nâng nắp bi-đông đựng rượu để mà "túy ngọa sa trường"!

Lời bài thơ toát ra được rất mạnh mẽ cái cảm xúc độc đáo trong một buổi chiều đã có thể cuối cùng...

*Dựng súng trường cỡi nón sắt
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt
Mỗi chẳng bao nhiêu, rượu rất nhiều
Đây ngã ba sông, làng sát nước
Xuống ba lá đậu kế chân bàn
Trời mới tạnh mưa còn thấp ướt
Lục bình, mây mỗi chuyến lang thang
Mấy kẻ gặp nhau nào có hẹn
Nên gặp nhau không giấu nỗi mừng
Ta gạn dăm lời thơ tặng bạn
Dấu từ lâu bỏ việc văn chương
Thiệt tình tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi, ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên...
Tới đây toàn những tay hào sĩ
Sống chết không làm thất ruột gan*

Cũng không ai nhắc về thân thể
Có vợ con mà như độc thân
Bạn hỏi thăm ta cho có lệ
Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung:
Còn mười tháng nữa lên trung úy
Có thể ngày mai chữa biết chừng
Mặt bạn mặt ta còn trắng cả
Như mặt trời chiều mới tạnh mưa
Tiếng hò mời “dô, dô” tỏ mở
Muối thủy triều chừng cũng giạt ra
Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
Sông không bờ, trời cũng không chân
Người thuở trước tìm vàng khẩn đất
Tiêu xác thân, để lại oan hồn
Ngày nay, ta bạn đến đây nữa
Đất thì không khẩn, vàng không tìm...
Bạn nhủ ta: đừng hỏi khó
Uống mất ngon vì chuyện loạn tâm
Ta chắt cho nhau giọt rượu sót
Tuồng đời sót chút thiếu niên đây
Giờ cất quân, đưa tay bắt
Ước cõi âm còn gặp để say.

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ

Đọc tên thi phẩm sau đây, sự nhớ truyện *Tam Quốc*. Do “bị” Lưu Huyền Đức “tam cố”, Khổng Minh phải rời “thảo lư” lên đường giúp Lưu sẵn hươu. Mấy chục năm đây sóng gió, quân sư đôi khi có nhớ “gian nhà cỏ”?

Vào năm làm bài Hề... (trước 1975) Tô Thùy Yên đi chưa xa, thế mà ông đã tưởng tượng ngày trở lại. Nói tưởng tượng, vì thời cuộc lúc ấy đâu dễ dàng cho bất cứ ai “lặng lạng đi đi khuất, trong lặng quên xanh hút thời gian”.

Dù sao, thi sĩ “trở lại gian nhà cỏ” là để vui thú điền viên, để “lòng ta vô sự, ta vui vẻ”, có thực chăng? E không đâu. Vô sự lối gì mà, chẳng hạn, đứng “ngắm gốc cây nứt nở vỏ” lại “nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn (mà) trí ta không đủ lực đo lường”! Thường xuyên bị “bao điều thâm lặng lớn” ám ảnh, là Tô Thùy Yên đó. Đi hay về, vẫn cứ bị “ám” nặng thôi.

Quân sư tính toán chuyện quân, đánh được một trận Xích Bích thích chí. Nhà thơ bản khoản chuyện cây nứt nở, viết nên trăm câu thơ một hơi, chắc cũng thích chí.

*Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Giữa cánh đồng không, bên kia sông
Trống trải hồn ta cơn gió rã
Tiếng tàn tàn rụng suốt mệnh mông*

*Hừng đông hùng vĩ và thanh thân
Sương hứa nguyên ngày nắng rục say
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy
Chân mây rách đỏ vết thương dài*

Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực
Con chim chèo bẻo hót lanh chanh

Ta ngồi cho đến khi trời trắng
Đồng ruộng xanh đồng đúc tiếng người
Ta rảo quanh làng hóng chuyện phiếm
Đòi người cũng chuyện phiếm mà thôi

Ở đây, ta có dăm người bạn
Phúc tự tâm, không lý đến đời
Ở đây, ta có dăm pho sách
Và một dòng sông, mấy cụm mây

Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm
Mà ta ngưỡng vọng như sư phụ
Mà ta thân thiết tựa tri âm

Lòng ta vô sự, ta vui vẻ
Bướm với hoa cùng bay nhõn nhõ
Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ

Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa
Trận lốc cười tròn trên quá vãng
Ta làm lại cả tâm hồn ta

Buổi trưa như buổi trưa nào đó
Tiếng võng đưa đưa tịch tịch mùi
Điệu hát ầu ơ hoa cỏ lịm
Nước mây buồn bã chợt quên trôi

Ta thiếp trong vòm xanh đại thọ
Đời đời giương rộng lượng bao dung
Ví dầu ta ngủ không còn dậy
Ắt hẳn lòng ta cũng dừng dừng

Chuyện trần thế bấy lâu thanh thỏa
Sống một ngày, ta rõ một ngày
Thôi vương mắc dài duyên với nợ
Ân oán đời, phong kiếm rửa tay

Còn lại chẳng cây đàn lữ tróc
Gảy mình nghe đôi điệu xưa xưa
Còn lại chẳng chút u hoài mốc
Pha cùng rượu uống đến say thua

Gặp buổi trời mưa bay phớt phớt
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân

Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá
Vậy mà ta sống có kỳ không?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Nhưng người đã chết, chết như rom...

Gặp buổi trời trong dàn bát ngát
Ngọn cây ô! đã giát hoàng hôn
Cơn gió mơn man bờ bụi rậm
Kể dạo quanh vườn chuyện trống không

Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ
Gốc cây to đến mấy người ôm
Nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn
Trí ta không đủ lực đo lường

Nên ta phó mặc cho trời đất
Trời đất vô ngôn lại bất nhân
Nên ta lẳng lẳng đi đi khuất
Trong lẳng quên xanh hút thời gian

Đêm tối êm ru lời thủ thi
Bên hè có tiếng đế ca ran
Vàng trắng ta thấy thời thơ ấu
Mọc lại cho ta thuở xẻ tàn

Hình như mọi sự đều như thế
Kể cả lòng ta cũng thế thôi
Các việc vô công làm miết miết
Quên tiết đời ta như nắm mai

Trăng, bạn hiền xưa giờ tái ngộ
Ta thức đêm nay chơi với trăng
Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi
Trên mồ ta, trăng phải lang thang

Hè, ta trở lại gian nhà cỏ
Sống tàn đời kẻ sĩ tàn mùa
Trên dốc thời gian, hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô

Xa nghe đợt gió lên cơn bão
Nhân loại quay cuồng biến đổi sâu
Bầy chó nằm châu cấn sủa rộ
Quỉ ma cười khóc rợn đêm thâu

Cuộc cờ kỳ lạ không bày tướng

*Ăn sạch quân, trừ lính được thua
Hỡi ai tráng sĩ mài dao nhọn
Xin nhớ đời không mỗi sắc vua*

*Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Từ tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ
Ngày qua ngày, cho hết đời ta.*

Trường Sa hành

Có lần bảo Hát Ngao Trên Tuyết của Cao Tần là bài hành xuất sắc thứ tư của thơ Việt Nam. Bảo thế là lỗi trầm trọng: năm 1974 Tô Thùy Yên có bài “hành Trường Sa” tuyệt vời.

Lỗi to, vì nổi: hành Cao Tần cùng loại nội dung với hành Thâm Tâm, Nguyễn Bính, Thanh Nam, trong khi hành Tô Thùy Yên khác hẳn, khiến đầu óc người đọc tự nhiên xếp nó vào một chỗ khác...

Trong khi bốn “hành sĩ” kia không lúc nào rời mặt đất, Tô Thùy Yên hay đi lạc tận... cõi Vô Biên.

Ngoài Vô Biên, thân “hữu hạn” tha hồ “tủi nhỏ nhoi”, tha hồ “đập hoảng” mà gọi “đất liền”, mà cố mở cho kỳ được “khoảng cách đặc”!

Trường Sa, có phải bất quá một cái vỏ đặc biệt thích hợp cho ông Tô tuân những cảm xúc vũ trụ độc đáo của mình vào...

Cảm xúc mạnh, thơ dài mà như làm một hơi. Còn thơ nào hơn.

*Trường Sa! Trường Sa! Đảo chuyển choáng
Thăm thẳm sâu vầy trắng bốn bề
Lính thú mươi người lạ sóng nước
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi*

*Mùa Đông Bắc, gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngờ*

*Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên*

*Bốn trăm hải lý nhớ không tới
Ta khóc cười như tự bạo hành
Đập giận, vác khòm lưng nhẩn nhục
Đường thân thế lỡ, cố đi nhanh*

Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế

Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi ?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời

Mùa gió xoay chiều, gió khóc liệt
Bãi Đông lở mắt, bãi Tây bồi
Đám cây bật gốc chờ tan xác
Có hói ra đời chẳng chọn nơi ?

Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng ả bập bềnh
Như những tầng buồn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vầng khói chim đen thảng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chùng phồng khắp châu thân

Ta ngồi bên đống lửa man rợ
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi
Nghe cây dừa ngất gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi

Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho ấm bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê

Ta nói với từng tinh tú một
Hằng đêm tất cả chuyện trong lòng
Bãi lân tinh thức âm u sáng
Ta thấy đầu ta cũng sáng trung

Đất liền, ta gọi, nghe ta không ?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc
Con chim động giấc gào cô đơn

Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên
Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên

Ôi! Lũ cây gầy ven bãi sục
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh

*Gắng tươi cho đến ngày trời ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh*

*San hô mọc tựa thêm cành nhánh
Những nỗi niềm kia cũng mãi khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người.*

Trời mưa đêm xa nhà

Đêm mưa lạnh, “góc ga thưa”, có một cái... tượng ngồi chờ tàu.

Gần tượng, có “đường sắt phân ly mấy cành”, có “gỗ tênh hênh” trong vòng tay cỏ, có “đèn le lói (như) vết thương tươi”.

Xa tượng, nhưng không xa lắm, có núi “khoác rừng dày ngòi lì”.

Núi dầm mưa không biết có lạnh không, chứ người không dầm mưa, không bị “giọt cường toan” nào nhỏ trúng, mà tim cứ “quần quại hàng hàng”...

*Ga dầm mưa chịu co ro
Cưu mang tàu thắm rét chờ sáng đi
Khoác rừng dày núi ngòi lì
Vân vi đường sắt phân ly mấy cành
Vài thân súc gỗ tênh hênh
Cỏ ôm ấp hắt lã quên tay người
Đèn le lói vết thương tươi
Trời da thi thể mưa ngùi chắm than
Hiên ga nhỏ giọt cường toan
Xuống tim quần quại hàng hàng ưu tư
Trong cơ thể máu chân chừ
Ngoài trời khói thuốc vật vờ ngại bay
Làm gì đây để giải khuây
Ngắm tay mới biết mình gầy hơn xưa
Ngồi chờ tàu góc ga thưa
Nghe hồn ẩm mốc một mùa lạnh căm.*

Góa phụ

Ai khóc ai đêm khuya, trong tiếng “chó tru thăm thẳm ngậy thiên địa”?

Có là không, “em khóc hoài chi” cái nỗi có hóa không.

*Con chim nhào chết khô trên cửa
Cửa đóng tự ngàn năm bất âm
Như đạo bùa thiêng yếm cổ mộ
Sao người khai giải chưa về thăm?*

*Em chạy tìm anh ngoài cõi gió
Lửa oan khóc giỡn cười ghê hồn
Tiếng kêu đá lở long thiên cổ*

Cát loạn muôn trùng xóa dấu chôn

*Em độc thoại lời kinh ánh xanh
Trăng lu khuya mỗi nén nhang tàn
Chó tru thăm thăm ngáy thiên địa
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lãn*

*Ngọn đèn hư ảo chong linh vị
Thắp trắng thời gian mái tóc em
Tim đập duỗi ngoài thân nổi lạnh
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm*

*Cỏ cây sống chết há ta thán
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh
Thằng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình.*

Đăng tử

Vào lúc làm bài thơ này, khoảng cuối thập kỷ 1960 đầu thập kỷ 1970, “đăng tử” Tô Thùy Yên đã “tuần du” được mấy đâu, “một đời” đã “biến đổi” được “bao” đâu, thế mà đã tưởng tượng đến ngày “trở lại ngôi Nhà Lớn”!

Từ bấy đến nay, “vũ trụ miên man chuyển động”, người “đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê”, vừa chèo vừa “thuận tay (...) ngắt một cành sậy” “làm cây sáo thổi cạn hồn sầu”, thổi thành thơ “bay tăn” khắp trong ngoài nước...

Thiết tưởng “ngày kia” trong “ngôi Nhà Lớn”, nếu (hồn) thi sĩ được ngồi đọc lại tất cả mình, đọc đến những bài như Đăng Tử, chắc “lòng những bằng lòng một kiếp thơ”!

*Ngày kia trở lại ngôi Nhà Lớn
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi.*

*Bạn có nghe, này bạn có nghe
Ở bìa rừng bên gió sửa soạn
Tuần du - cuộc tuần du bất tận
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Giữa tầng trời cao chim giục giã
Từng giàn như những thủy triều sôi
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
Về nơi hẹn nào không định trước
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Vũ trụ miên man chuyển động đều
Chim đã bay quanh từ vạn cổ
Gió thật xưa, mây thật già nua
Nên với một đời bao biến đổi
Mà trong vô hạn có chi đâu
Ly rượu rót mời, xin uống cạn
Bài ca ta hát đến đâu rồi
Xin hát nốt - còn đi kéo muện*

*Cho úp ly - bóng xế đường dài
Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn
Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê
Đến ngã ba, đành theo một lối
Tiếc ngẩn không cùng theo lối kia
Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm
Lược sử ta trong bí lục nào
Vấn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn
Thiên thu lóa tắt vệt phù du
Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sâu
Bay tản khắp vô cùng trống trải
Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau...*

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch

Đào Tiềm thì về thật, nên viết Qui Khứ Lai Từ. Còn Tô Thùy Yên thì chỉ mới tưởng tượng đến về, nên viết...

Ông Đào với ông Tô về hay muốn về, đều do không chịu được chuyện xảy ra nơi đang ở, chứ không phải do “nợ tang bồng” đã “trang trắng” mà “vỗ tay reo” mà về như ông Nguyễn (Công Trứ).

Ông Đào trả ẩn từ quan về vui thú ruộng vườn. Ông Tô mơ về “bản trạch”, nhưng trong giấc mơ ít nhất lúc đầu ông chưa vui:

“Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Là rồi một chuyện kể chưa xong”,

“Ta bằng lòng phận que diêm tắt
Chỉ giận sao mỗi lửa cháy sông”.

Vì lòng không vui, nên lắng tiếng sóng ông nghe tiếng “biển cử ai rần bãi rã rời”, trông hình “tàu chuoối xác xơ” ông thấy “nỗi đời bi thiết xé lụa tưa”...

Thơ Đào Tiềm người ta hay nói tuy có cái về bình dị, điềm đạm, nhưng không phải là không gọt giũa mà chính là “gọt giũa đến mức tự nhiên”.

Tô Thùy Yên trau chuốt thơ mình cũng rất thành công. Có điều, người có bình dị thì tự nhiên mới là bình dị. Tô Thùy Yên không bình dị, nên thơ Tô Thùy Yên sau khi đến mức tự nhiên vẫn không bình dị.

Cái đẹp muôn về, thơ sao cho lộ được cái về của mình!

*Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Gió đưa nhớ rải dọc trần gian
Trên đồng ngọn cỏ tranh khom mỗi
Đời nặng cơn bi lụy dậu dằng*

*Rời thôi, im mãi, im vô vọng
Ta tiếc dài sao đã đến đây*

Lờn rờn bóng lá đong đưa nắng
Thảm thiết dây leo quấn quít cây

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Ơn dày chôn trả đất bao dung
Cụm mây trôi rã trong trời lớn
Như giấc chiêm bao thấy giữa chừng

Con đường đi mỗi mà không tận
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách toí
Ai thở dài chi cho não nuột?
Cơn mưa hư tưởng mơ màng rơi

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Về luôn như một tiếng kêu khơi
Đã buông trong bạt ngàn xanh ngắt...
Biển cử ai rân bãi rã rời

Chuồn chuồn vui đậu trên nhánh lúa
Để lại bay đi lúc kịp buồn
Điệu hát nào lan man vương vất
Như hơi ẩm mục mặt hồ sương

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Đóa hoa buông cánh khi tàn hương
Tiếng rụng tuyết âm rền tịch mịch
Dòng sông tới biển nức tuôn, tuôn...

Các mùa chuyển động trong trời trống
Di điều qua sông xẻ luống sào
Ly biệt chẳng từ hạt cát ngọc
Tuần hoàn đến cả giọt sương châu

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Là rồi một chuyện kể chưa xong
Mùa hè cọ sát diên kim loại
Con quạ kêu ran giữa quăng không

Tàu chuối xác xơ reo ngát ngát
Nổi đời bi thiết xé lụa tưa
Hòn ngói lia bay bay mặt nước
Chìm sâu dĩ vãng đục không dò

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Bãi bùn tro trên thủy triều lui
Con còng ẩn nhẫn bò quanh quẩn
Càng nhẹ tênh trên cõng ngậm ngùi

Ta bằng lòng phận que diêm tắt
Chỉ giận sao mỗi lửa cháy sông
Thôi nói, bởi còn chi để nói

Núi xa, chim giục giã hoàng hôn

*Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Áo phơi xanh phơi nhánh đào hồng
Mùa xuân bay múa trên trời biếc
Ta bung văng tàn thuốc xuống sông.*

Qua sông

Bờ sông thường cao hơn mặt sông rõ ràng. “Đứng trên bờ nhìn xuống”, “đến bến, lên bờ” v.v. Nhưng ở trong Nam có những nơi bờ sông thấp gần sát mặt nước. Đứng ở những nơi ấy, thấy mặt sông cao như ngang... mặt mình, thấy như đã gần dinh... Hà Bá, sợ lắm!

“Mùa mưa đã tới”, ở “châu thổ mang mang trời nước sát” giữa người đã gục với người chưa gục có “độ cao” gì đáng kể đâu. Cho nên trông “đám”, người trông rất dễ

“... Nao nao mừng tượng bóng mình
Mật mừng cõi tới u minh tiếng rền”.

U minh “trào lên mắt ngời” trước mặt. Bước tới vài bước, coi như “đời đã bỏ quên”...

*Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa
Con đường đáo nhậm xa như nhớ
Chiều mập mờ, xiêu lạc dáng cò
Quán chật xanh lên rừng lính ướt
Mặt bờ phờ dính gió bao la
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét
Chuyện tình cờ nhúm ẩm cây mưa
Vang lên những địa danh huyền hoặc
Mỗi địa danh nồng một xót xa
Giặc đánh lớn - mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chừng hiu hắt nổi không tên
Tiếp tế khó - đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mười viên
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thấy sinh mặt nát lạch mương tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh
Cồn xa cây vường sáng mơ màng
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt
Niềm thiên thu đắm cỗ xe tang
Quê xa không tiện đường đưa tiễn
Nghĩa tận sơ sài đám lạnh tanh
Thêm một chút gì như hối hả
Người thân chưa khóc ráo thâm tình...
... Nao nao mừng tượng bóng mình*

*Mặt mừng cõi tới u minh tiếng rền
Xuống đò, đời đã bỏ quên...
Một sông nước lớn trào lên mắt ngời.*

Vườn hạ

Tô Thùy Yên năm ấy mới 36 tuổi, sao lại “Tím hận một đời...” với “Tuổi già gom lại...”?
Coi vậy, chớ “mùa hạ trước” qua cũng đã hăm mấy năm rồi. “Mai kia một nợ”, tính đại
thêm hăm mấy năm nữa, để khi “anh về chơi” cho đủ tuổi!

Tính năm tính tháng đùa chút thôi, chớ cũng biết người trẻ hồn già là chuyện có xảy ra.
Hồn một khi đã “chín” thì thời gian có khi không trôi nữa:

*“Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
Ngoài quăng chói chang hư ảo múa
Dường như ai réo ấu danh anh...”.*

“Mai kia một nợ anh về chơi”, nằm một mình dưới gốc cây nghe “ve kêu như biển lằng
lằng dậy”, nghe “mương nước rì rào sao sáng thờ”, nghe “thủy triều lui bạc bạc sâu”, có
lúc cất bước loanh quanh khiến “chú đế giang hồ (quen) hát say sưa dưới cỏ buồn” sợ,
nín hát, làm “cô tịch bưng ồn như máu tuôn”...

“Anh”, thiệt ngộ hết chỗ nói!

*“Thơ ấu, dậy đi, mừng dụi mắt
Cùng anh chạy nhảy tiếp thời vui”!*

*Mai kia một nợ anh về chơi
Vườn ủ đêm dư, nắng mật ngời
Thơ ấu, dậy đi, mừng dụi mắt
Cùng anh chạy nhảy tiếp thời vui.*

*Ăn trái chín cây mùa hạ trước
Thấy nhành ớt động bóng chim quen
Hỏi em, em lấy chồng xa xứ
Hỏi bạn, bạn lia quê bật tin*

*Thời gian đứt quãng dài vô định
Như sợi dây điều băng mắt tắm
Lòng anh thẳng thốt, sông chao sóng
Kỷ niệm buông tay rú ngát chìm*

*Ai ngắt giùm anh cây cỏ sướt
Làm đôi gà đá, đá ăn cười
Mùa hè đi khuất kêu không lại
Bãi mía điều tàn gốc cháy thui*

*Trời cao mỗi mắt, chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
Ngoài quăng chói chang hư ảo múa*

Dường như ai rêu ấu danh anh

*Hàng cây đứng bóng ôm tròn gốc
Đất ẩm vương hương cỏ trở màu
Ai cúi soi gương rong khỏa mặt
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao*

*Còn đợi cây mưa lớn bắt thần
Áu thơ, mừng nhá, chạy la rân
Đá bong bóng nước cơn vui vỡ
Mưa tạnh, ngồi nghe tuổi hạ tàn*

*Ve kêu như biển lằng lằng dậy
Xô giặt hồn anh mộng chập chờn
Ngủ chín giấc chiều trên xác lá
Tàn mặng âu yếm đắp thân đơn*

*Mênh mang lưu thủy trường trăng lạnh
Con chó tung tăng giỡn bóng mình
Mương nước rì rào sao sáng thờ
Đài hoa sương nạm hạt lân tinh*

*Đầy rồi, chú dế giang hồ ấy
Vẫn hát say sưa dưới cỏ buồn
Nghe tiếng chân người chột nín lặng...
Cô tịch bụng ôn như máu tuôn*

*Thấp thoáng ánh đèn rây lưới lá
Đàn ai lên cổ khúc hoài lang
Tình ơi, ta hát thầm theo nhạc
Lời nhớ, lời quên, dạ xốn xang*

*Đêm lịm chầy khuya, trăng nhợt sương
Liều đi đâu tóc xõa canh trường
Con chim lạc bạn kêu trời rộng
Hồn chết trôi miền dạ lý hương*

*Nằm đây phủ sáng hằng hà sao
Nghe thủy triều lui bậc bậc sầu
Nghe tiếng mõ chùa khô khốc khóc
U minh ngày tháng bóng lao đao*

*Cát bụi đã đành thân tấm mỏng
Thì danh với phận kẻ mà chi
Cảm thương con cá thia lia bại
Có sót huy hoàng cũng xếp vi*

*Cọc xu thấy hết ra ngoài mức
Đồng cái, thua buồn cũng liệng sông
Tím hận một đời tay cứng vụng
Chơi cầu âu cả cái tâm ngóng*

*Em có tìm không mùa hạ trước
Chiếc vành xưa đánh lạc về đâu?
Đám tranh thuở ấy cao là vậy
Vành lạc, chân không ngại bước vào...*

*Cây cối càng sừng vết chặt lồi
Chờ nhau cho đáng kiếp chờ thôi
Tuổi già gom lại bao thương tưởng
Như cuối vườn chiều mát củi rơi.*

Em nhỏ, làm chi chim biển bắc

Đọc mấy câu “(em) biệt xứ ra đi, trời bắt tội”, “còn anh hệ lụy chẳng trăm rã”, “em đẩy làm chi cửa não nề”, chợt nhớ một cái truyện ngắn cũng của Tô Thùy Yên. Trong Nơi Chốn Đi Qua, “tôi” và Phụng rất thân nhau, hoàn cảnh khiến xa nhau, cả hai cùng bất như ý trong cuộc sống, một hôm tình cờ gặp lại...

Tôi trách “em nhỏ, làm chi chim biển bắc”, nhưng thực ra tôi đâu có đi tìm em ở biển nam. Thực ra, chuyện em và tôi không quan trọng gì cả.

“... Còn vọng hằng hà sa số kiếp
Lai sinh trời đất cũ chưa quên”.

Yêu em, chẳng qua tôi yêu trời đất! Nhớ em, chẳng qua là tôi tưởng niệm thời gian!

*Em nhỏ, làm chi chim biển Bắc
Xa rồi đám lửa cuối thiên thu
Cửa thần phù dựng trường sơn sóng
Mỗi ngọn xô chìm một giấc mơ*

*Ôi những con đường đến tự đâu
Một lần gặp gỡ ngã tư nào
Rời trong vô hạn chia lìa miết
Có cuốn theo mình bụi của nhau?*

*Biệt xứ ra đi, trời bắt tội
Dài tơ tưởng rụng tóc mai xanh
Trôi mòn vóc đá tào khê thức
Nhướng mỗi ngàn sao đáy lặng thinh*

*Còn anh hệ lụy chẳng trăm rã
Cam phận cây rừng tối đẫm rêu
Nám tủa tầng tầng thân mục tới
Như mùa hoa trối tuổi già xiêu*

*Em đẩy làm chi cửa não nề
Bản lẻ khô kẹo kệt hôn mê
Nhện giăng tơ mốc nhà hoang lạnh
Tiếng gọi rền vang gỗ đá ê*

Dựng dậy hồn oan dĩ vãng nào
Con chim thần thoại mắt khoen sâu
Giật mình như đã ngàn năm ngủ
Giữ bụi lông, cất khăn tiếng gào

Có nhớ không em rừng bóng lạnh
Gốc cây ngời giọt nắng sao thừa
Gió ru mê mệt trưa tàn tạ
Hạnh phúc đưa xa tiếng thực hư

Khép mắt cho hồn bay diệu vợi
Mà yêu đến khóc, đến u mê
Để khi mở mắt, ta nhìn thấy
Cả cuộc đời ta có đáng chi

Cây rách sâu thân chắt giọt lòng
Nghiep hờn trả nghĩa đất bao dung
Mùa hè cháy hực cơn cuồng nộ
Ồ, máu thơm còn ứa chằng ngưng

Đồi lộng đưa nhau xuống cuối ngày
Thấy âu sầu hiện mỗi thân cây
Cỏ cao quán quíu chân chùng bước
Ghim xót xa đầy vạt áo bay

Làm sao đi hết những con đường
Gió với cây cùng khóc hợp tan
Mỗi đóa hoa trên đồng chói lọi
Cũng xui phù thế ngậm ngùi thân

Cầu hôn hoan chết như mưa lũ
Nước kéo nhau đi trảy khắp miền
Còn vọng hằng hà sa số kiếp
Lại sinh trời đất cũ chưa quên.

Và rồi tất cả sẽ ngoài ngoài

Đọc “những người...” sau đây, nhớ “thập loại chúng sinh”.

Xưa đại loạn qua, phần ai nấy tể. Nguyễn Văn Thành xông pha trận mạc, tể riêng tướng sĩ. Nguyễn Du “trải qua một cuộc”, chắc “trông thấy” không sót “điều” gì, nên tể chung tất cả cô hồn. Bài tể “mười loài” kết thúc với nội dung tôn giáo rõ ràng:

“Ai ơi lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi”

Hồi Tô Thùy Yên làm thơ, đại loạn chưa qua. Thi sĩ không tể, lại hình như không có niềm tin nhất định, bèn chọn “biểu dương”. “Biểu dương cùng tận” xong, “rồi tất cả sẽ ngoài ngoài”...

Hoặc sau bể dâu hoặc trong bể dâu, hoặc đậm màu tôn giáo hoặc không, “cảm sàu dội,

xuyên suốt tâm linh” nên thơ để đời.

Để ý, trong thơ xưa chỉ toàn “cô hồn thất thường dọc ngang”, trong thơ nay ngoài người kia kẻ nọ “thương thay” còn sừng sững “ta lớn lao và ta cô đơn”!

*Ra đi như nước ao lên đặc
May gặp ngày mưa lớn thoát tràn
Râu tóc rạng ngời, gậy trúc bóng
Nẻo thơm trần thế, gió hân hoan*

*Ra đi như một bình minh lạ
Trên kỷ nguyên chưa kịp hiện hình
Thi sĩ Bắc Nam đều chết rạ
Ba trăm năm lịch sử làm thinh*

*Ra đi như một âm thanh sáng
Xuyên suốt tâm linh, dội cảm sâu
Hỡi gã du hành, hãy cất tiếng
Bài ca thiên cổ chẳng thành câu*

*Tự do, ta thết mừng điên đảo
Cuộc tiệc trăm năm nhục thánh thần
Dưới bóng bao trùm hạt cát tỏa
Đền rêu, miếu cỏ lạnh ma hoang*

*Con đường vô định chưa ai tới
Hay tới nơi, thôi chẳng trở về
Hỡi gã du hành, hãy nói lại
Những điều người thoáng thấy như mê*

*Ta mò đoán nghĩa dòng hư tự
Mòn nét trong thiên địa ngập ngừng
Ta thấy mặt tinh cầu xếp nếp
Như lẩn nhẩn tuổi tác hư không*

*Những người thuở trước giương cung cứng
Cưỡi ngựa điên, hoa kích ngàn cân
Một trận tan tành ba triệu địch
Nửa chiều chết đứng hận giai nhân*

*Những người thuở trước đi tìm mộng
Lạc suối mê, hoa giặt ngược dòng
Theo tiếng kinh quan san biệt dạng
Buộc sâu, xõa tóc, thả thuyền rong*

*Những người thuở trước say vô hạn
Mơ thuốc trường sinh lạc xác phàm
Níu cánh chim bằng qua biển gió
Cây minh linh tốt mấy ngàn năm*

Những người thuở trước tham chung đỉnh

Áo mũ xênh xang chốn ngộ môn
Sơ thất, thương thay thân xuống lính
Đày ra quan ngoại, chết không chôn

Những người thuở trước như là mộng
Diễm tuyệt dung nhan thảo mộc sầu
Hương phấn bay lừng xa khỏi kiếp
Tiếng cười xé rách núi sông đau

Những người thuở trước bây giờ lạc
Trong dã sử nào như bóng mây
Trong trí nhớ nào như giọng hát
Hỡi ôi, trời đất lạnh tình thay!

Hỡi ôi, gió nổi lên cùng khắp
Giục gã du hành rảo bước thôi!
Ta uống giếng hoang, ăn trái lạ,
Tâm hồn mãi mãi mới tinh khôi

Nhiều khi ta ngược lên ngơ ngẩn
Nghe tiếng chim quen bay trót qua
Bóng thoáng như bàn tay dịu mát
Lau nhanh hơi mỗi mặt mày ta

Hoàng hôn xô bóng ta trên cát
Ta lớn lao và ta cô đơn
Ngưỡng mộ cây xương rồng gượng gượng
Thân trần đứng lẻ giữa đồng tron

Bình minh như một làn da phồng
Ta dạo men bờ sóng tuyết mù
Cảm phục bồi hồi biển nhãn nại
Bắt đầu mãi mãi lượn thiên thu

Biểu dương - hãy biểu dương cùng tận
Vinh dự lâm than của kiếp người
Hi hữu một lần trên trái đất
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.

(1) Trong bộ Văn học Miền Nam, phần Thơ.

(2) TTY trả lời phỏng vấn, đăng trong Lê Quỳnh Mai, Tác giả, với chúng ta, nxb. Khôi Nguyên, Mỹ, 2004.

(3) Đi Về và Suốt Bãi Sông Hằng là tên hai bài thơ của TTY.

(4) TTY trả lời phỏng vấn, xem chú thích 2.

(5) Xem bài Nét Siêu Hình Trong Văn Miền Trung của TT, đăng trên trang gocnhin.net.

(6) Xem bài Đất Nào Văn Nấy của TT, đăng trên trang gocnhin.net.

(7) TTY trả lời phỏng vấn, xem chú thích 2.

(8) Bài Lương Châu Từ của Vương Hàn: “Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi / Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi / Túy ngoại sa trường quân mạc tiếu / Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”.

Đôi lời về nhà thơ Tô Thùy Yên Chân Phương

Kính chào thính giả và các bạn tham dự đêm đọc thơ,

Có lẽ những độc giả quan tâm đến văn học tiếng Việt hôm nay ít nhiều đã đọc qua Tô Thùy Yên. Tôi chỉ xin nhắc lại vài con số để phác họa chân dung lịch sử của nhà thơ. Sinh năm 1938, khi cuộc chiến VN lên cao điểm năm 1968, Tô Thùy Yên được 30 tuổi. Sau 1975, qua nhiều trại tù cải tạo cho đến khi được tha năm 1988, nhà thơ đã 50. Năm năm sau, ông theo chương trình H.O. qua Mỹ với gia đình và sống cuộc đời di dân cho đến hôm nay. Những năm tháng và biến cố ấy là những cột mốc giúp chúng ta đi sâu vào thế giới thi ca của ông.

Tôi xin kể một giai thoại cá nhân. Mùa xuân 1986, tôi hân hạnh được hội kiến Thanh Tâm Tuyền trong một quán cà phê ở Đa kảo, Sài gòn. Lúc ấy tôi là một nhà thơ chui, còn Thanh Tâm Tuyền là thi sĩ đầu đàn vừa là một trong những vị khai sáng văn học hiện đại ở Việt Nam. (Ông là một thành viên của nhóm Sáng Tạo sáng tác và cổ xúy thơ văn tiền phong avant-garde.) Lúc ấy, ông vừa được trả tự do sau nhiều năm học tập cải tạo trong khi Tô Thùy Yên thì còn bị tù giam ngoài Bắc. Cũng khá trẻ trâu, phần lớn các tên tuổi Sáng Tạo đều trải qua các trại tù cải tạo; vài người nhanh chân trốn thoát thì lưu lạc xứ người như Mai Thảo... Trong cuộc nói chuyện và đôi lần gặp mặt sau đó, Thanh Tâm Tuyền đã nhắc đến Tô Thùy Yên với nhiều cảm tình và quý mến - đặc biệt đối với sự tu luyện về ngôn từ và nghệ thuật của nhà thơ chúng ta. Tôi được biết biệt hiệu "Ông Tiên" do chính Thanh Tâm Tuyền nói ra. (Tên thật của thi sĩ Tô Thùy Yên là Đình Thành Tiên).

Năm 18 tuổi, nhà thơ sáng tác bài *Cánh Đồng Con Ngựa Chuyền Tàu* –

Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu...

Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ
Chấm giữa nền nhung một vết nâu

Bài thơ bộc lộ tài năng trẻ tuổi - một Rimbaud của Sài gòn - với nỗi ám ảnh rất Nietzsche luôn luôn vươn lên đỉnh cao bất chấp mọi gian truân. Theo tôi, hình tượng con ngựa chạy đua với chiếc tàu chính là thi nhân đuổi theo Sáng Tạo và Vinh Quang, hoặc Lịch Sử và Định Mệnh. Nhưng bài thơ đồng thời cũng mang một linh cảm - hai mươi lăm năm sau, không phải thần mã Pegasus rượt đuổi Sáng Tạo mà là người lính bại trận giữa các đồng hành tù tội trên chuyến tàu phóng về các trại lao cải tâm tởi. Tôi xin đọc lại vài đoạn trong bài *Tàu Đêm* –

Tàu đi. Lúc đó, đêm vừa mới.
Lúc đó, sao trời đã ngủ mê.
Tàu rú. Sao ơi, hay thức dậy
Long lanh muôn mắt tiễn tàu đi. ...

Toa nệm lúc nhúc hồn oan khóc
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai
Ta gọi rưng rùi ta thất lạc
Ta còn chẳng đủ nữa ta đây. ...

Tàu đi như một cơn điên đảo
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau
Ta tưởng chừng nghe thời đại động
Xô đi âm ỉ một cơn đau.

Ngồi đây giữa những phân cùn bụi
Trong chuyển đời xung sát bạo tàn
Ta trở thành than, thành súc vật.
Tiếng người e cũng đã quên ngang.

Ta nghe rêm nhói thân tàn rạc
Cac thối xương lia đụng chỏi nhau
Nghe cả hồn ta bị cán nghiền
Trên đường lịch sử sắt tuôn mau. ...

Tàu đi khoan xoáy sâu đêm thép
Tiếng nghiền ghê người, thác lửa sa.
Lịch sử dường như rất vội vã
Tàu không để lại các ga qua. ...

Trên chuyến tàu lịch sử âm u, không chỉ nhà thơ-chứng nhân cùng những kẻ bất đồng chính kiến hay các tù nhân lương tâm, mà cả một dân tộc đọa đầy làm than cũng bị chở mang về một nhà tù vô hình - về trại Gulag của chế độ toàn trị Việt Nam.

Tụ lại bên nhau trong đêm đọc thơ này để tưởng niệm ngày SÀI GÒN THẮT THỦ, làm sao chúng ta quên được những gì đã xảy ra sau đó! Hơn bốn thập niên đã trôi qua; sau bao nhiêu tan nát và tai ương, gia đình chia ly, thảm kịch thuyền nhân, lao động cải tạo, xã hội ngọt ngào bế tắc...hôm nay cho dù mức sống vật chất được nâng cao hơn nhưng cái giá phải trả cho phát triển kinh tế là khủng hoảng môi trường như vụ Formosa, là oan ức nông dân như vụ Đồng Tâm...Việt Nam bây giờ vẫn là một quốc gia bị chiếm đóng, hổ ngấn cách giữa chế độ cầm quyền và nhân dân càng ngày càng sâu rộng.

Trong khi nhà nước toàn trị kiểm duyệt tin tức, những oan khiên thống khổ của dân lành được phổ biến trên các mạng xã hội nơi mà ý thức chính trị của công dân Việt càng ngày càng lan rộng. Đã đến lượt các nhà trí thức và văn nghệ sĩ của thế hệ hôm nay lên tiếng, tiếp tục sứ mệnh chứng nhân của những ngòi bút bất khuất.

Dù Sài Gòn bị thất thủ, nhưng thơ văn Sài Gòn không thất thủ. Trước khi chấm dứt, cho phép tôi trích dẫn nhà thơ Ba lan Zbigniew Herbert:

Nếu Đô Thành thất thủ nhưng có một người trốn thoát
Người ấy sẽ mang Đô Thành theo mình
Trên các nẻo đường lưu vong
Đô Thành chính là con người ấy!

HONNEUR AU POÈTE! Xin nhường lời cho nhà thơ Tô Thùy Yên .

YALE University, New Haven, April 26, 2017
& VIET-AIDS Center, Boston, April 28, 2017

Phụ đính I

Chùm thơ Tô Thùy Yên

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch

*Đào Tử sắp lìa bỏ nơi nghịch lữ,
trở về ới bản trạch. Than ôi, thương thay!*
Đào Tiềm

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch,
Gió đưa nhớ rải dọc trần gian.
Trên đồng ngọn cỏ tranh khom mỗi,
Đời nặng cơn bi lụy dịu dàng.

Rời thôi, im mãi, im vô vọng.
Ta tiếc dài sao đã đến đây.
Lờn rờn bóng lá đong đưa nắng.
Thảm thiết dây leo quấn quít cây.

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch,
Ớn dày chôn trả đất bao dung.
Cụm mây trôi rã trong trời lớn
Như giấc chiêm bao thấy giữa chừng.

Con đường đi mỗi mà không tận.
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách tơi.
Ai thờ dài chi cho não ruột?
Cơn mưa hư tưởng mơ màng rời.

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch,
Về luôn như một tiếng kêu khơi
Đã buông trong bạt ngàn xanh ngắt...
Biển cử ai rần bãi rã rời.

Chuồn chuồn vui đậu trên hành lúa
Để lại bay đi lúc kịp buồn.
Điệu hát nào lan man vương vất
Như hơi ẩm mục mặt hồ sương.

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch.
Đóa hoa buông cánh khi tàn hương,
Tiếng rưng tuyệt âm rền tịch mịch.
Dòng sông tới biển nước tuôn, tuôn...

Các mùa chuyển động trong trời trống.
Di điều qua sông xẻ luống sâu.
Ly biệt chẳng từ hạt cát ngọc,
Tuần hoàn đến cả giọt sương châu.

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch

Là rồi một chuyện kể chưa xong.
Mùa hè cọ xát điên kim loại.
Con quạ kêu ran giữa quãng không.

Tàu chuối xác xơ reo ngát ngát,
Nổi đời bi thiết xé lụa tưa.
Hòn ngói lia bay bay mặt nước
Chìm sâu dĩ vãng đục không dò.

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch.
Bãi bùn trơ trên thủy triều lui,
Con còng ẩn nhẫn bò quanh quẩn,
Càng nhẹ tênh trên cỏi ngậm ngùi.

Ta bằng lòng phận que diêm tắt,
Chỉ giận sao mỗi lửa cháy suông.
Thôi nói, bởi còn chi để nói.
Núi xa, chim giục giã hoàng hôn.

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch,
Áo phơi xanh phơi nhánh đào hồng.
Mùa xuân bay múa bên trời biếc.
Ta búng văng tàn thuốc xuống sông.

Ta về

Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai để vật áo phai
Sao bỗng nghe đau mềm phé phủ
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay

Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dấp
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ

Ta về qua những truong cùng phá
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ
Nghe tàn cát bụi thảng năm bay

Chỉ có thể. Trời cam đất nín
Đời im lìm đóng vầng xanh xao
Mười năm, thế giới già trông thấy
Đất bạc màu đi, đất bạc màu

Ta về như bóng chim qua trể
Cho vôi vàng thêm gió cuối mùa
Ai đứng trông vời mây nước đó
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ

Một đời được mấy điều mong ước
Núi lở sông bồi đã mấy khi
Lịch sử ngời đi nhiều tiếng động
Mười năm, cổ lục đã ai ghi

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ nỗi lẻ loi

Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa
Làng ta ngựa đá đã qua sông
Người đi như cá theo con nước
Trống ngũ liên nôn nả gióng mừng

Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này

Ta khóc tạ ơn đời máu chảy
Ruột mềm như đá dưới chân ta
Mười năm chớp bể mưa nguồn đó
Người thức mong buồn tận cõi xa

Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sầu nhân thế chuyển dời
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt
Tội tình chi lắm nữa người ơi

Quán dốc hơi thu lùa nỗi nhớ
Mười năm người tỏ mặt nhau đây
Nước non ngàn dặm bèo mây hơi
Đành uống lưng thối bát nước mời

Ta về như sợi tơ trời trắng
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh
Ai gọi ai đi ngoài cõi vắng
Dừng chân nghe quận thất tâm can

Lời thề buổi ấy còn mang nặng
Nên mắc tình đời cõi chẳng ra
Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ
Mười năm ta vẫn cứ là ta

Ta về như tứ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
Nhà cũ mừng còn nguyên mái, vách
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương-khó quá sống thờ ơ
Giậu nghiêng cổng đổ, thềm um cỏ
Khách cũ không còn, khách mới thưa

Ta về khai giải bùa thiêng yểm
Thức dậy đi nào, gõ đá ơ
Hãy kể lại mười năm chuyện cũ
Một lần kể lại để rồi thôi

Chiều nay ta sẽ đi thơ thần
Thăm hỏi từng cây, những nỗi nhà
Hoa buri, hoa tầm xuân có nở?
Mười năm, cây có nhớ người xa?

Ta về như đứa con phung phá
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu
Mười năm, con đã già trông thấy
Huống mẹ cha đèn sắp cạn dầu

Con gặm lại đời con thất bát
Hứa trăm điều một chẳng làm nên
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyền
Giọt lệ sương thắm khóc biến thiên

Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trở bông
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông

Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nỗi mừng giàn giụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau

Ta về dẫu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Thềm nhà bụi chuối thức thâu đêm

Cây buri xưa còn nhớ, trắng hoa
Đêm chưa khuya quá hơi trăng tà
Tình xưa như tuổi già không ngủ
Thức trọn, khuya từng nỗi xót xa

Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm một tối vui
Trăng sáng soi hồn ta vết phỏng
Trọn đời nỗi nhớ sáng khôn nguôi

Bé ơi, này những vui buồn cũ

Hãy sống, đương đầu với lãng quên
Con đé vẫn là con đé ấy
Hát rong bờ cỏ giọng thân quen

Ta về như nước Tào Khê chảy
Tinh đầu mười năm luống nhạt mờ
Thân thích những ai giờ đã khuất
Cõi đời nghe trống trải hơn xưa

Người chết đưa ta cùng xuống mộ
Đâu còn ai nữa đứng bờ ao
Khóc người ta khóc ta rơi rụng
Tuổi hạc ôi ngày một một hao

Ta về như bóng ma hồn tui
Lục lại thời gian kiếm chính mình
Ta nhạt mà thương từng phé liệu
Như từng hài cốt sắp vô danh

Ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa
Đọc lại bài thơ thừa thiếu thời
Ai đó trong hồn ta thổn thức
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi

Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thừa trần gian bay lướt qua
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
Đành không trải hết được lòng ta

Thi sĩ

1.

Cuộc đời như thế đấy.

Vẫn cặp mắt phôi trần,
Không mang kính xạm.

Vẫn thứ mực thông dụng,
Không phải cường toan.

Tôi giựt giành đổ máu với tôi
Từng chữ một.

Những tên cai ngục
Ngôn ngữ bất đồng.

Với thứ linh hồn quốc cấm,
Tôi tù tội chung thân

Giữa bốn tường không khí.

2.

Như trong đêm thâu, tiếng bẻ đốt tay,
Tiếng côn trùng bằng phẳng,
Tôi gây yên lặng với âm thanh.

Bài thơ lọt vào người như kẻ trộm,
Âm thầm
Vợ vết sạch vô tư.

Bằng mỗi lời độc nhất,
Tôi kẻ tai tiết lộ với từng người
Nhưng điều không lặp lại

Bài thơ như lá sâm.

3.

Người ta lánh mặt tôi,
Một thằng lơ lửng.

Bài thơ bỗng mất nửa linh hồn,
Ngủ ngờ ngôn ngữ ngổn ngang.

Những hòn đá vụn,
Dãy núi cực hình phải đập tan hoang.

Tôi mộng du trên trái đất mòn
Nơi tôi vắng mặt.

Để làm gì ý thức?
Tôi nài van tôi hãy xót thương tôi.

4.

Tôi chạy cắm đầu trên sợi kính hoàng
Giăng qua đôi bờ vực lạnh hư vô.

7-1960

Cánh đồng con ngựa chuyển tàu

Trên cánh đồng hoang thuần một màu,
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu.
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau.
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu.

Cỏ cây, cỏ cây lúi chổng mặt.
Gò nông cao rồi thung lũng sâu.
Ngựa thở hào hển, thở hào hển.
Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau.
Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn.
Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu.
Cánh đồng, a! cánh đồng sắp hết.
Tàu chạy mau, càng mau, càng mau.
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ,
Chấm giữa nền nhưng một vết nâu.

4-1956

Đêm qua bắc Vàm Cống

Đêm qua bắc Vàm Cống,
Mối sầu như nước sông,
Chảy hoài mà chẳng cạn,
Cuốn phăng kiếp bèo bọt.

Tôi đi xuống Lục Tỉnh
Để rắc bỏ ven đường
Tài, tâm hồn, kỷ niệm...
Giữ làm gì đau thương.

Đã đôi lần nhảm lẫn,
Còn gỡ cửa ái tình,
Van nài chút lưu luyến.
Của không về người xin.

Tôi châm điều thuốc nữa,
Đốt tàn thêm tháng năm.
Chiếc bác xa dần bến.
Đời xa dần tuổi xanh.

Nước tách nguồn về biển.
Sầu lại chảy về hồn.
Khi tôi vượt lấy mặt,
Nghe bàn tay trống trơn.

Hải phận

Như một con sò giữa chiếc vỏ,
Chúng ta cuộn tròn trong tình yêu.
Như đôi dã tràng không biết mỏi,
Chúng ta khởi sự lại mỗi sào.

Từng chút vỡ về, từng chút một,
Em tạt vào anh rồi rút đi...

Thương tích chẳng lành chan muối xót,
Bào sâu thân đá, nước tay ghi.

Anh sống làm quen cùng cái chết,
Liếm lấy mặn mà trên đầu thương,
Chìm mãi xuống em và mắt tích
Như mặt trời rã trong nước loang.

Vị thần mun hải đăng trợ trợ
Trừng mỗi con mắt ngó không gian.
Em trở về em chờ biển đổi,
Trở về em như kim chỉ nam.

Tội nghiệp

Hai đứa kéo nhau chạy vào mộng寐,
Giờ tắt thở nằm trên bãi hư vô.
Bầy ngựa chứng hàng thù dương vó bão.
Biển đưa trăng lặn vào đá tiếng ru.

1958

Thân phận của thi sĩ

1.

Cô đơn bằng Thượng đế,
Yếu đuối như linh hồn,
Làm sao tôi trèo lên
Vực thăm tở bản thảo
Trắng im lìm giá băng.

Ngó thấy tự đàng xa,
Cuộc đời hàm tiểu thật.
Tôi lỡ dại ôm ghi
Làm dập hoa, xước gai
Còn gì tuổi trẻ nữa?

Chắc tôi sẽ cắt đứt
Huyết mạch cánh tay buông.
Tất cả máu có thêm
Dòng nào cho tiểu sử?
Có xóa giùm nó chăng?

Chẳng bao giờ danh vọng
Mọc đôi cánh lang thang.
Triết lý dạy cần răng.
Tôi kiệt sức, kiệt sức.
Cuộc đời, cuộc đời ơi.

2.

Thần thánh rủ huyệt chân
Rớt xuống trần oan hận,
Thấy nhà thờ kính cẩn
Thành lưỡi gươm tuốt trần.

Có đọc thuộc thánh thư,
Linh hồn tôi vẫn vậy.
Tôi vẫn không thể lạy
Dù đứng trước hư vô.

Đầu tôi cứng và trơn,
Thượng đế làm sao ngự?
Tôi đành trốn chủ nợ
Định mệnh đòi linh hồn.

Năm tháng nhúng hoàng hôn
Đến rã rời thể xác.
Tôi thấy đã mất mát
Tất cả trừ cô đơn.

Cuộc sống nhiễm làm than
Nằm liệt trên buồn bã.
Thượng đế điềm nhiên lạ.
Tôi đánh liều cười khan.

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Giữa cánh đồng không, bên kia sông.
Trống trải hồn ta, cơn gió rã,
Tiếng tàn tàn rụng suốt mệnh mông.

Hừng đông hừng vĩ và thanh thân.
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say.
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy,
Chân mây rách đỏ vết thương dài.

Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh,
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực,
Con chim chèo bẻo hót lạnh chanh.

Ta ngồi cho đến khi trời trắng,
Đồng ruộng xanh đông đúc tiếng người.
Ta rảo quanh làng hóng chuyện phiếm.
Đời người cũng chuyện phiếm mà thôi.

Ở đây, ta có dăm người bạn,
Phúc tự tâm, không lý đến đời.
Ở đây, ta có dăm pho sách
Và một dòng sông, mấy cụm mây...

Dòng sông u hiển trôi vô lượng,
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm
Mà ta ngưỡng vọng như sư phụ,
Mà ta thân thiết tựa tri âm...

Lòng ta vô sự, ta vui vẻ.
Bướm với hoa cùng bay nhõn nhõ.
Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa.
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ.

Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp.
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa.
Trận lốc cười tròn trên quá vãng.
Ta làm lại cả tâm hồn ta.

Buổi trưa như buổi trưa nào đó,
Tiếng võng đưa đưa tịch tịch tịch,
Điệu hát ầu ơ hoa cỏ lịm,
Nước mây buồn bã chợt quên trôi.

Ta thiếp trong vòm xanh đại thọ
Đời đời giương rộng lượng bao dung.
Ví dù ta ngủ không còn dậy,
Ắt hẳn lòng ta cũng đứng vững.

Chuyện trần thế bấy lâu thanh thỏa,
Sống một ngày, ta rõ một ngày.
Thôi vướng mắc dài duyên với nợ,
Ăn oán đời, phong kiếm rửa tay.

Còn lại chẳng cây đàn lữ tróc,
Gảy mình nghe đôi điệu xưa xưa.
Còn lại chẳng chút u hoài mốc
Pha cùng rượu uống đến say thua.

Gặp buổi trời mưa bay phới phới,
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân.
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn,
Nghĩ tới đời rạn rụa thâm ân.

Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá.
Vậy mà ta sống có kỳ không?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm...

Gặp buổi trời trong dàn bát ngát,
Ngọn cây, ô! đã giát hoàng hôn.

Cơn gió mơn man bờ bụi rậm,
Kể dạo quanh vườn chuyện trống không.

Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ,
Gốc cây to đến mấy người ôm,
Nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn
Trí ta không đủ lực đo lường.

Nên ta phó mặc cho trời đất,
Trời đất vô ngôn lại bất nhân.
Nên ta lẳng lẳng đi đi khuất
Trong lãng quên xanh hút thời gian.

Đêm tối êm ru lời thủ thỉ.
Bên hè có tiếng đế ca ran.
Vàng trắng ta thấy thời thơ ấu
Mọc lại cho ta thuở xế tàn.

Hình như mọi sự đều như thế.
Kể cả lòng ta cũng thế thôi.
Các việc vô cùng làm miết miết,
Quên tiết đời ta như nấm mai.

Trăng, bạn hiền xưa giờ tái ngộ.
Ta thức đêm nay chơi với trăng,
Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi,
Quanh mờ ta, trăng phải lang thang.

Hè, ta trở lại gian nhà cỏ,
Sống tàn đời kẻ sĩ tàn mùa.
Trên dốc thời gian, hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô.

Xa nghe đợt gió lên cơn bão,
Nhân loại quay cuồng biến đổi sâu,
Bầy chó nằm châu cần sửa rộ,
Quý ma cười khóc rợn đêm thâu.

Cuộc cờ kỳ lạ không bày tướng,
Ăn sạch quân, trừ tính được thua.
Hỡi ai tráng sĩ mài dao nhọn,
Xin nhớ đời không mỗi sắc vua.

Hè, ta trở lại gian nhà cỏ,
Tử tội mừng ơn lịch sử tha.
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ,
Ngày qua ngày cho hết đời ta.

7-1972

Nguồn: Tô Thùy Yên, *Thơ tuyển*, Minnesota, 1995

Đăng tử

*Ngày kia trở lại Ngôi nhà Lớn,
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi.*

Bạn có nghe, này bạn có nghe
Ở bìa rừng bên, gió sửa soạn
Tuần du – cuộc tuần du bất tận.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Giữa tầng cao, chim giục giã
Từng giàn như những thủy triều sôi.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
Về nơi hẹn nào không định trước.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Vũ trụ miên man chuyển động đều.
Chim đã bay quanh từ vạn cổ,
Gió thật xưa, mây thật già nua.
Nên với một đời, bao biến đổi
Mà trong vô hạn có chi đâu.

Ly rượu rót mời, xin uống cạn.
Bài ca ta hát đến đâu rồi?
Xin hát nốt – còn đi kéo muộn...
Cho úp ly – bóng xế đường dài...
Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn.
Đi, đi đâu, chèo chống mỗi mê?
Đến ngã ba, đành theo một lối,
Tiếc ngần không cùng theo lối kia.
Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm
Lược sử ta trong bí lục nào,
Văn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn,
Thiên thu loé tắt vệt phù du...
Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sầu
Bay tản khắp vô cùng trống trải,
Âm thừa tường lạc đến muôn sau...

Qua sông

Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện.
Mưa lâu, trời mốc, buồn hời xưa.
Con đường đáo nhậm xa như nhớ.
Chiều mập mờ xiêu lạc đáng cò.
Quán chật xanh lên rừng lính ướt,
Mặt bờ phờ dính gió bao la.
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét,
Chuyện tình cờ nhúm ẩm cây mưa.
Vang lên những địa danh huyền hoặc,

Mỗi địa danh nồng một xót xa.
Giặc đánh lớn – mùa mưa đã tới.
Mùa mưa như một trận mưa liền.
Châu thổ mang mang trời nước sát,
Hồn chùng hiu hắt nỗi không tên.

Tiếp tế khó – đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mười viên.
Di tản khó – sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên.
Người chết mấy ngày chưa lấy xác,
Thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh.
Cồn xa cây vượng sáng mơ màng.
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt.
Niềm thiên thu đắm cỗ xe tang.
Quê xa không tiện đường đưa tiễn,
Nghĩa tận sơ sài, đám lạnh tanh.
Thêm một chút gì như hối hả,
Người thân chưa khóc ráo thâm tình...

... Nao nao mừng tượng bóng mình
Mặt mừng cõi tới, u minh tiếng rên.
Xuống đò, đời đã bỏ quên...
Một sông nước lớn trào lên mắt người.

Anh hùng tận

Dựng súng trường, cỡi nón sắt
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều.
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt,
Mỗi chảng bao nhiêu, rượu rất nhiều.
Đây ngã ba sông, làng sát nước,
Xuống ba lá đậu kê chân bàn.
Trời mới tạnh mưa còn thấp ướt.
Lục bình, mây mỗi chuyển lang thang.
Mấy kẻ gặp nhau nào có hẹn
Nên gặp nhau không giấu nỗi mừng.
Ta gạn dăm lời thơ tặng bạn
Dẫu từ lâu bỏ việc văn chương.
Thiệt tình, tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen.

Hề chi, ta uống cho say đã,
Nào có ra gì một cái tên...
Tới đây toàn những tay hào sĩ
Sống chết không làm thất ruột gan.
Cũng không ai nhắc gì thân thể
Có vợ con mà như độc thân.
Bạn hỏi thăm ta cho có lệ

Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung:
Còn mười tháng nữa lên trung úy,
Có thể ngày mai chữa biết chùng...
Mặt bạn, mặt ta còn trắng cả
Như mặt trời chiều mới tạnh mưa.
Tiếng hò mời dzô, dzô tỏ mở,
Muối thủy triều chùng cũng giạt ra.

Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt.
Sông không bờ, trời cũng không chân.
Người thuở trước tìm vàng khẩn đất
Tiêu xác thân, để lại oan hồn.
Ngày nay, ta bạn đến đây nữa,
Đất thì không khẩn, vàng không tìm...
Bạn nhủ ta: đừng hỏi khó,
Uống mát ngon vì chuyện loạn tâm.
Ta chắt cho nhau giọt rượu sót,
Tuồng đời sót chút thiếu niên đây.
Giờ cát quân, đưa tay bắt,
Ước cõi âm còn gặp để say.

Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới

Một ngày, ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Ngoài biên khơi, trên lục địa...
Sò hến, côn trùng cũng chẳng yên thân.

Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới,
Quật ngã những bức tượng, xô sập những đền đài.
Tiếng hú chạy dài suốt lịch sử.

Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới,
Xé rách một kỷ nguyên, phân tán các dân tộc.
Để mọi người câm lặng ăn năn.

Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới,
Dựng dậy những hồn ma, đập vùi những kẻ sống.
Chúng ta hiểu rằng mọi sự bắt đầu...

Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Trên mỗi ly vương của từng bộ thần kinh...
Không còn ai trốn chạy.

Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới.
Sườn núi rất đỏ, đồng ruộng khô ran.
Rồi mặt đất cũng vô danh như mặt biển.

Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới.
Sa mạc cháy bùng lên vùng khói cát
Đổ xuống trần gian và trí nhớ đời đời.

Một ngày, một ngày,
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới,
Thổi tới.

Thi sĩ, ôi, hoàng tử bi thương,
Hãy thoát giúp chúng ta lời nói chót
Như bài thai đồ giữa hư không.

1968

Mòn gót chân sương nắng tháng năm

Tặng Lê Thị Trang

Đôi bàn tay vỗ nháng âm thanh
Loan báo trần gian buổi thượng trình
Của các vương tôn miền trí tuệ
Lần sau cùng phó hội u minh.
Ôi các vương tôn miền trí tuệ
Mưu đồ đo đạc cả Vô Biên,
Tung ra khắp bãi thời gian lộng
Lượn lượn ưu tư khóc liệt rên,
Giờ đã thượng trình im tịch diệt,
Nhà tan sắc áo bụi quan san.
Mỗi chìm đắm lửa ngoài muôn dặm.
Kể từ đây, thế giới cư tang...
Suốt bến sông này, hoa trắng nở,
Cỏ cây lưu gió khóc mơ màng...

Chẳng hẹn mà sao vẫn đợi nhau?
Nước xưa về tận chốn giang đầu,
Thăm hỏi con chim màu sặc sỡ
Lời ca u uất giấu nơi đâu?
Con chim thoát xác thành cơn mộng
Bay liệng dài trên trí nhớ không.
Chiều chiều, lớp lớp mây vô sử
Quần tụ bên trời gọi nhớ nhung.
Ta gửi mỗi ngày một sợi tóc
Cầu may cho trận gió kinh thiên.
Có ai bên cõi vô cùng tận
Bắt gặp lòng ta bay đảo điên?
Có thể mai kia, Thời Đại Lớn
Sáng rên trên cõi sóng tinh anh.

Bây giờ, cỏ mọc nơi mồ lạnh
Cũng nửa vàng chen nửa biếng xanh.
Đời đồng thuộc mỗi câu tra vấn.
Gió thổi chai người đứng lặng thinh.
Biển Bắc tuyết mù con nhận lạc,

Thời gian mất trí trắng vô âm.
Hỡi người cố cựu trong trời đất,
Khi nước tràn sông, có nén tâm?
Vụt đước đi thẳm đến măn kiếp,
Lèm bèm ú ớ chuyện nhân gian,
Phất phơ chèo áo đường thiên cổ,
Nước mắt hồng tuôn đến đá mòn.
Đâu miệng giếng xưa giờ ẩn tích
Dưới xum xuê hoang phế xanh rờn?

Trăm năm, rồi lại trăm năm khác,
Tên đóa hoa này, người nhớ chẳng?
Con ngựa bắt kham cuồng bão táp
Cõi hồng trần lồi nổi kinh tâm.
Tiếng kêu réo đuổi trong thăm thẳm.
Mòn gót chân sương nắng tháng Năm.
Thấy, thấy sóng tan tành lũ lượt,
Đời hoài công đứt nối miên man,
Ta về tắm lại dòng sông cũ
Luống những bình yên kiếp đã tràn.
Ha hả tiếng cười u tịch thốt.
Đêm đêm sao lạc rụng trong vườn.
Sáng ngày, đời giạt mình ngo ngác,
Mường tượng đôi ba chuyện bắt quàng.

Ta gắng về sâu lòng quá vãng,
Truy tầm mê mỗi lý sơ nguyên.
Hỡi ôi, dọc dọc thầy cầm cứng,
Mắt trợn trừng chưa dứt ngạc nhiên...
Ta lại trôi lên dương thế rộn,
Ngày ngày ra bãi vắng vời trông
Bóng chìm, tắm cá, càn trôi giạt...
Bất luận điều chi giữa mịt mù...

Chiều trên Phá Tam Giang

1.
Chiếc trực thẳng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang,
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát giát,
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi.
Ngó xuống cảm thương người lỡ bước,
Trời nước mông mênh, thân nhỏ nhoi.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang.
Nhớ câu ca dao sâu vạn cổ.
Chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran.
Trời thơm nước, thơm cây, thơm xác rạ,
Thơm cả thiết tha đời.

Rào rào trận gió nhám mặt mũi.
Rào rào trận buồn ngây chân tay.
Ta ngó thấy ghe thuyền quần tụ
Từng đoàn như trẻ ghê ma.
Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ
Từng cây như nổi bất an già.
Ta ngó thấy rào chà cản nước
Từng hàng như nổi lực lao đao.
Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc
Từng ngôi như miệng đất đang gào.
Vì sao người tới đây?
Hỡi gã cộng quân sốt rét, đói,
Xích lờn nguyên sinh Bắc, tử Nam.
Vì sao ta tới đây?
Lòng xót xa, thân xác mỗi mòn,
Dưới mắt người làm tên lính ngục.
Ví dầu người bắn rụng ta
Như tiếng hét
Xé hư không bật im,
Chuyện cũng thành vô ích.
Ví dầu người gục
Vì bom đạn bất dung,
Thi thể chẳng ai thu,
Nào có chi đáng kể.
Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng,
Ví dầu các việc người làm, các việc ta làm
Có cùng gom góp lại,
Mặt đất này đổi khác được bao nhiêu ?
Người há chẳng thấy sao
Phá Tam Giang, phá Tam giang ngày rày đâu đã cạn?
Ta phá lên cười, ta phá lên cười
Khi tưởng tượng người cùng ta gặp gỡ
Ở cõi âm nào người vốn không tin,
Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa:
Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc...?
Các việc người làm,
Người tưởng chừng ghê gớm lắm.
Các việc ta làm,
Ta xét thấy chẳng ra chi.
Nên người hăng điên, còn ta ảm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau.
Ta tự hỏi vì sao,
(Còn người, có bao giờ người tự hỏi?)
Và ta tự trả lời.
(Có bao giờ người tự trả lời?)
Chúng ta khác nào cánh quạt phi cơ
Phải quạt, phải quạt
Chỉ vì nó phải quạt.
Ta thương ta yếu hèn.
Ta thương người khờ khạo.

Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử,
Cùng mê sa một con đĩ thập thành.
Chiều trên phá Tam Giang rộn ràng tiếng chiến trận.
Chiều trên phá Tam Giang im lìm âm cảm thông.

2.

Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận.

Giờ này thương xá sắp đóng cửa.
Người lao công quét dọn hành lang.
Những tử kính tối om.
Giờ này thành phố chợt bùng lên
Để rồi tắt nghỉ sớm.
(Sài Gòn nói rộng giờ giới nghiêm.
Sài Gòn không còn buổi tối nữa.)
Giờ này có thể trời đang nắng.
Em rời thư viện đi rong chơi
Dưới đôi vòm cây ủ yên tĩnh
Viền dòng trời ngọc thạch len trôi.

Nghĩ tới ngày thi tương lai thúc hối,
Căn phòng cao ốc vàng vố ánh đèn,
Quyển sách mở sâu đêm.
Nghĩ tới người mẹ đăm chiêu, đưa em quái quỉ.
Nghĩ tới đủ thứ chuyện tầm thường
Mà cô gái nào cũng nghĩ tới.
Rồi nghĩ tới anh, nghĩ tới anh
Một cách tự nhiên và khốn khổ.
Giờ này có thể trời đang mưa.
Em đi nép hàng hiên suorút suorút,
Nhìn bong bóng nước chạy trên hè
Như những đóa hoa nở gấp rút.
Rồi có thể em vào một quán nước quen
Nơi chúng ta thường hẹn gặp,
Buông tâm trí bập bênh trên những đợt lao xao
Giữa những đám ghé bàn quạnh quẽ.

Nghĩ tới anh, nghĩ tới anh,
Cơn nghĩ tới không sao cầm giữ nổi
Như dòng lệ nào bất giác rơi tuôn.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Của chiến tranh mà em không biết rõ.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Một điều em sợ phải nghĩ tới.
Giờ này thành phố chợt bùng lên.

Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em

Nhớ bất tận.

Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi
Rực chiếu bao nhiêu giấc mộng đua đòi
Như những mặt trời con thật dễ thương
Sẽ rơi rụng dọc đường lên dốc tuổi,
Mỗi sáng trưa chiều tối đêm khuya.
Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi,
Coi chuyện đó như lần đi tuyết tích
Trong nước trời lãng đãng nghìn trùng,
Không nghe thấy cả tiếng mình độc thoại.
Anh yêu, yêu nuôi tuổi hai mươi,
Thấy trong lòng đời nở thật lẻ loi
Một cành mai nhị độ.
Thấy tình yêu như vận hội tàn đời
Để xé mình khỏi ác mộng
Mà người đàn ông mê tưởng suốt thanh xuân.

Ôi tình yêu, bằng chứng huy hoàng của thất bại!

3.

Chiều trên phá Tam Giang,
Mây nhìn con nước xiết
Chảy băng bờ bãi ngổn ngang câm.
Nghĩ tới, nghĩ tới những công trình mây có thể hoàn thành
Mà rồi mây bỏ dở.
Nghĩ tới kiếp người đang lỡ độ đường
Trên mịt mùng nghi hoặc.
Nghĩ tới thanh xuân mất tích tự đời nào
Còn lưu hậu chua cay hoài vọng.
Nghĩ tới khu vườn ẩn cư cỏ cây khuất lấp,
Căn nhà ma ám chầy ngày gió thổi miên man
Đụt tuổi già bình an vô tích sự
Như lau lách bồm sòm trên mặt sông nhãn
Cùng cái chết.
Cái chết lâu như nổi héo hon dần
Làm chính mình bực bội.
Gió muôn ngàn năm thổi lẽ tuàn hoàn
Cho cỏ cây thay đời đổi kiếp.
Và mây kinh sợ nghe nhắc điều vượt sức bình sinh
Bởi mây không đủ dạn dày trình diễn tới lui cơn thất chí
Như gã hề cuồng mưu sinh giữa chốn đông người
Vớ từng ấy tấn tuồng bản tiện
Rút ra từ lịch sử u mê.
Gió thổi thêm đi, gió thổi thêm đi
Cho cỏ cây mau chết, mau hồi sinh.
Mây mặc kệ.
Chiều trên phá Tam Giang
Có gã hề cuồng buông tiếng cười lạnh rợn
Khiến bày ác thú mà lịch sử sanh cầm cũng chột hãi hùng
Dớn dác ngó.

6-1972